

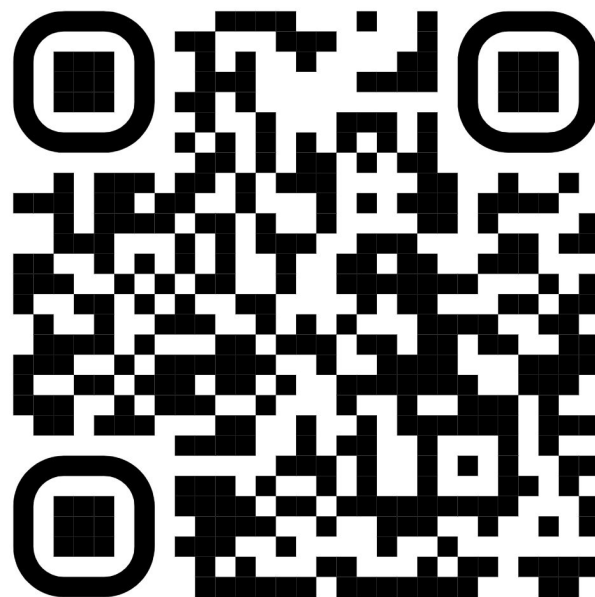
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Ứng dụng quản trị tập trung
đa nền tảng

FPT VMSmart
Nền tảng Web
Version 3



QUÉT MÃ ĐỂ XEM TÀI LIỆU GIỚI THIỆU TỔNG QUAN PHẦN MỀM QUẢN TRỊ TẬP TRUNG FPT VMSMART



Mục	Nội dung
1	HƯỚNG DẪN ĐĂNG NHẬP TÀI KHOẢN
1.1	Đăng nhập tài khoản
1.2	Khôi phục mật khẩu
2	HƯỚNG DẪN XEM VIDEO TRÊN ỨNG DỤNG
3	QUẢN LÝ ĐỊA ĐIỂM
3.1	Thêm địa điểm mới
3.2	Thay đổi thông tin địa điểm
3.3	Thêm địa điểm theo nhóm
3.4	Chỉnh sửa nhóm địa điểm
3.5	Thêm địa điểm vào nhóm
3.6	Tạo thêm nhóm con
3.7	Xóa nhóm
4	QUẢN LÝ QUYỀN TRUY CẬP
4.1	Thêm nhân viên
4.2	Chỉnh sửa thông tin nhân viên
4.3	Phân quyền cho nhân viên
4.4	Xóa quyền truy cập

Mục	Nội dung
5	HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG DỊCH VỤ AI - TÍNH NĂNG ĐẾM NGƯỜI
5.1	Truy cập tính năng
5.2	Xem chi tiết dữ liệu
5.3	Xuất dữ liệu
6	HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG DỊCH VỤ AI - TÍNH NĂNG NHẬN DIỆN KHUÔN MẶT
6.1	Truy cập tính năng
6.2	Xem chi tiết dữ liệu
6.3	Truy cập lịch sử hoạt động
7	HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG DỊCH VỤ AI - TÍNH NĂNG BẢN ĐỒ MẬT ĐỘ
7.1	Truy cập tính năng
7.2	Xem chi tiết dữ liệu
7.3	Cài đặt
6	HƯỚNG DẪN KÍCH HOẠT GÓI DỊCH VỤ

1. Hướng dẫn đăng nhập tài khoản

Hướng dẫn đăng nhập tài khoản

Đăng nhập tài khoản

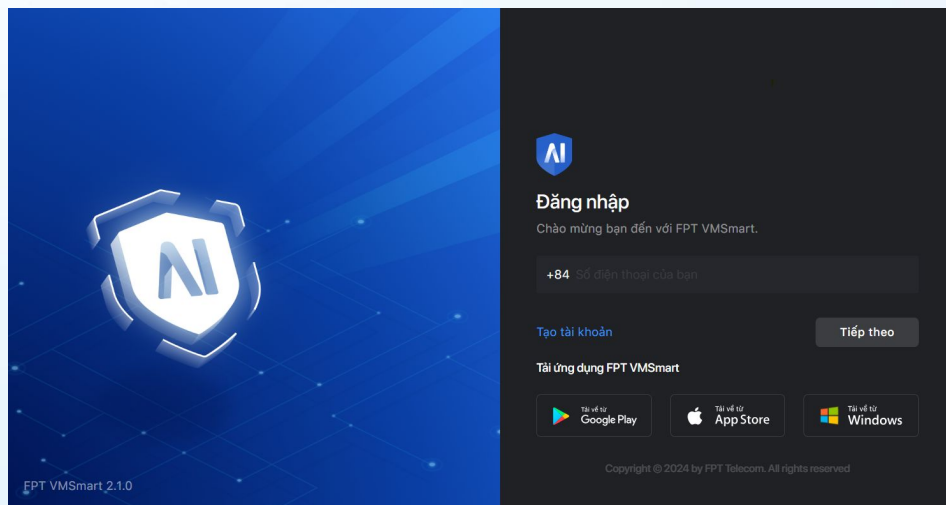
Truy cập **FPT VMSmart** thông qua đường link:
<https://fpt-vmsmart.fcam.vn/>



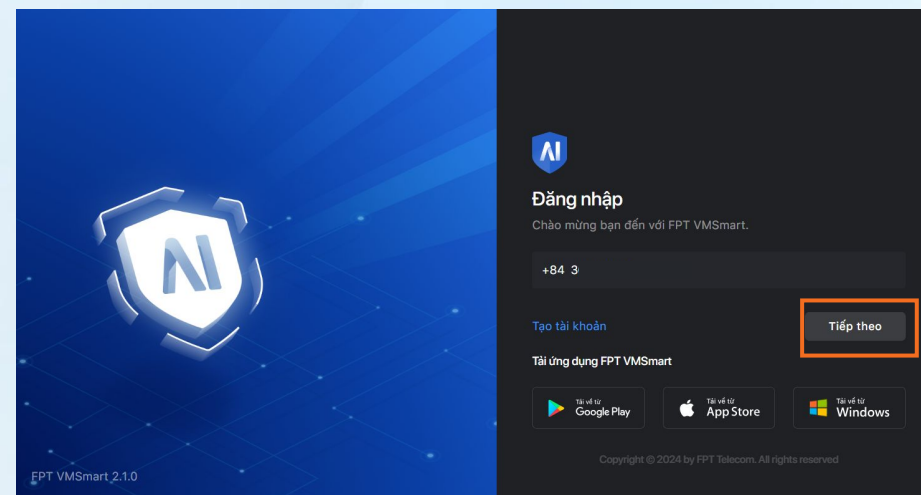
Hướng dẫn đăng nhập tài khoản

Đăng nhập tài khoản

B1: Tại màn hình Thiết lập tài khoản



B2: Nhập số điện thoại và nhấn nút **Tiếp theo**

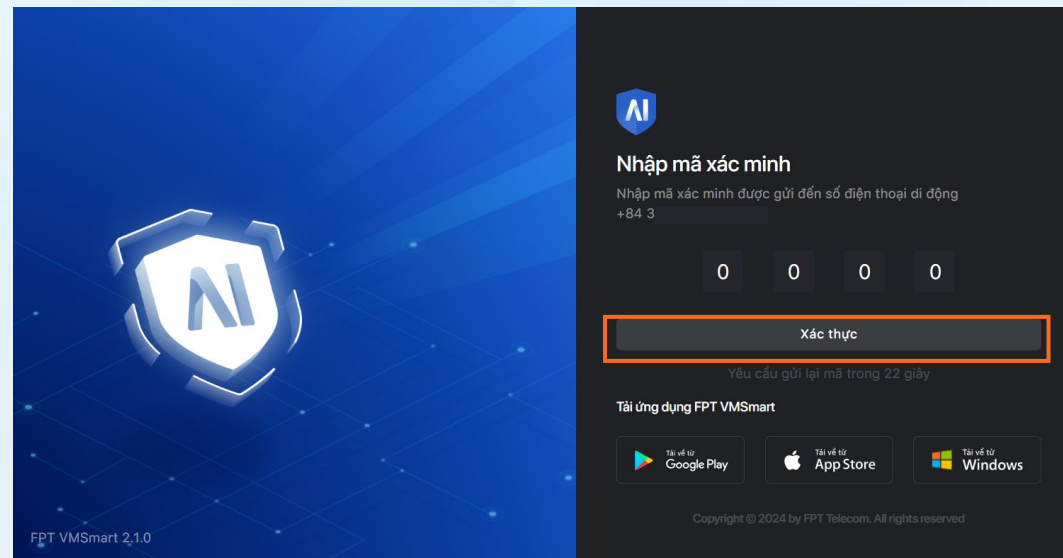
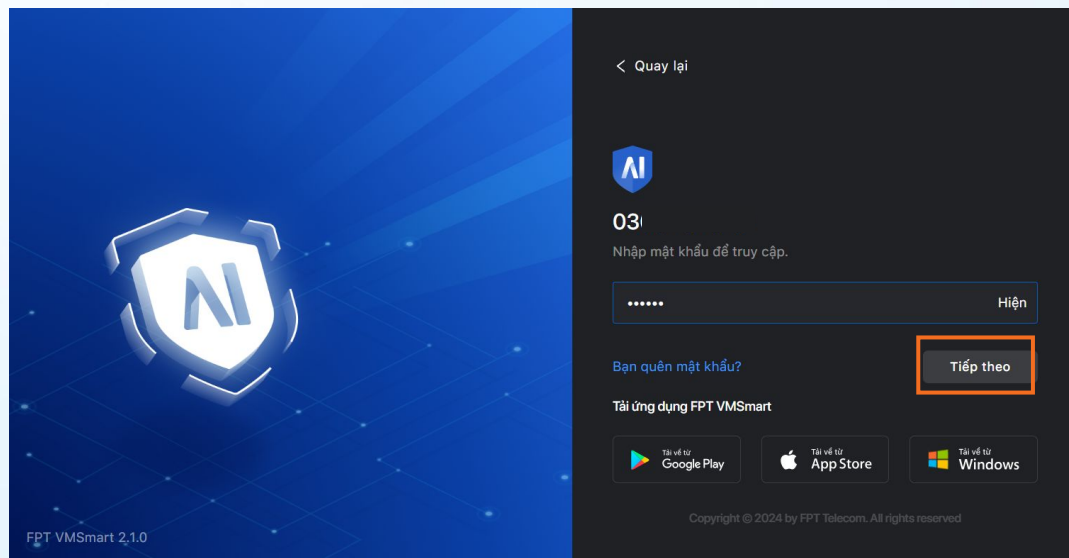


Hướng dẫn đăng nhập tài khoản

Đăng nhập tài khoản

B2: Nhập **mật khẩu** và nhấn **Tiếp tục**

B3: Mã **OTP** sẽ được gửi về số điện thoại vừa đăng kí. Nhập **mã OTP** và nhấn **Xác thực**

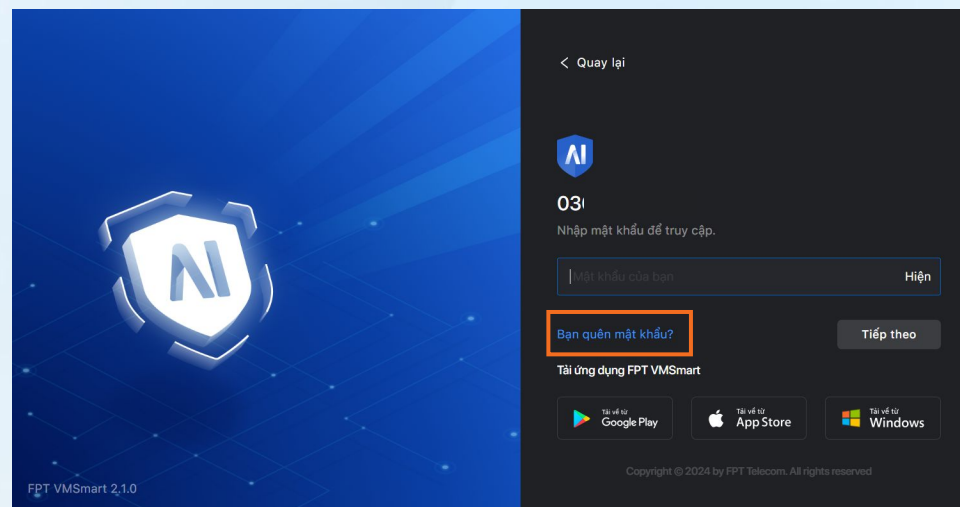
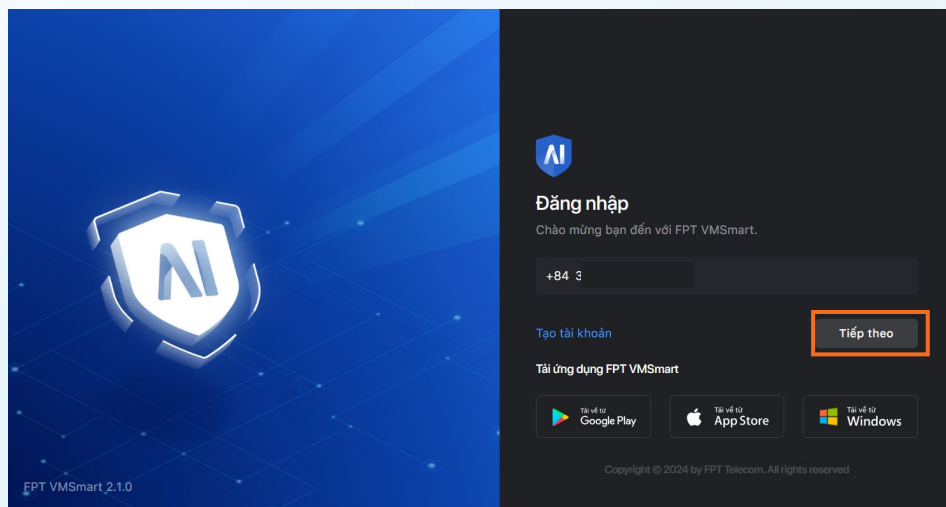


Hướng dẫn đăng nhập tài khoản

Khôi phục mật khẩu

B1: Nhập **số điện thoại** và
nhấn nút **Tiếp theo**

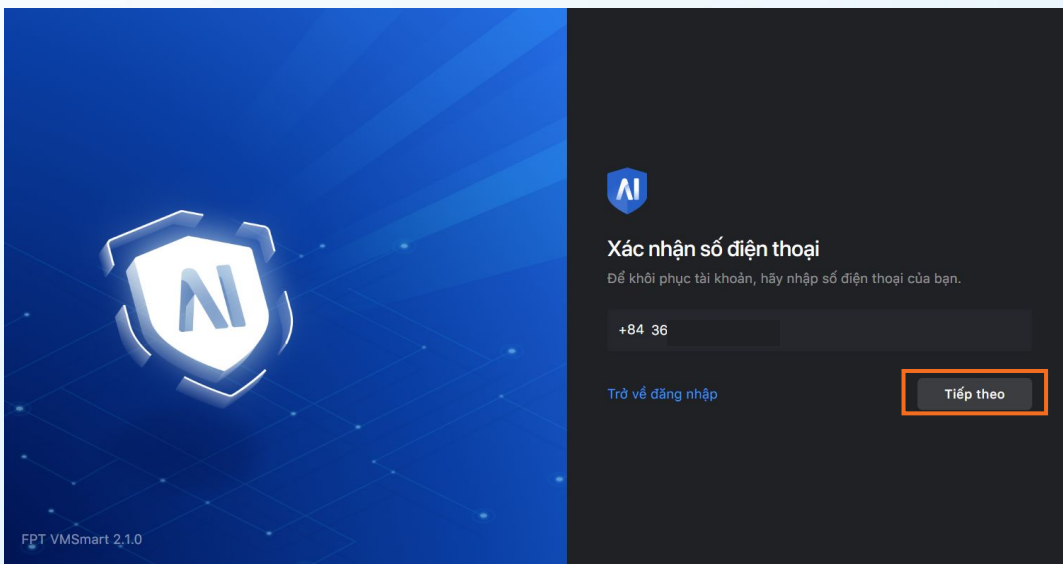
B2: Nhấn vào phần
Bạn quên mật khẩu?



Hướng dẫn đăng nhập tài khoản

Khôi phục mật khẩu

B3: Xác nhận **số điện thoại** và nhấn nút **Tiếp theo**



Xác nhận số điện thoại

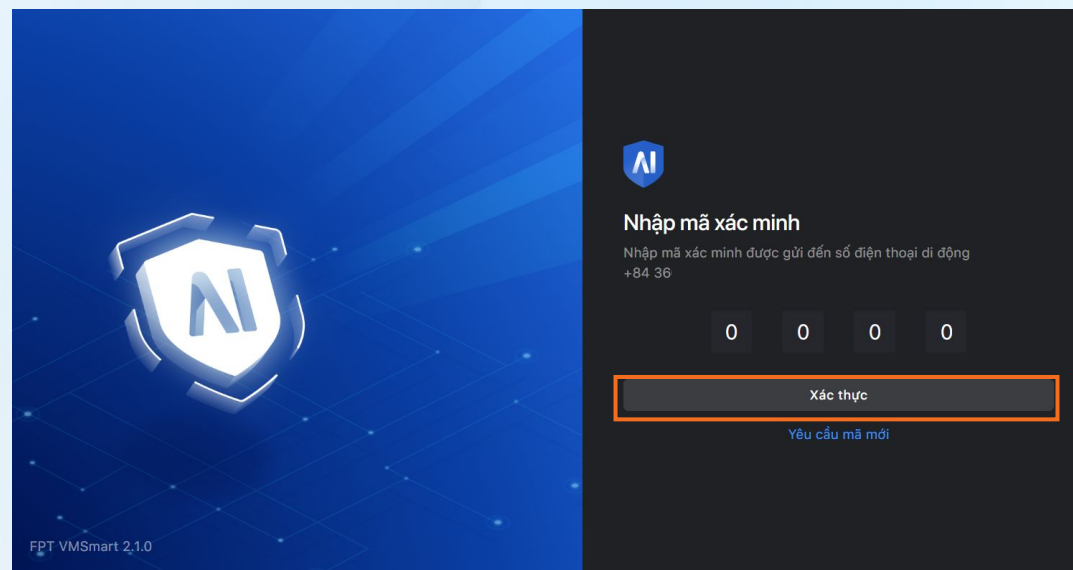
Để khôi phục tài khoản, hãy nhập số điện thoại của bạn.

+84 36

[Trở về đăng nhập](#) **Tiếp theo**

FPT VMSmart 2.1.0

B4: Nhập **mã OTP** được gửi tới điện thoại và nhấn **Xác thực**



Nhập mã xác minh

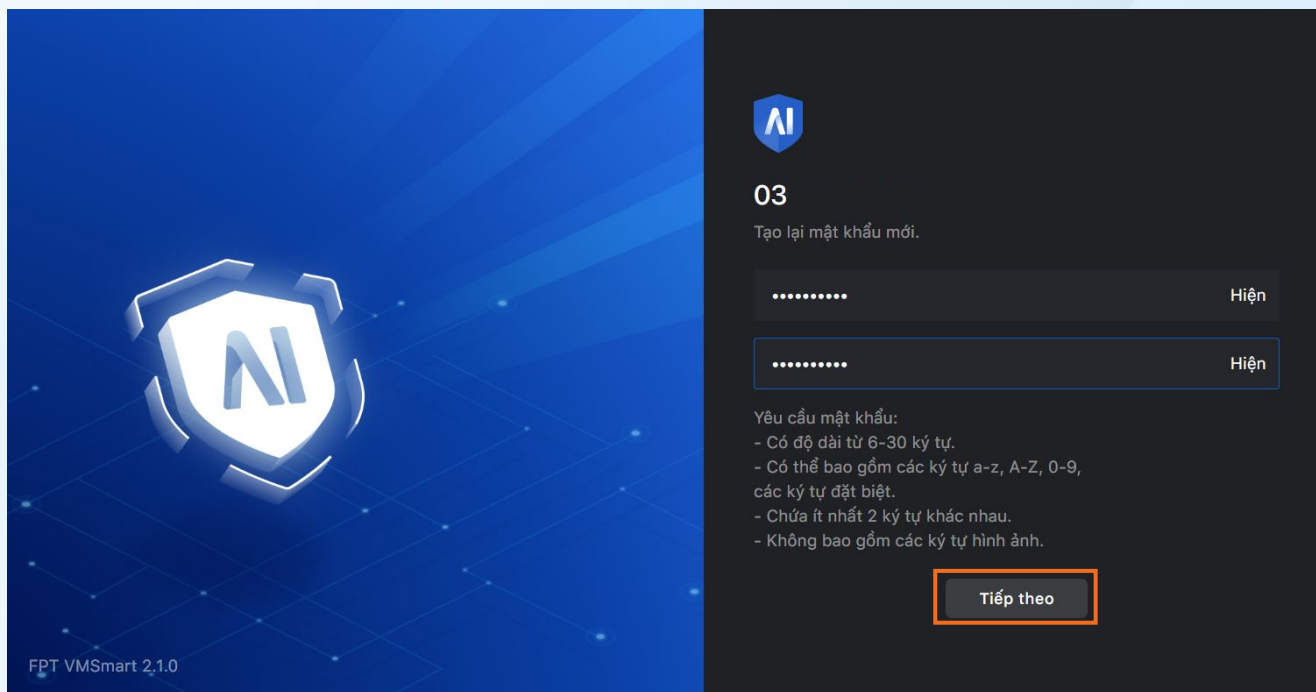
Nhập mã xác minh được gửi đến số điện thoại di động +84 36

0 0 0 0

Xác thực [Yêu cầu mã mới](#)

FPT VMSmart 2.1.0

B5: Nhập **mật khẩu mới** và
nhấn nút **Tiếp theo**



AI

03

Tạo lại mật khẩu mới.

..... Hiện

..... Hiện

Yêu cầu mật khẩu:

- Có độ dài từ 6-30 ký tự.
- Có thể bao gồm các ký tự a-z, A-Z, 0-9, các ký tự đặc biệt.
- Chứa ít nhất 2 ký tự khác nhau.
- Không bao gồm các ký tự hình ảnh.

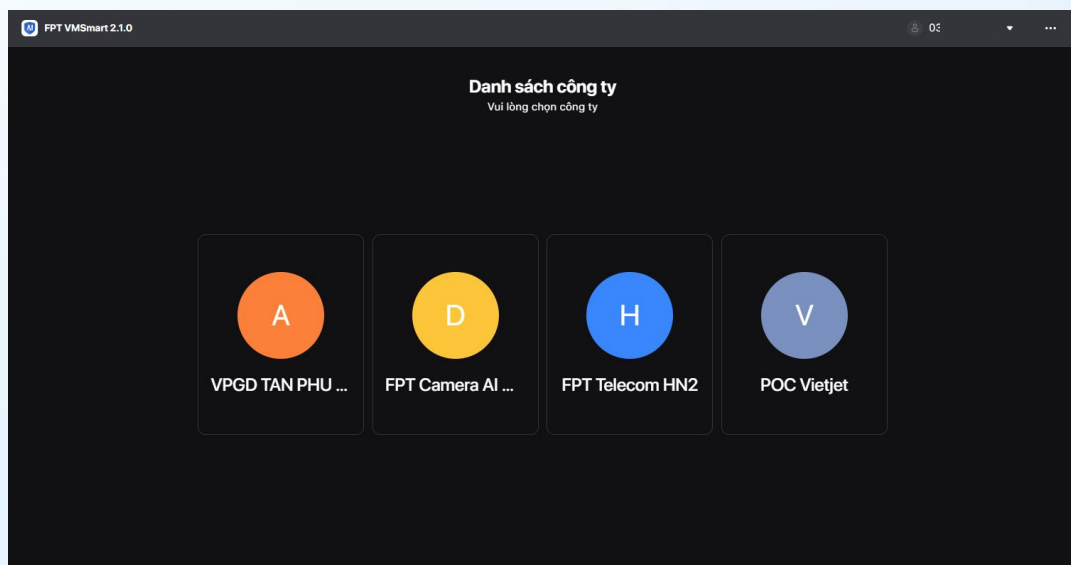
Tiếp theo

FPT VMSmart 2.1.0

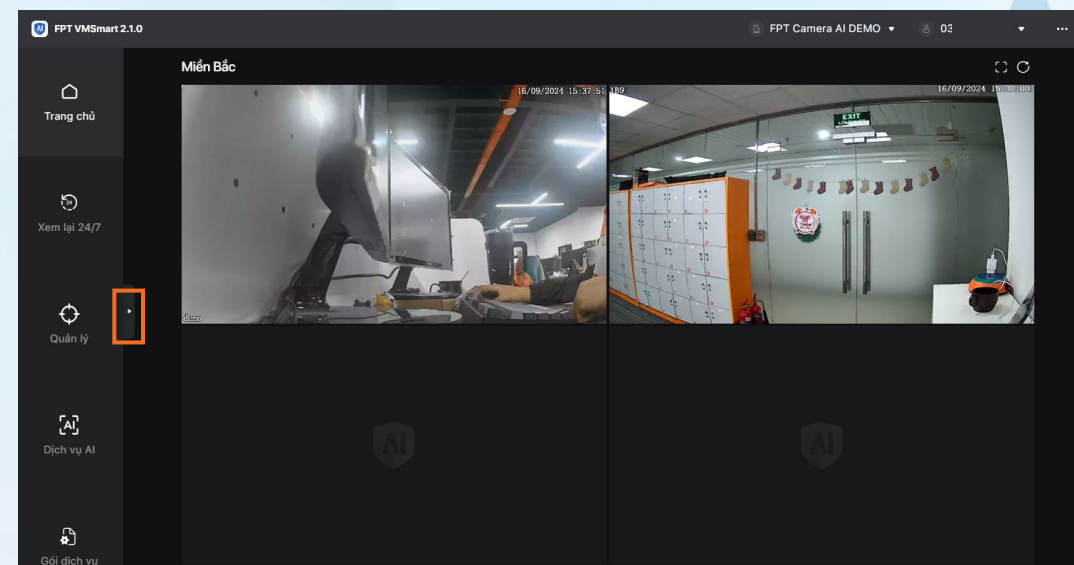
2. Hướng dẫn xem video trên ứng dụng

Trên ứng dụng phiên bản dành cho web, người dùng có thể xem trực tiếp video

Bước 1: Chọn công ty trong danh sách bạn sở hữu



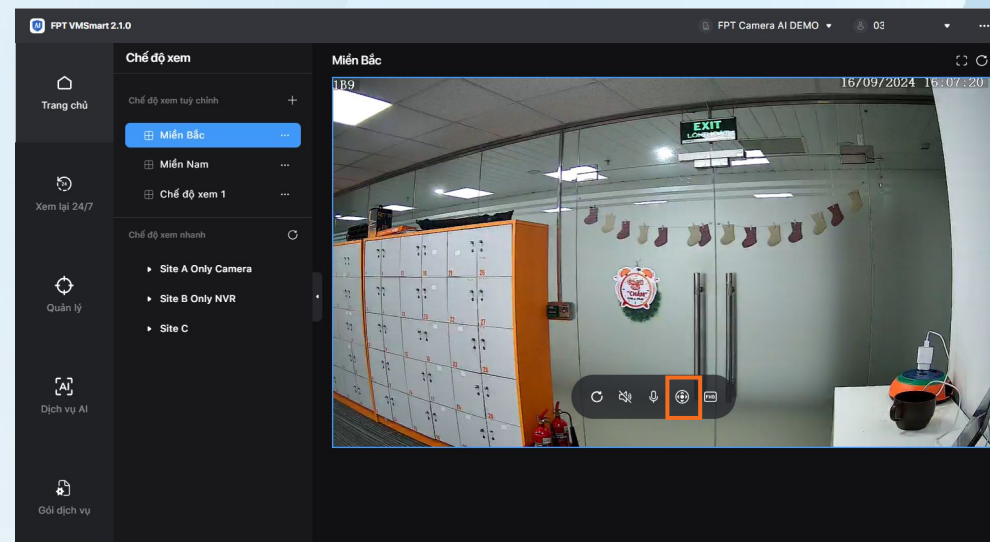
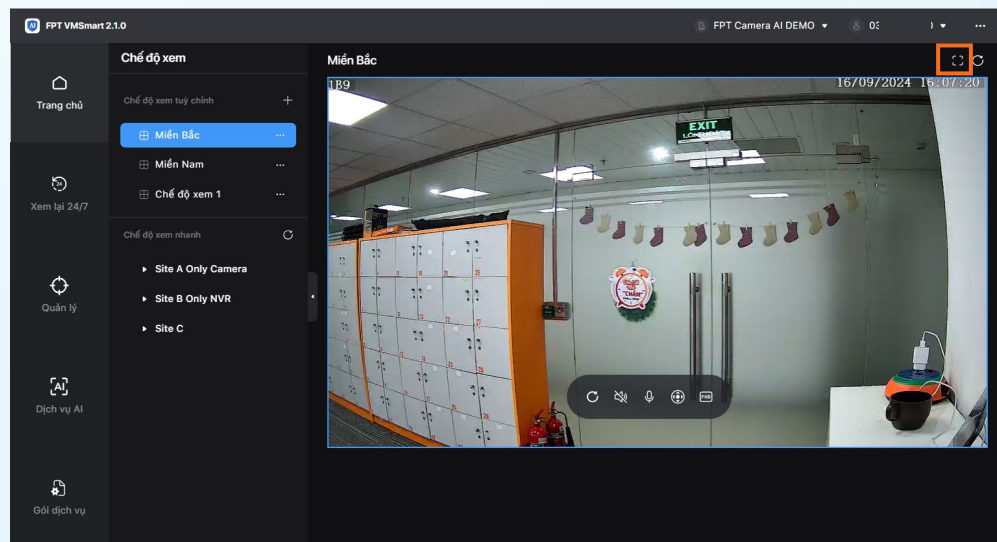
Bước 2: Chọn icon như trên màn hình để chọn xem theo từng Camera



Người dùng ngoài việc có thể xem trực tiếp video thì còn có thể thao tác các tính năng kèm theo

Tính năng xem video toàn màn hình

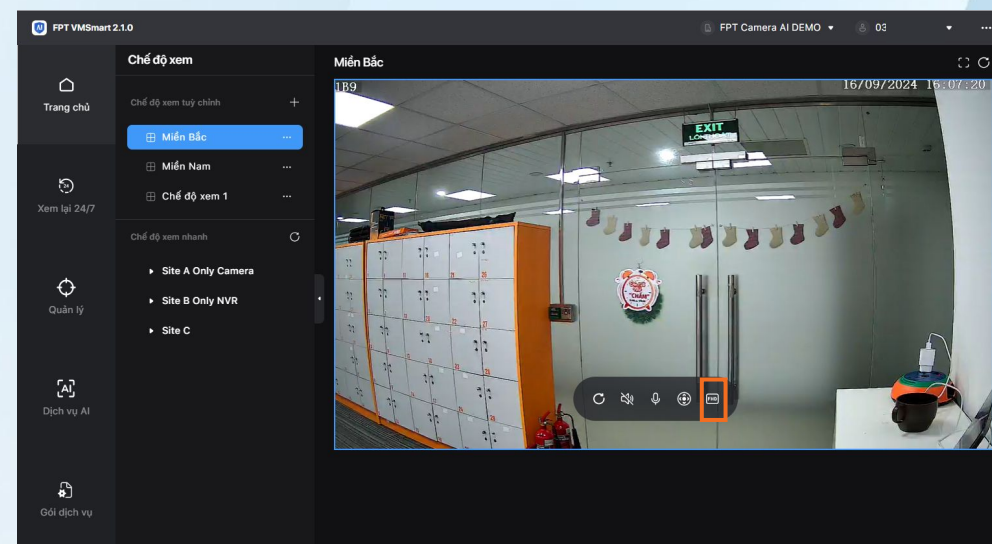
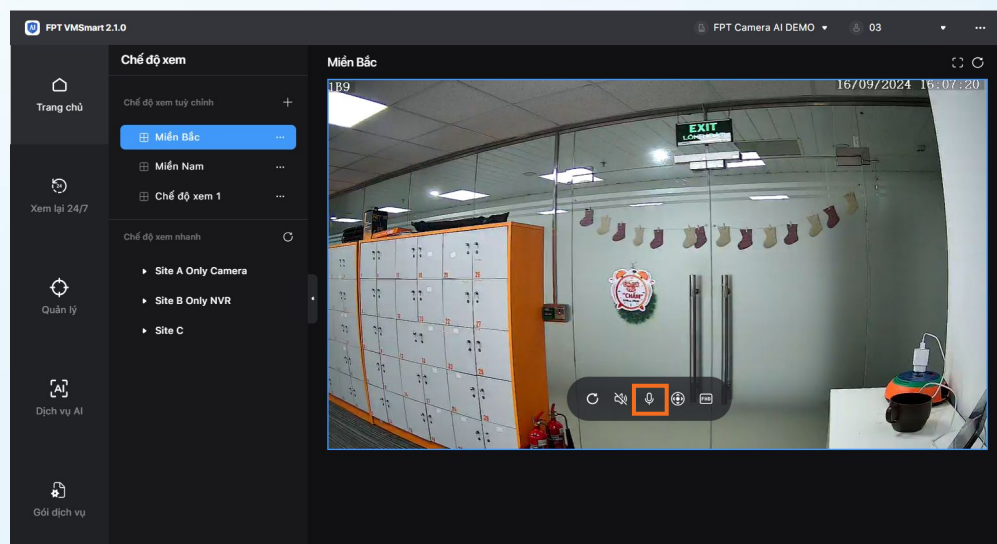
Tính năng xoay
(áp dụng cho camera có tính năng này)



Người dùng ngoài việc có thể xem trực tiếp video thì còn có thể thao tác các tính năng kèm theo

Tính năng đàm thoại 2 chiều
(áp dụng cho camera có tính năng này)

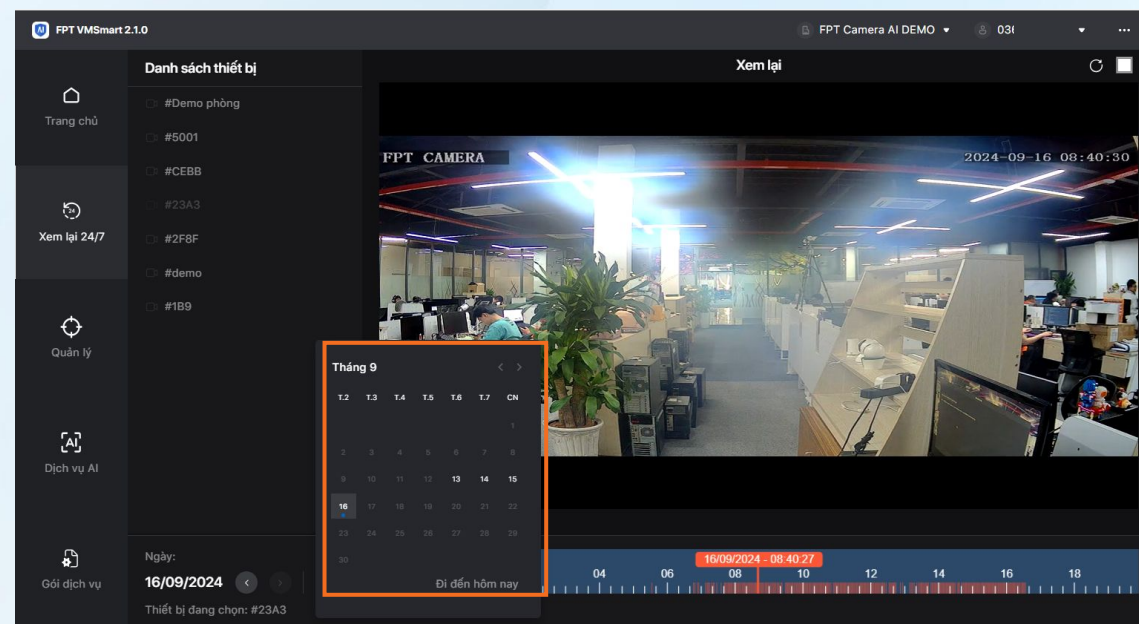
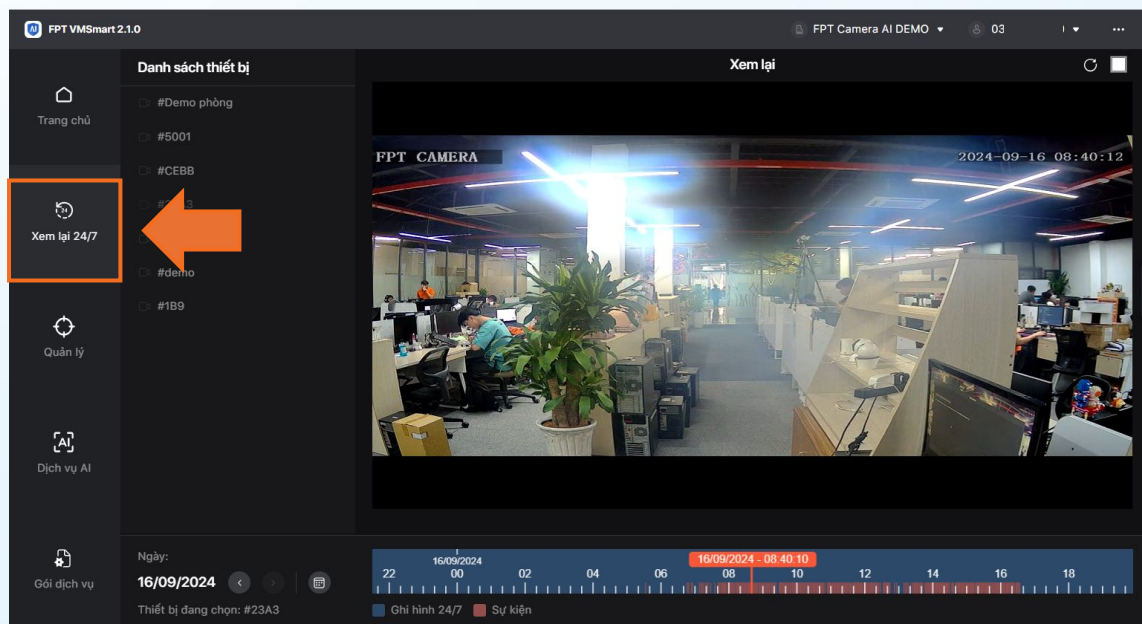
Tính năng xem video Full HD



Chế độ xem lại các video lưu trữ đối với dữ liệu trên đám mây

Chọn nút **“Xem lại 24/7”**, lựa chọn camera cần xem lại

Lựa chọn dữ liệu cần xem **theo ngày**



Định dạng: dữ liệu video liên tục “Ghi hình 24/7”/ dữ liệu ghi hình theo sự kiện

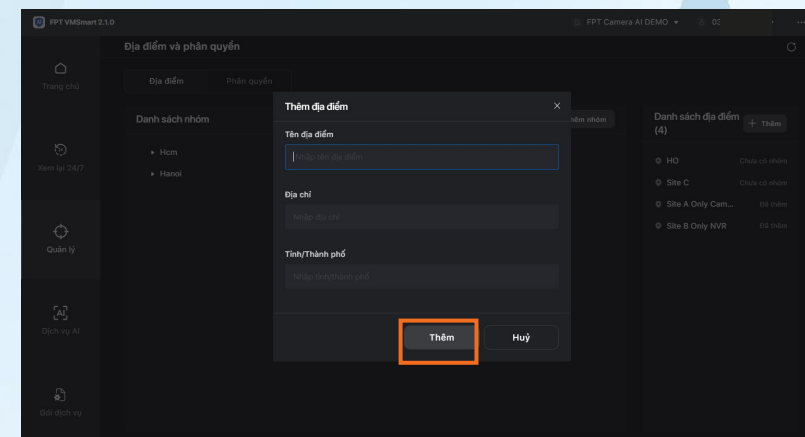
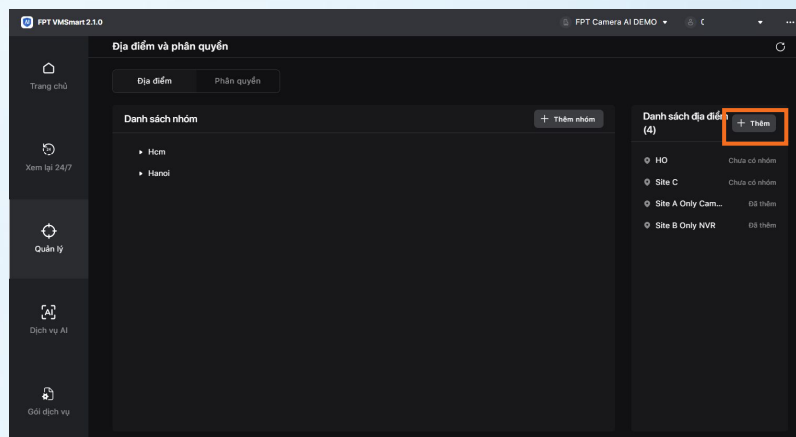
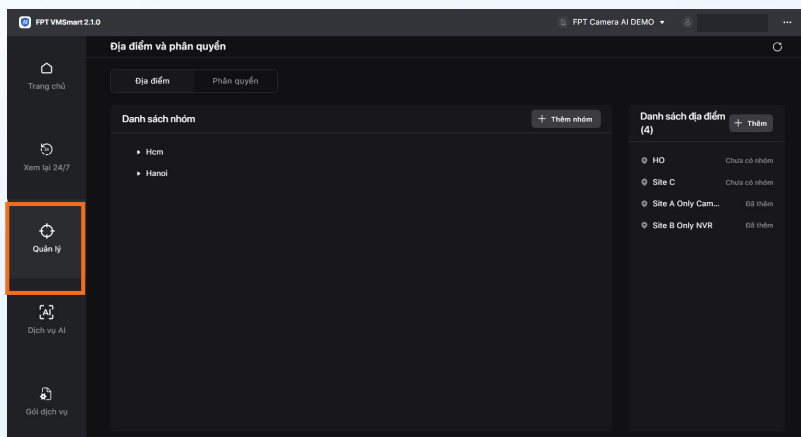
3. Quản lý địa điểm

Người dùng là quản trị viên (QTV) hoặc thành viên không được phép truy cập mục Quản lý địa điểm

B1: Nhấn chọn **Quản lý** và chọn **địa điểm**

B2: Chọn mục “+” để thêm địa điểm và đặt tên địa điểm

B3: Điền đầy đủ trường thông tin theo yêu cầu và nhấn nút “**Thêm**”



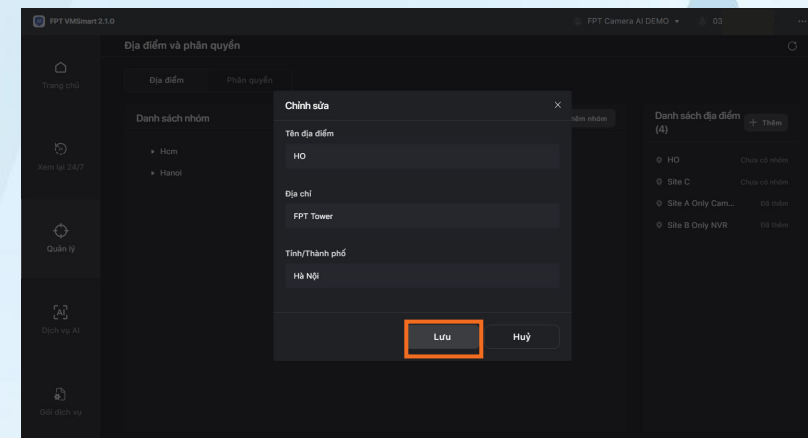
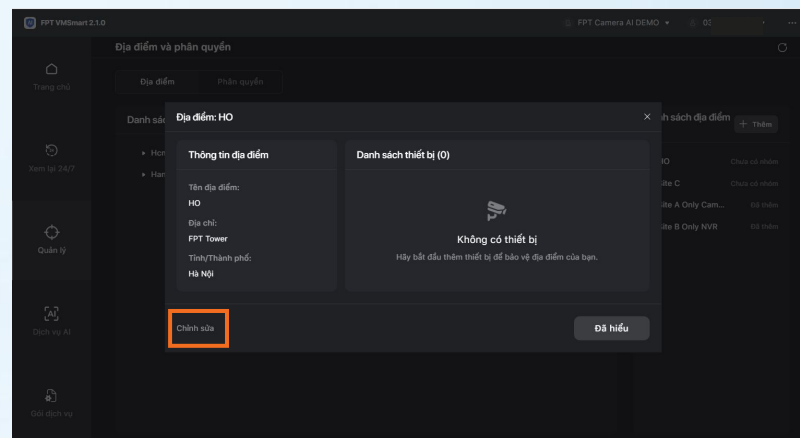
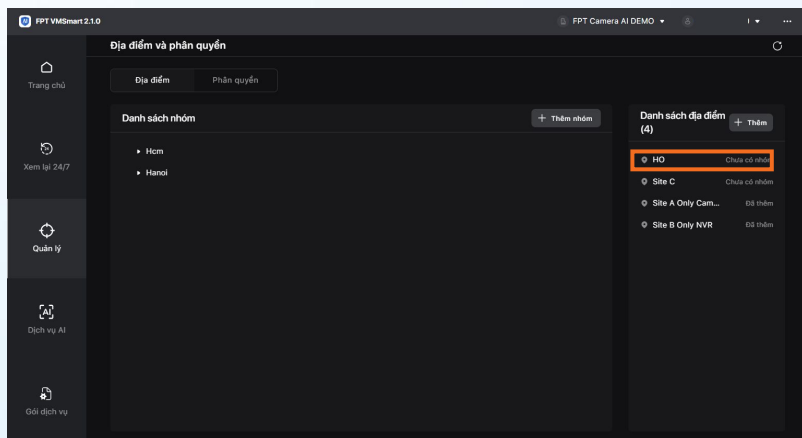
Quản lý địa điểm

Thay đổi thông tin địa điểm

B1: Tại mục **Quản lý địa điểm** và **chọn địa điểm** muốn thay đổi thông tin

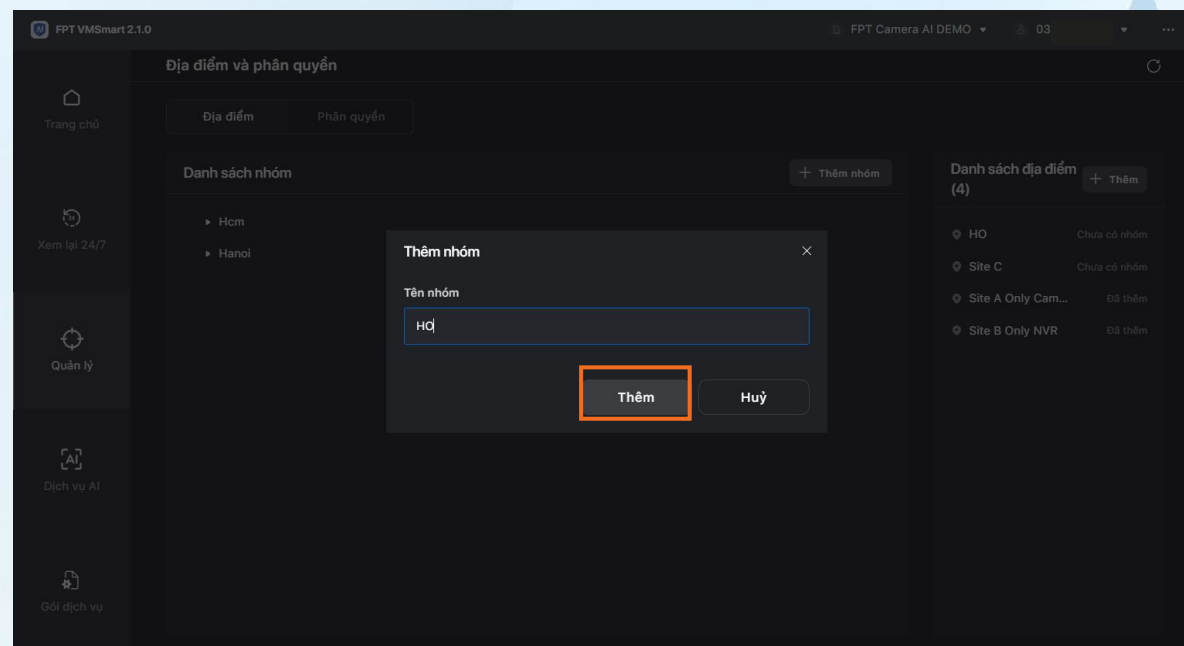
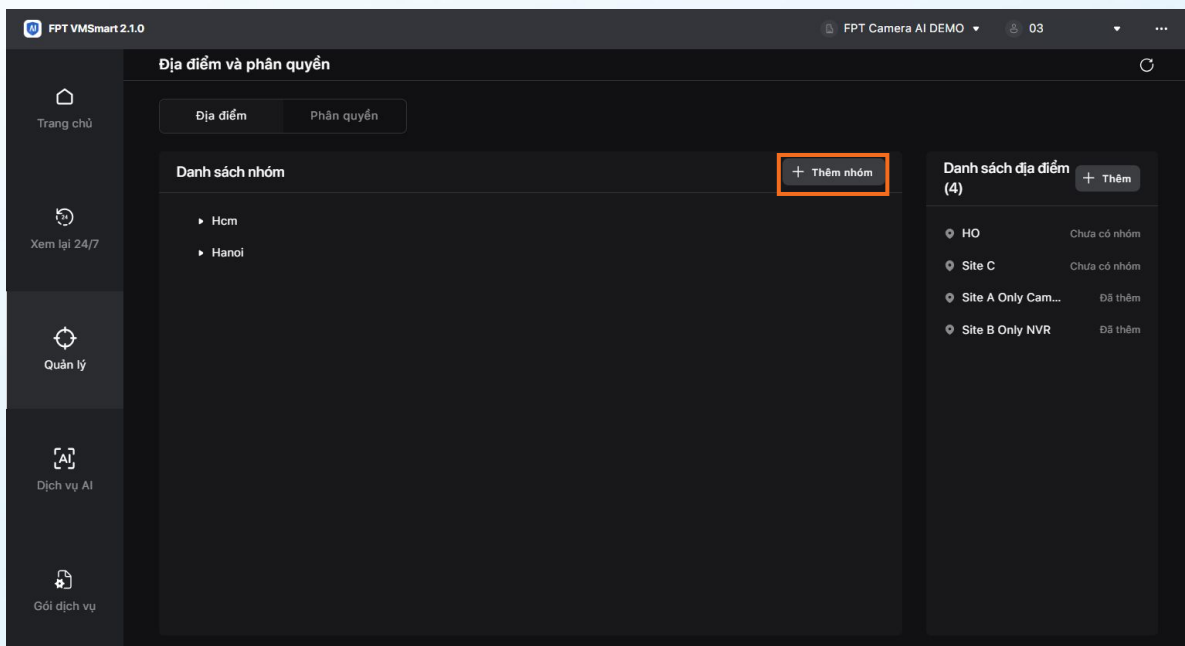
B2: Nhấn vào nút **Chỉnh sửa** để thay đổi thông tin

B3: **Đổi tên Địa điểm** và chọn **Tiếp tục** để lưu lại



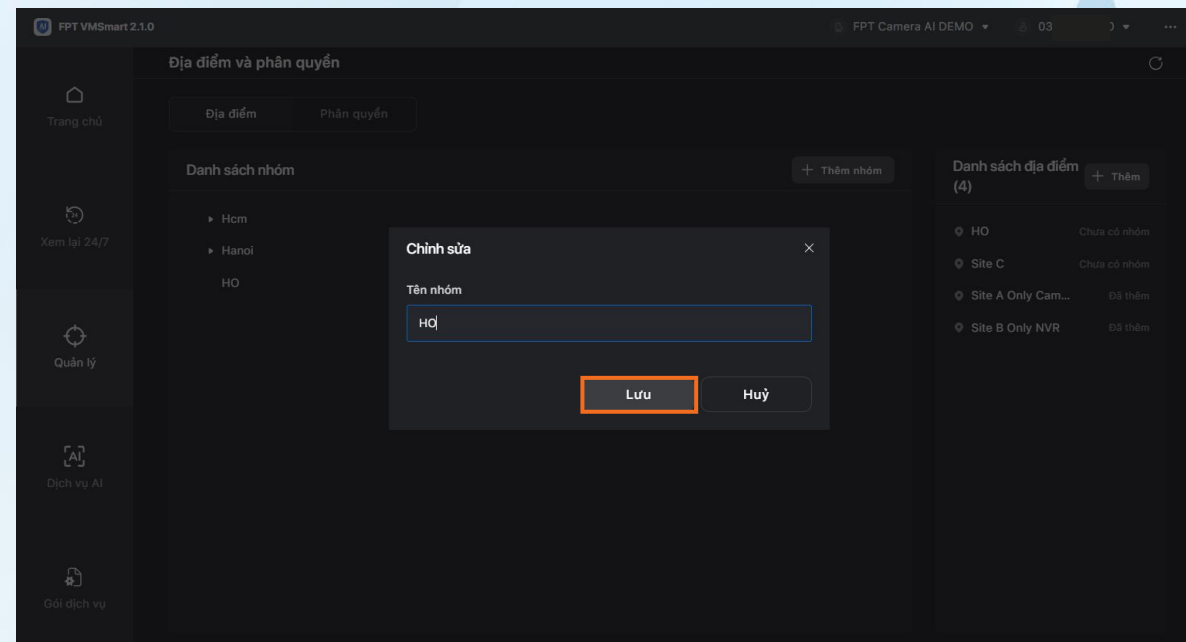
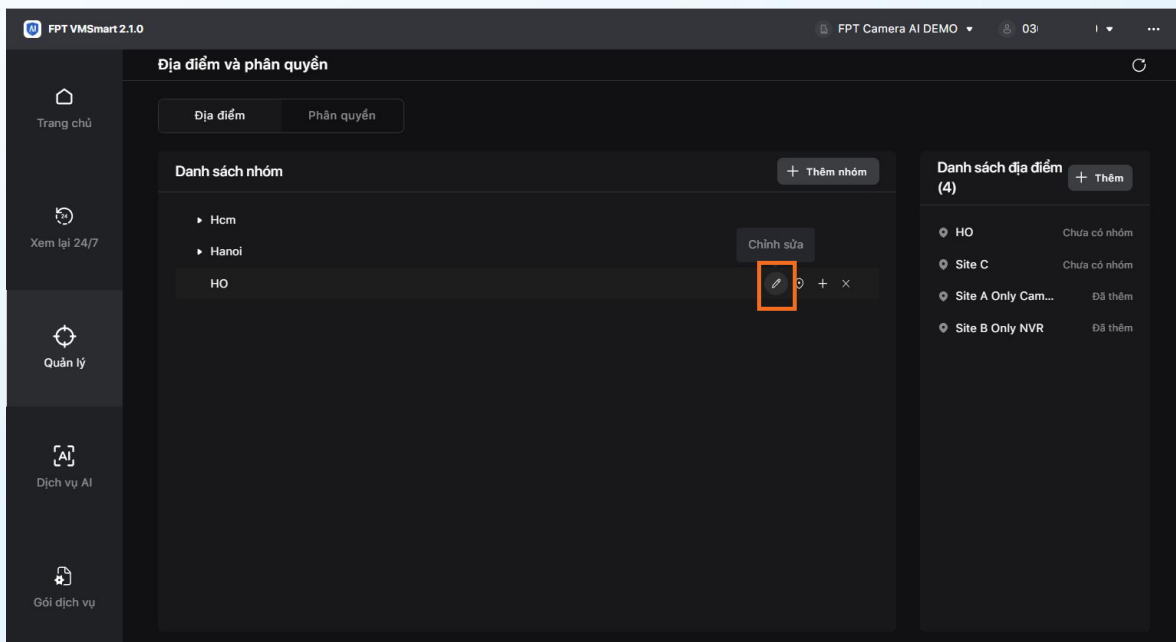
B1: Tại mục **Quản lý địa điểm** và chọn **Thêm nhóm**

B2: Điền tên địa điểm mong muốn và nhấn nút **Thêm**



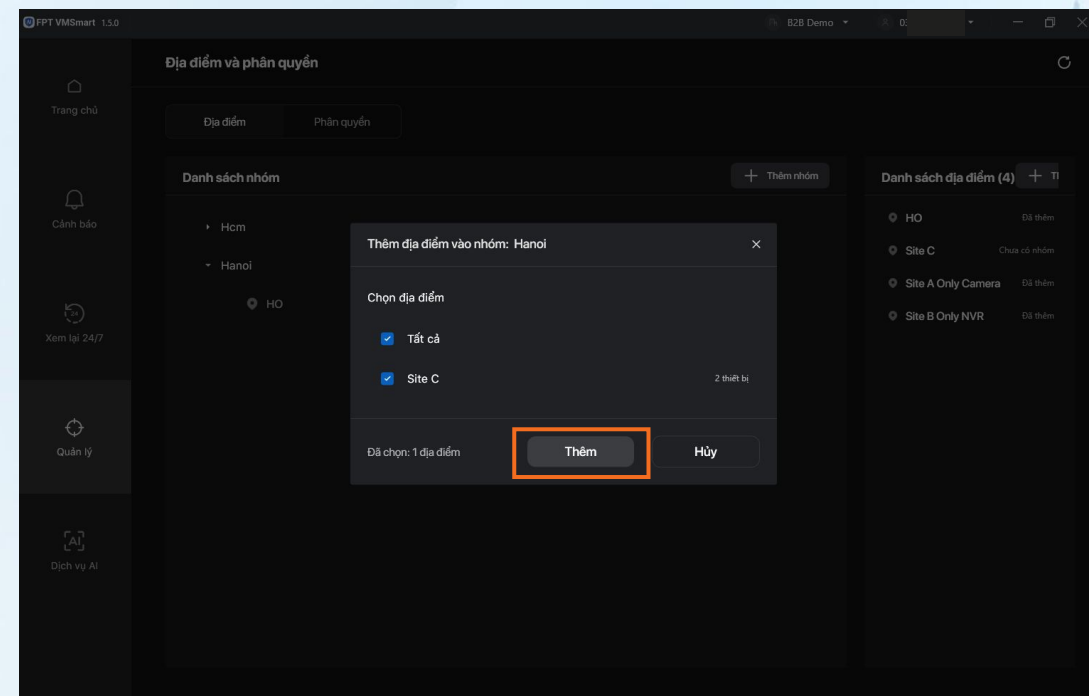
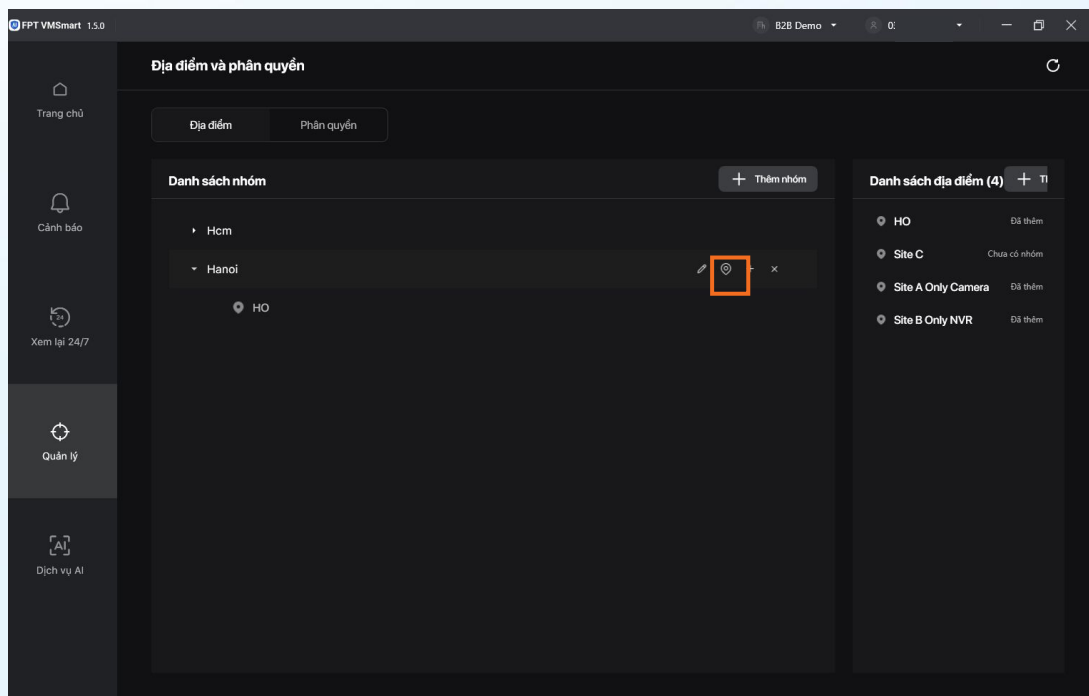
B1: Khi muốn chỉnh sửa tên nhóm đã tạo, nhấp vào **icon** trong hình để chỉnh sửa

B2: Thay đổi tên mong muốn và nhấn nút **Lưu**



B1: Khi muốn thêm địa điểm vào nhóm đã tạo, nhấn vào **icon** trong hình để chỉnh sửa

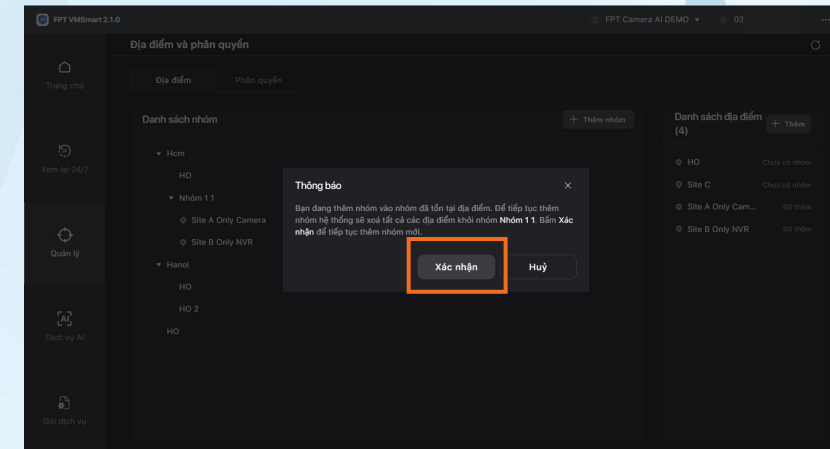
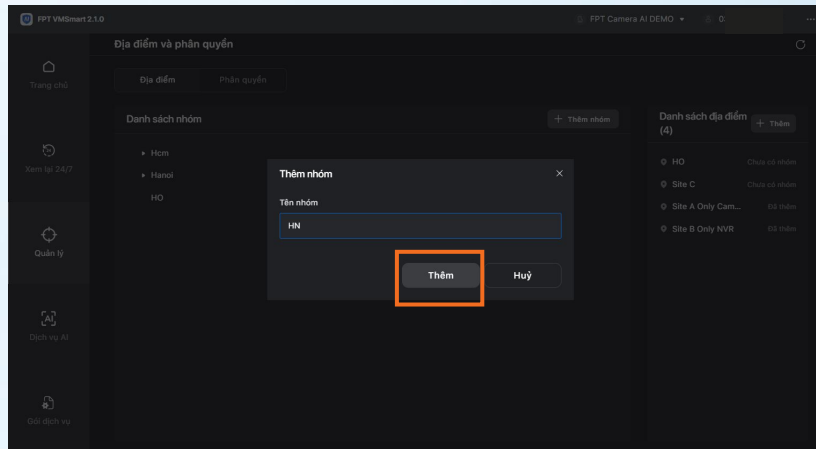
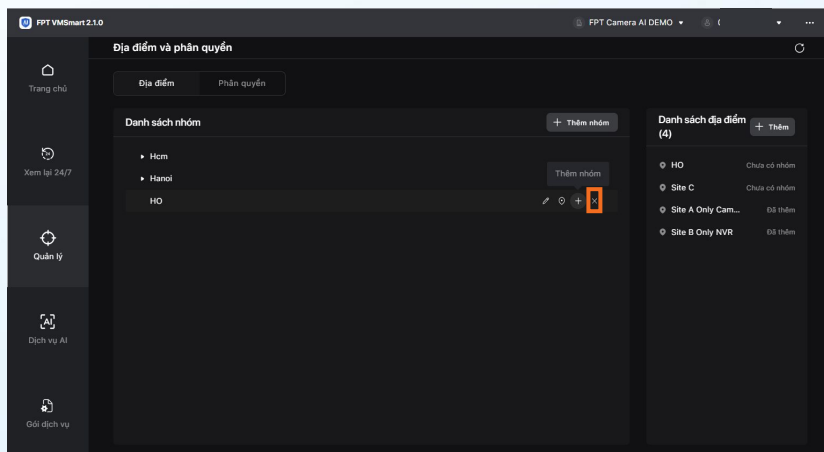
B2: Lựa chọn các địa điểm khả dụng và nhấn nút **Thêm**



B1: Khi muốn tạo nhóm nhỏ vào nhóm đã có trước đó, bạn cần nhấn vào **icon +** như trong hình để chỉnh sửa

B2: Nhập tên nhóm và nhấn nút **Thêm**

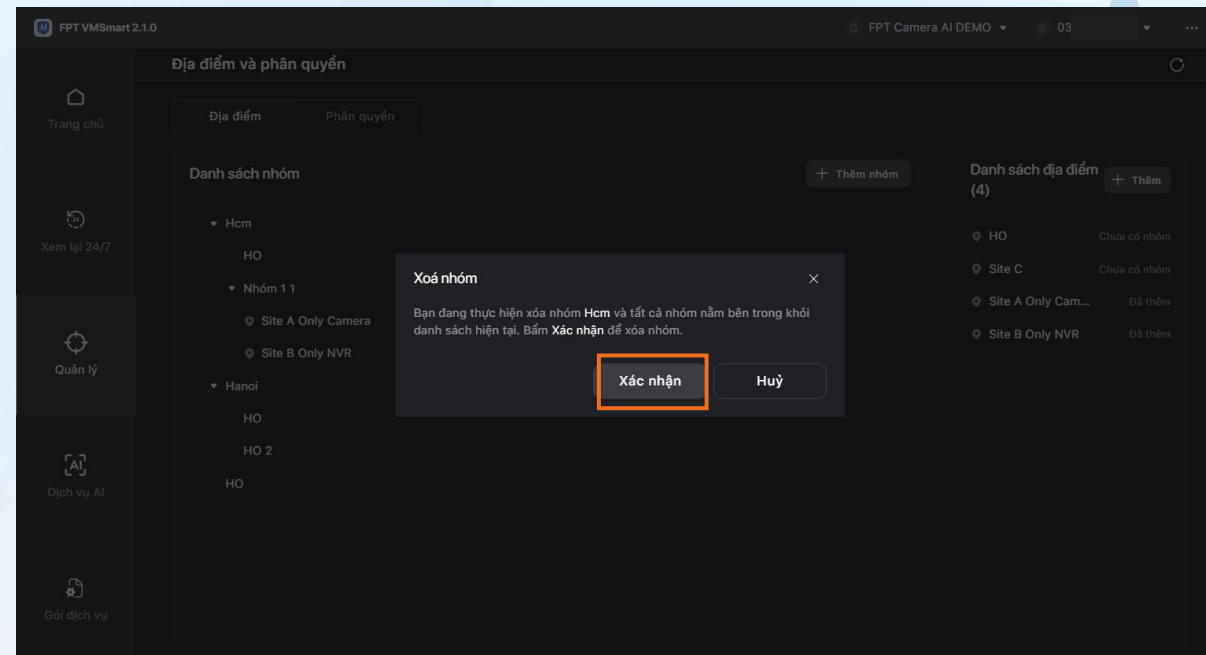
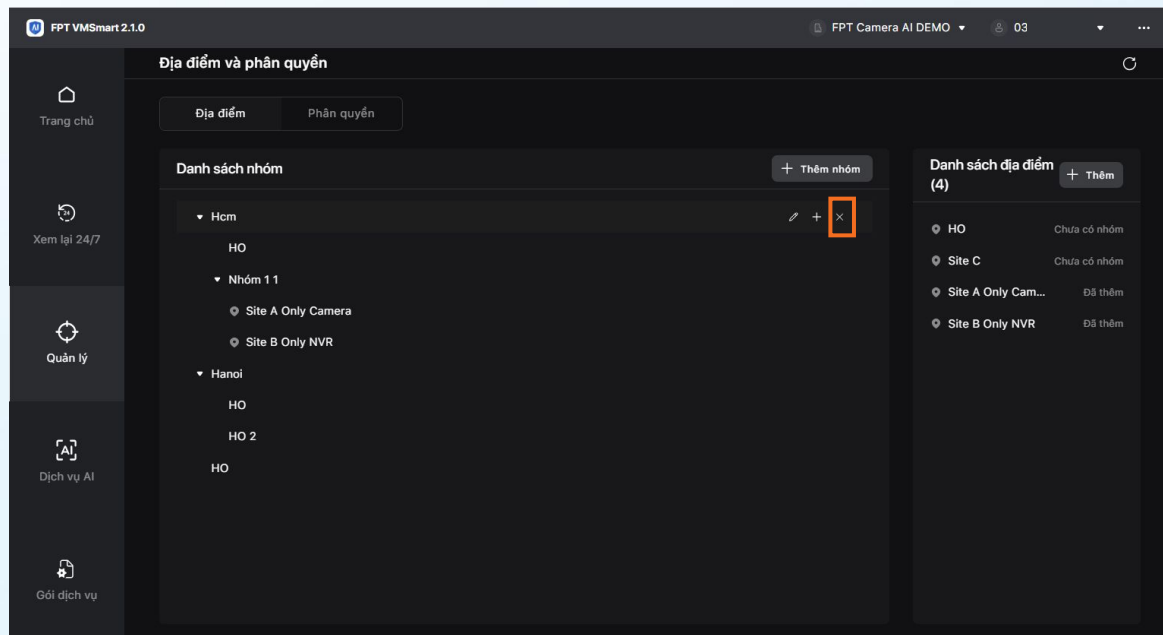
Lưu ý: Khi thêm nhóm mới vào nhóm đã có địa điểm, hệ thống sẽ đưa ra cảnh báo. Bạn cần **“Xác nhận”** để tiếp tục.



Lưu ý: Trong 1 nhóm lớn chỉ có thể chứa nhóm con hoặc chỉ chứa địa điểm thuộc nhóm lớn đó, không thể chứa đồng thời các nhóm con và địa điểm. Nếu muốn thêm nhóm phải xóa các địa điểm trước đó

B1: Khi muốn xóa nhóm đã tạo, bạn cần nhấn vào **icon “x”** như trong hình để xóa

B2: Trước khi xóa nhóm, hệ thống sẽ đưa ra cảnh báo. Bạn cần **“Xác nhận”** để xóa nhóm.

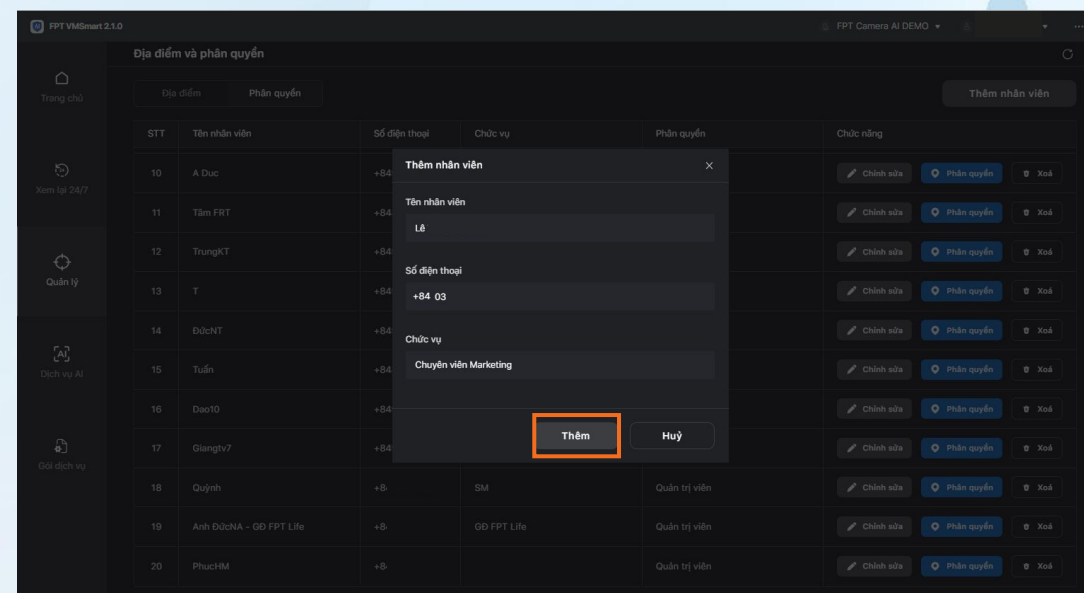
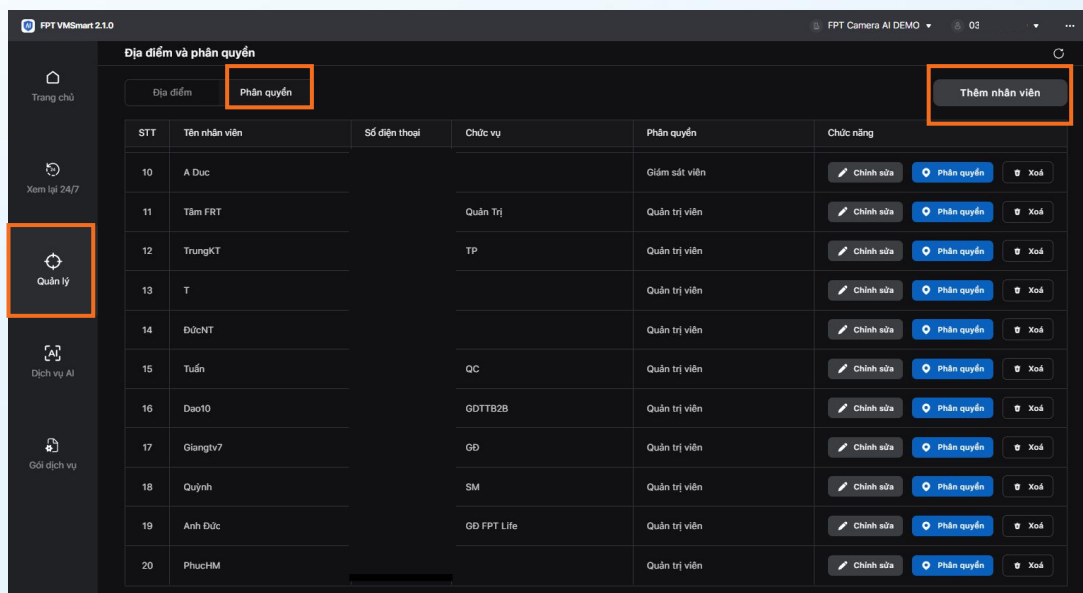


4. Quản lý phân quyền

Chỉ áp dụng đối với người dùng là Owner. Admin/Shared không thể truy cập chức năng này.

B1: chọn mục **Quản lý** và chọn tab **Phân quyền**, nhấn nút **Thêm nhân viên**

B2: Chọn **Nhập thông tin nhân viên** và nhấn nút **Thêm**



B1: Khi bạn muốn chỉnh sửa thông tin nhân viên, hãy nhấn vào nút **Chỉnh sửa**

B2: Đối với phần chỉnh sửa thông tin nhân viên, bạn có thể thay đổi tên và chức danh, sau đó nhấn nút **Lưu lại**

FPT VMSmart 2.1.0

Địa điểm và phân quyền

Địa điểm | Phân quyền | Thêm nhân viên

STT	Tên nhân viên	Số điện thoại	Chức vụ	Phân quyền	Chức năng
11	Tâm FRT		Quản Trị	Quản trị viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
12	TrungKT		TP	Quản trị viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
13	T			Quản trị viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
14	ĐứcNT			Quản trị viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
15	Tuấn		QC	Quản trị viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
16	Đào10		GDTTB2B	Quản trị viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
17	Giangtv7		GD	Quản trị viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
18	Quỳnh		SM	Quản trị viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
19	Anh ĐứcNA - GD FPT Life		GD FPT Life	Quản trị viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
20	Lê Thị Thu Hiền		Chuyên viên Marketing	Chưa phân quyền	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
21	PhucHM			Quản trị viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa

Quản lý

FPT VMSmart 1.5.0

Địa điểm và phân quyền

Địa điểm | Phân quyền | Thêm nhân viên

STT	Tên nhân viên	Số điện thoại	Chức vụ	Phân quyền	Chức năng
1	Yến mạp				Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
2	hiếuNV				Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
3	AnNT50				Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
4	Duy desktop				Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
5	Trang				Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
6	Ngân				Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
7	YenLP			Giám sát viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
8	A Duc			Giám sát viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
9	Tâm FRT		Quản Trị	Quản trị viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa
10	TrungKT		TP	Quản trị viên	Chỉnh sửa Phân quyền Xóa

Quản lý

Chỉnh sửa

Tên nhân viên *

AnNT50

Chức vụ

Quản trị hệ thống

Lưu lại Hủy

B1: Khi bạn muốn phân quyền dành cho nhân viên, hãy nhấn nút **Phân quyền**

B2: Lựa chọn phân quyền cho nhân viên theo cấp độ **Quản trị viên** và **Giám sát viên**

FPT VMSmart 2.1.0 FPT Camera AI DEMO 03

Địa điểm và phân quyền

Địa điểm Phân quyền Thêm nhân viên

STT	Tên nhân viên	Số điện thoại	Chức vụ	Phân quyền	Chức năng
11	Tâm FRT		Quản Trị	Quản trị viên	
12	TrungKT		TP	Quản trị viên	
13	T			Quản trị viên	
14	ĐứcNT			Quản trị viên	
15	Tuấn		QC	Quản trị viên	
16	Dao10		GĐTTB2B	Quản trị viên	
17	Giangtv7		GB	Quản trị viên	
18	Quỳnh		SM	Quản trị viên	
19	Anh ĐứcNA - GB FPT Life		GB FPT Life	Quản trị viên	
20	Lê Thị Thu Hiền		Chuyên viên Marketing	Chưa phân quyền	
21	PhucHM		Quản trị viên	Quản trị viên	

FPT VMSmart 2.1.0 FPT Camera AI DEMO C

Địa điểm và phân quyền

Địa điểm

Phân quyền: Lê

Chọn quyền

☒ Quản trị viên

☐ Giám sát viên

Lựa chọn phạm vi áp dụng

☒ Thiết bị ☐ Địa điểm ☐ Nhóm

Q Tìm kiếm

Danh sách thiết bị

☐ Tất cả

Camera

☐ #1B9 Site C

☐ #demo 010 Site C

☐ #2F8F Site A Only Camera

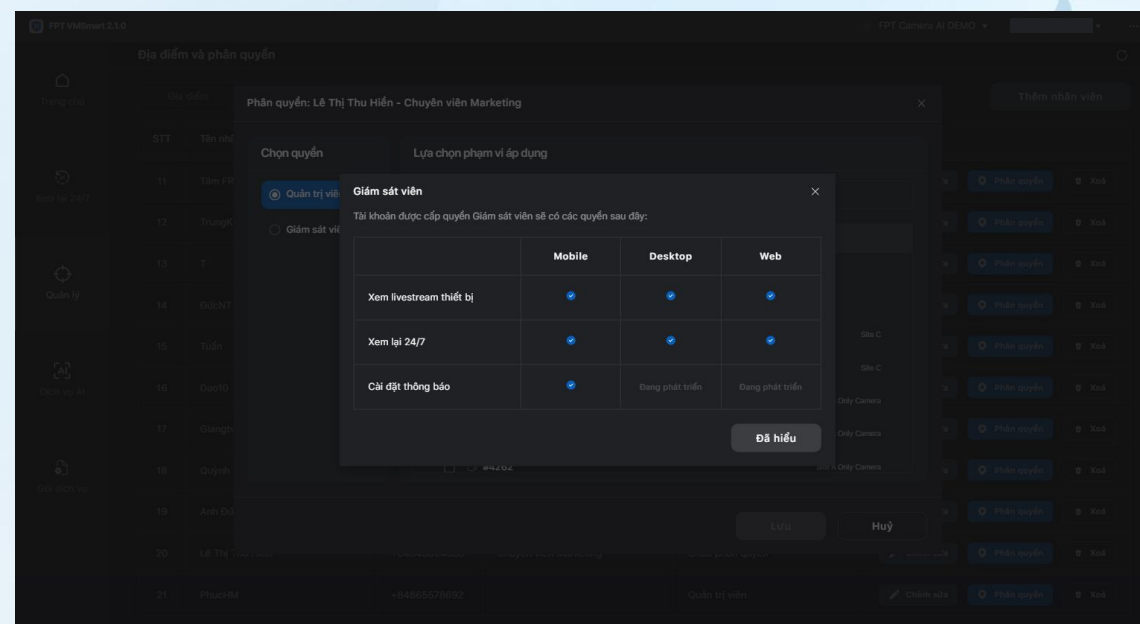
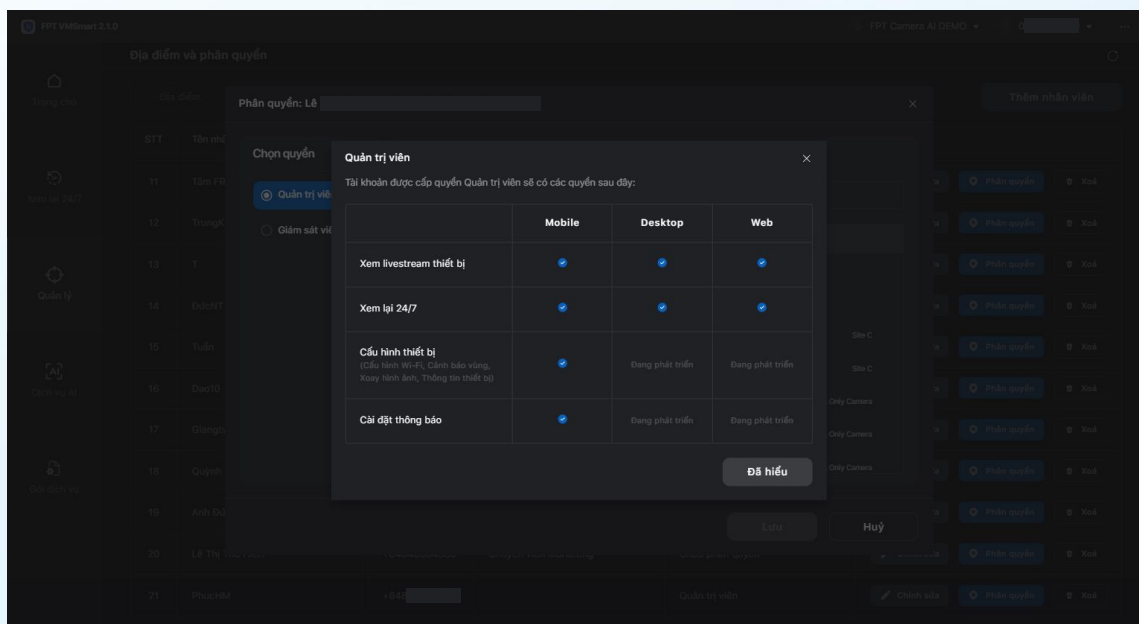
☐ #31B5 Site A Only Camera

☐ #4262 Site A Only Camera

Lưu Huỷ

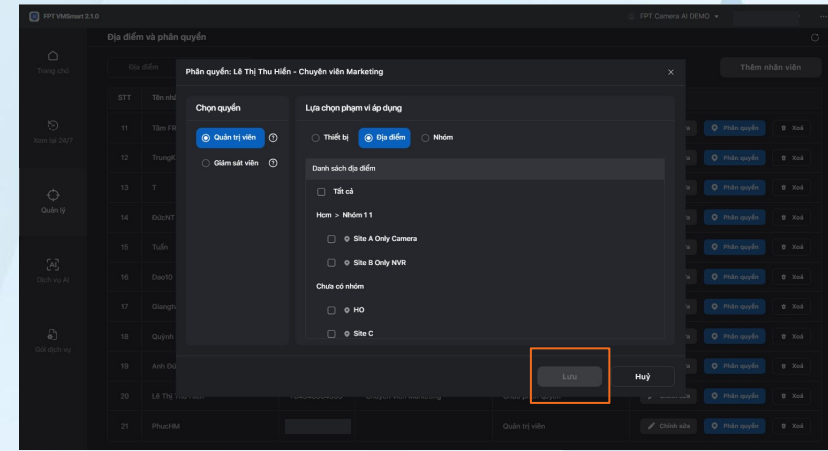
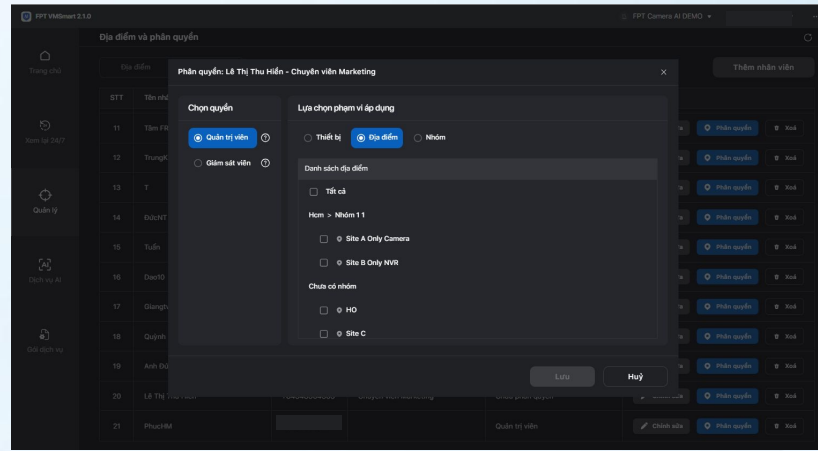
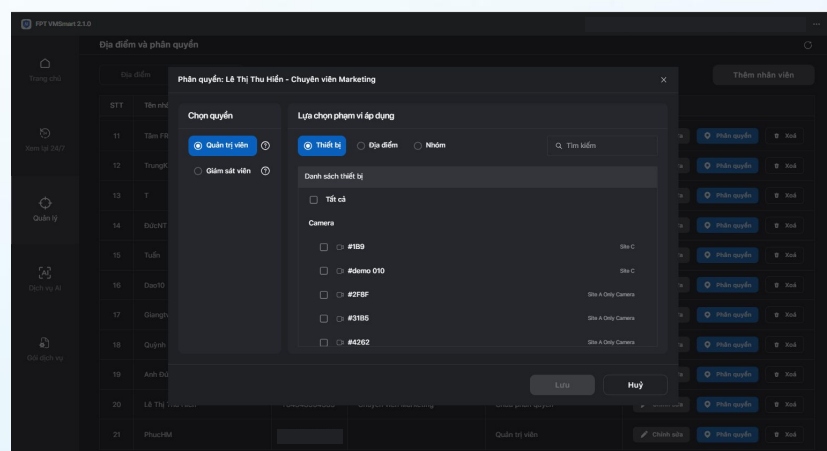
Chi tiết quyền truy cập của **Quản trị viên**

Chi tiết quyền truy cập của **Giám sát viên**



Lựa chọn phạm vi áp dụng:

- Bạn có thể lựa chọn phân quyền xem camera theo: **Thiết bị**, **Địa điểm** và **Nhóm**
- Sau đó, nhấn **Lưu lại** để hoàn tất phân quyền



*Lưu ý

- Chỉ có thể phân quyền 1 trong 3 mục Địa điểm/Nhóm/Thiết bị.
- Trường hợp thay đổi mục phân quyền, cần xác nhận thay đổi do hành động này sẽ xóa tất cả thiết lập trước đó sau khi hoàn tất.
- Việc thay đổi cấp trong mục Nhóm cũng sẽ được tính là thay đổi phạm vi phân quyền và cần xác nhận.

B1: Khi bạn muốn xóa nhân viên khỏi hệ thống, bạn hãy nhấn vào nút **Xóa** như trong hình

B2: Hệ thống sẽ đưa ra cảnh báo và bạn cần ấn **Xác nhận** để hoàn tất thao tác

FPT VMSmart 2.1.0 FPT Camera AI DEMO

Địa điểm và phân quyền

Địa điểm Phân quyền Thêm nhân viên

STT	Tên nhân viên	Số điện thoại	Chức vụ	Phân quyền	Chức năng
11	Tâm FRT		Quản Trị	Quản trị viên	
12	TrungKT		TP	Quản trị viên	
13	T			Quản trị viên	
14	ĐứcNT			Quản trị viên	
15	Tuấn		QC	Quản trị viên	
16	Dao10		GDTTB2B	Quản trị viên	
17	Giangtv7		GD	Quản trị viên	
18	Quýnh		SM	Quản trị viên	
19	Anh ĐứcNA - GD FPT Life		GD FPT Life	Quản trị viên	
20	Lê Thị Thu Hiền		Chuyên viên Marketing	Chưa phân quyền	
21	PhucHM			Quản trị viên	

FPT VMSmart 2.1.0 FPT Camera AI DEMO

Địa điểm và phân quyền

Địa điểm Phân quyền Thêm nhân viên

STT	Tên nhân viên	Số điện thoại	Chức vụ	Phân quyền	Chức năng
11	Tâm FRT		Quản Trị	Quản trị viên	
12	TrungKT		TP	Quản trị viên	
13	T	+84		Quản trị viên	
14	ĐứcNT	+84		Quản trị viên	
15	Tuấn	+84		Quản trị viên	
16	Dao10		GDTTB2B	Quản trị viên	
17	Giangtv7		GD	Quản trị viên	
18	Quýnh		SM	Quản trị viên	
19	Anh		GD FPT Life	Quản trị viên	
20	Lê Thị Thu Hiền		Chuyên viên Marketing	Chưa phân quyền	
21	PhucHM			Quản trị viên	

Xóa nhân viên

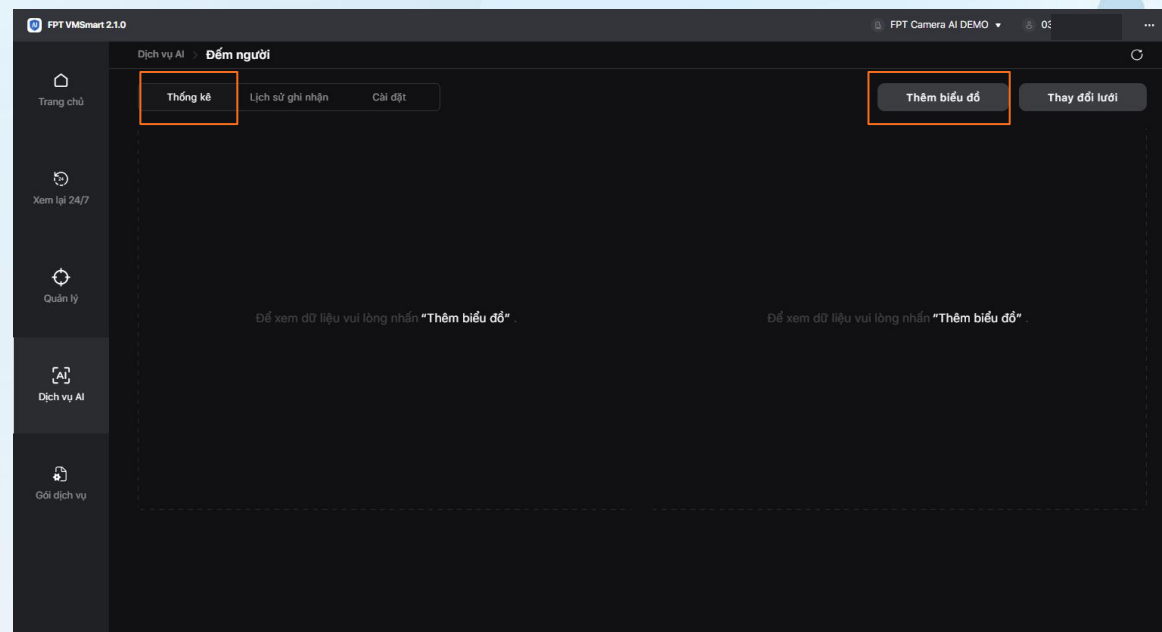
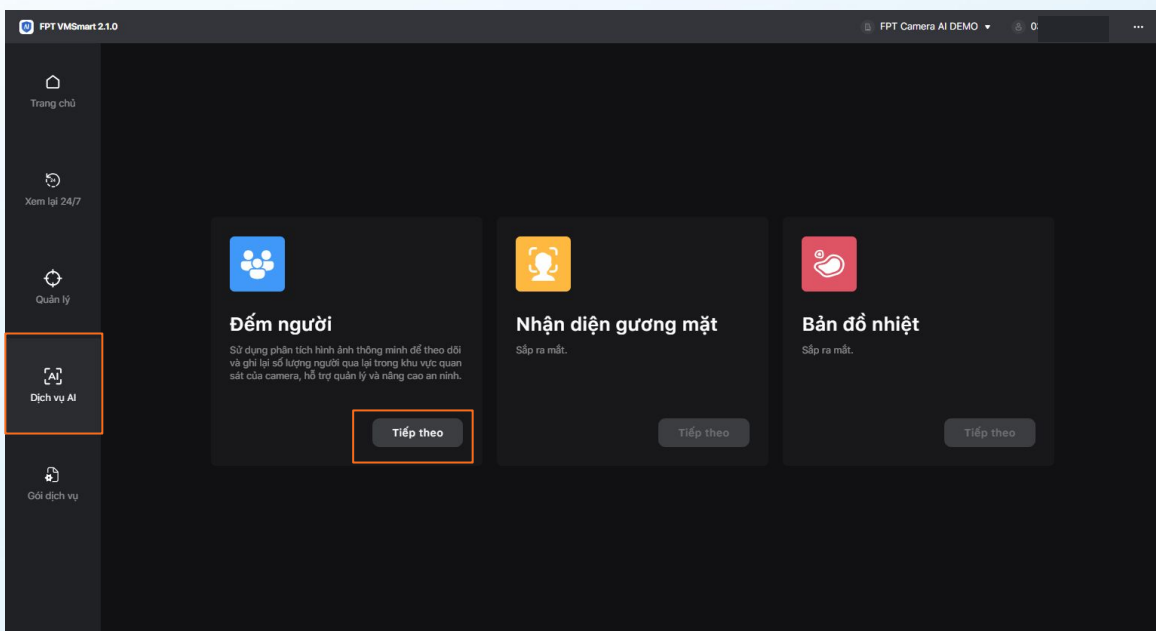
Bạn đang thực hiện xóa nhân viên Lê Thị Thu Hiền khỏi danh sách và tất cả phân quyền liên quan. Bấm **Xác nhận** để xóa nhân viên.

Xác nhận **Hủy**

5. Hướng dẫn sử dụng Dịch vụ AI - Tính năng đếm người

B1: Truy cập vào phần **Dịch vụ AI**.
Tại tính năng Đếm người, chọn nút **Tiếp theo**

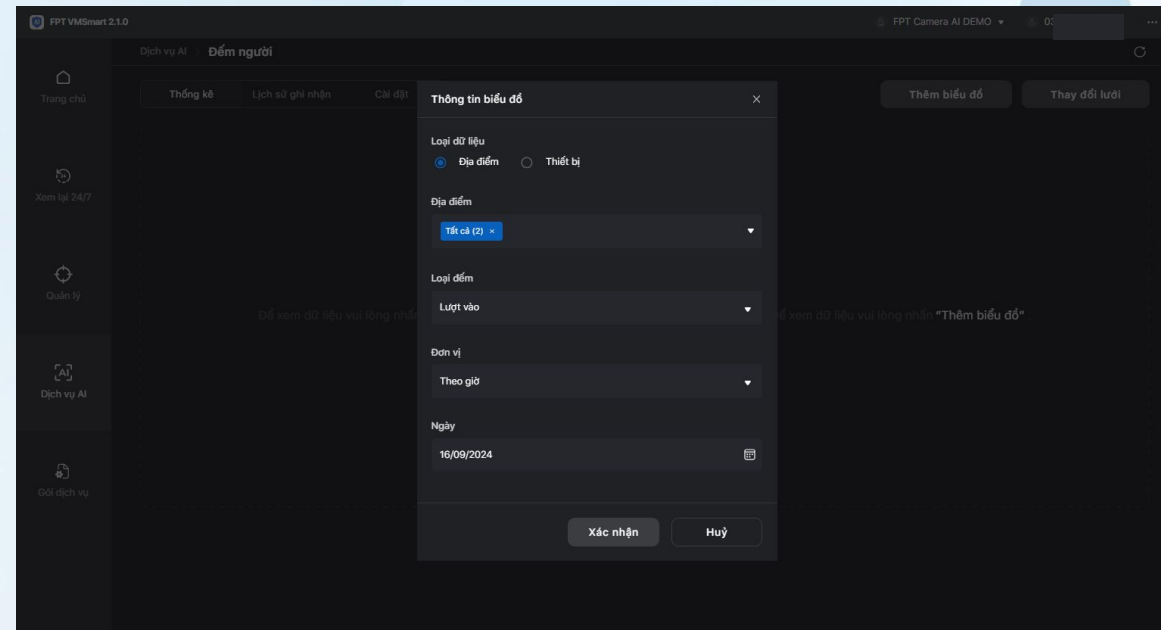
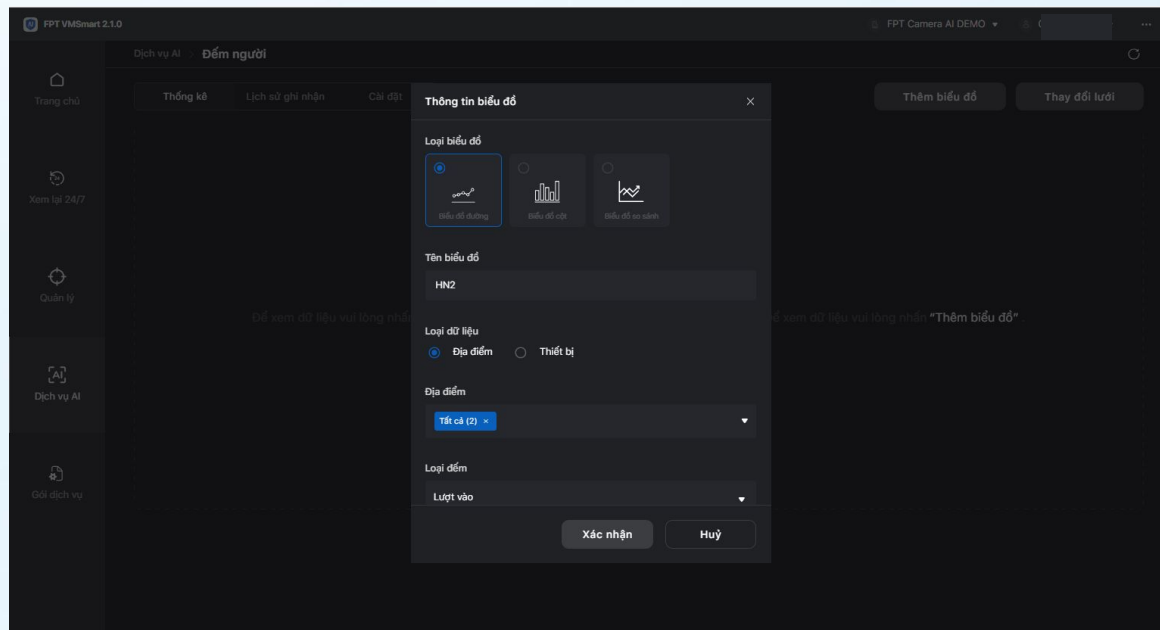
B2: Sau khi truy cập, phần **Thống kê và Thêm biểu đồ** để xem chi tiết về dữ liệu



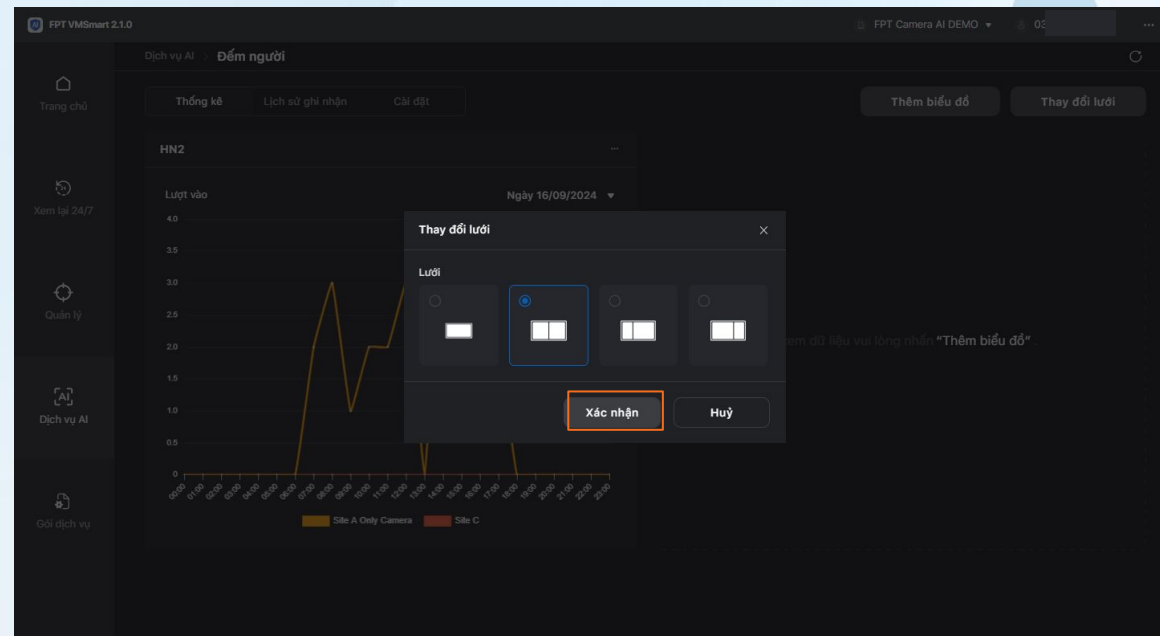
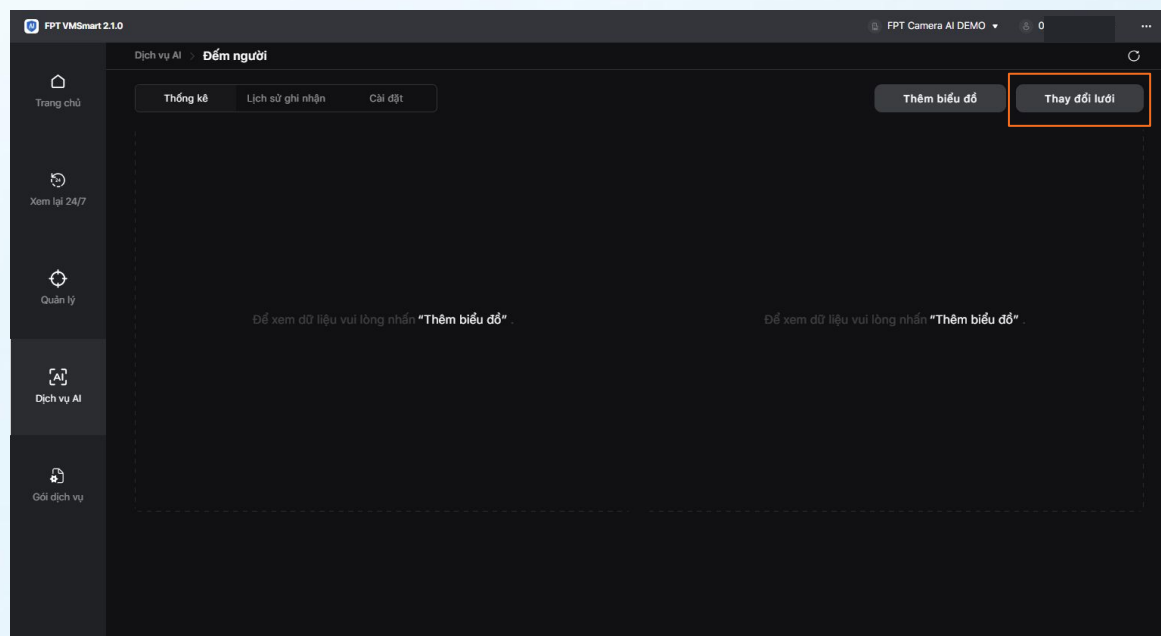
B3: Để tạo biểu đồ thống kê, bạn cần:

- **Chọn loại biểu đồ** (Biểu đồ đường, cột, so sánh)
- **Tên biểu đồ** (Tùy theo nhu cầu của bạn)
- **Loại dữ liệu** (Theo địa điểm hoặc thiết bị)
- **Loại đếm** (Lướt vào, Lướt ra, Vào vùng)
- **Ngày**

Sau đó nhấn **Xác nhận** để tạo biểu đồ



Lưu ý: Bạn có thể chọn lưới để có giao diện như mong muốn. Sau đó nhấn “Xác nhận” để hoàn tất thao tác.



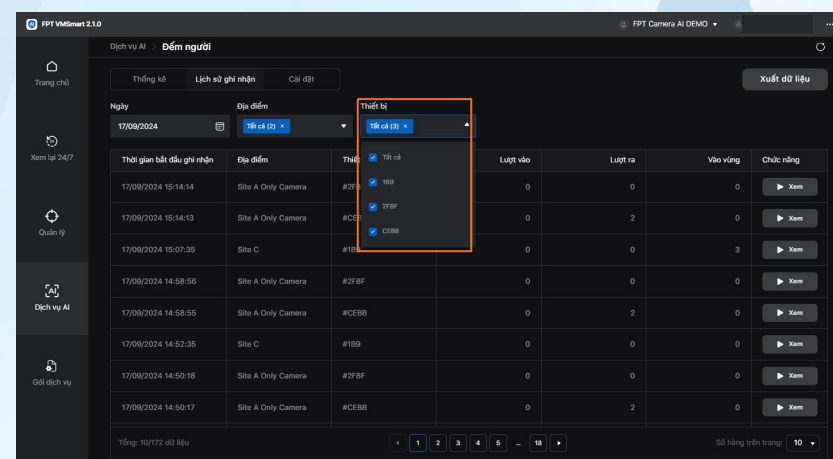
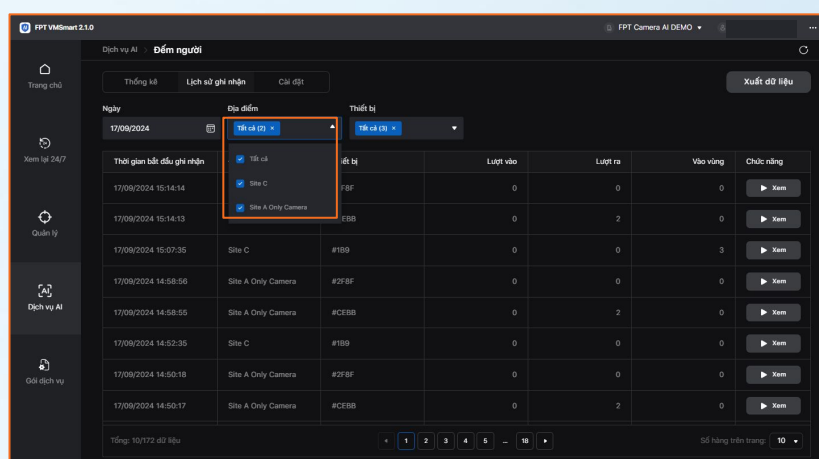
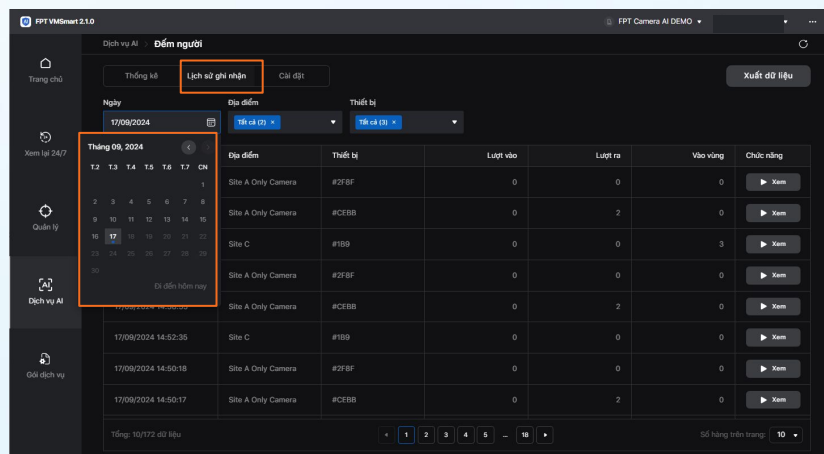
Tính năng đếm người

Xem chi tiết dữ liệu

B1: Chọn tab **Lịch sử ghi nhận** và chọn ngày

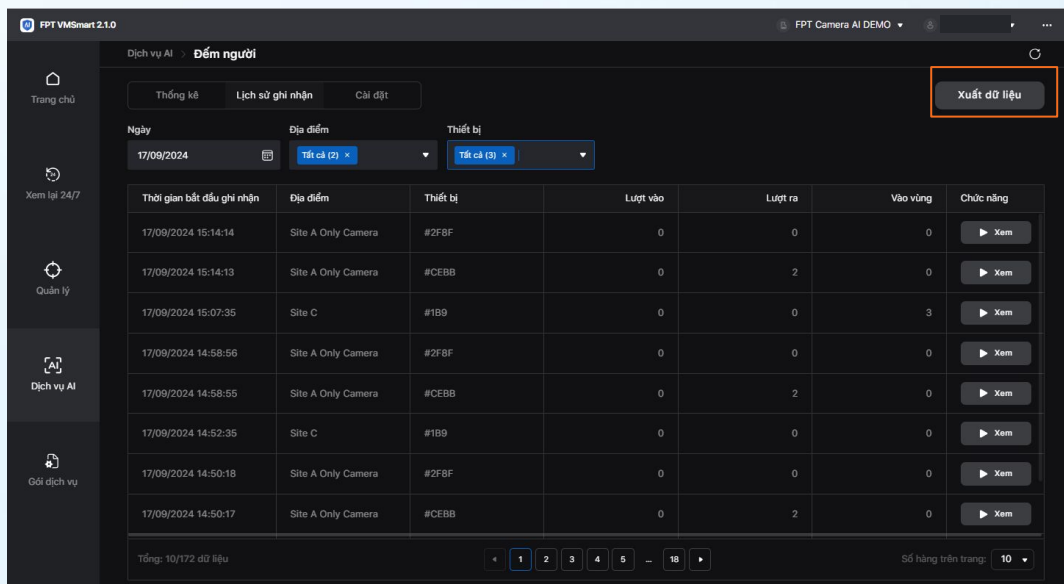
B2 : Chọn địa điểm

B3 : Chọn thiết bị



B1: Nhấp vào nút **Xuất dữ liệu**

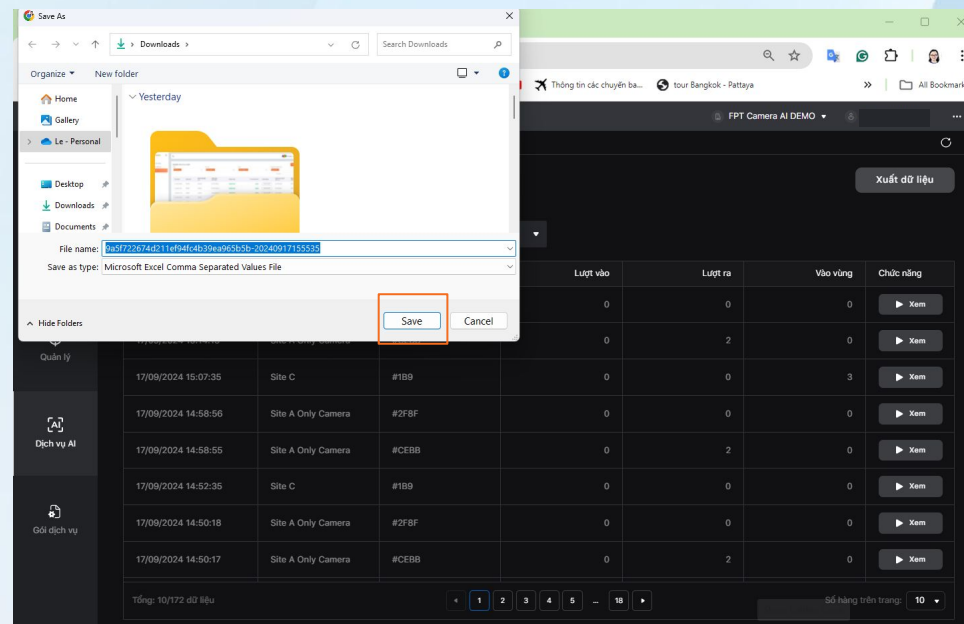
B2: Dữ liệu sẽ được lưu về máy dưới định dạng Excel (*.csv), nhấp nút **Save** để tải về



The screenshot shows the FPT VMSmart 2.1.0 interface. On the left sidebar, there are icons for 'Trang chủ', 'Xem lại 24/7', 'Quản lý', 'Dịch vụ AI', and 'Gói dịch vụ'. The main area is titled 'Dịch vụ AI > Đếm người'. It has tabs for 'Thống kê', 'Lịch sử ghi nhận', and 'Cài đặt'. Below these are filters for 'Ngày' (17/09/2024), 'Địa điểm' (Tất cả (2)), and 'Thiết bị' (Tất cả (3)). A table displays the following data:

Thời gian bắt đầu ghi nhận	Địa điểm	Thiết bị	Lượt vào	Lượt ra	Vào vùng	Chức năng
17/09/2024 15:14:14	Site A Only Camera	#2F8F	0	0	0	Xem
17/09/2024 15:14:13	Site A Only Camera	#CEBB	0	2	0	Xem
17/09/2024 15:07:35	Site C	#1B9	0	0	3	Xem
17/09/2024 14:58:56	Site A Only Camera	#2F8F	0	0	0	Xem
17/09/2024 14:58:55	Site A Only Camera	#CEBB	0	2	0	Xem
17/09/2024 14:52:35	Site C	#1B9	0	0	0	Xem
17/09/2024 14:50:18	Site A Only Camera	#2F8F	0	0	0	Xem
17/09/2024 14:50:17	Site A Only Camera	#CEBB	0	2	0	Xem

At the bottom, it shows 'Tổng: 10/172 dữ liệu' and a pagination control with 'Số hàng trên trang: 10'.

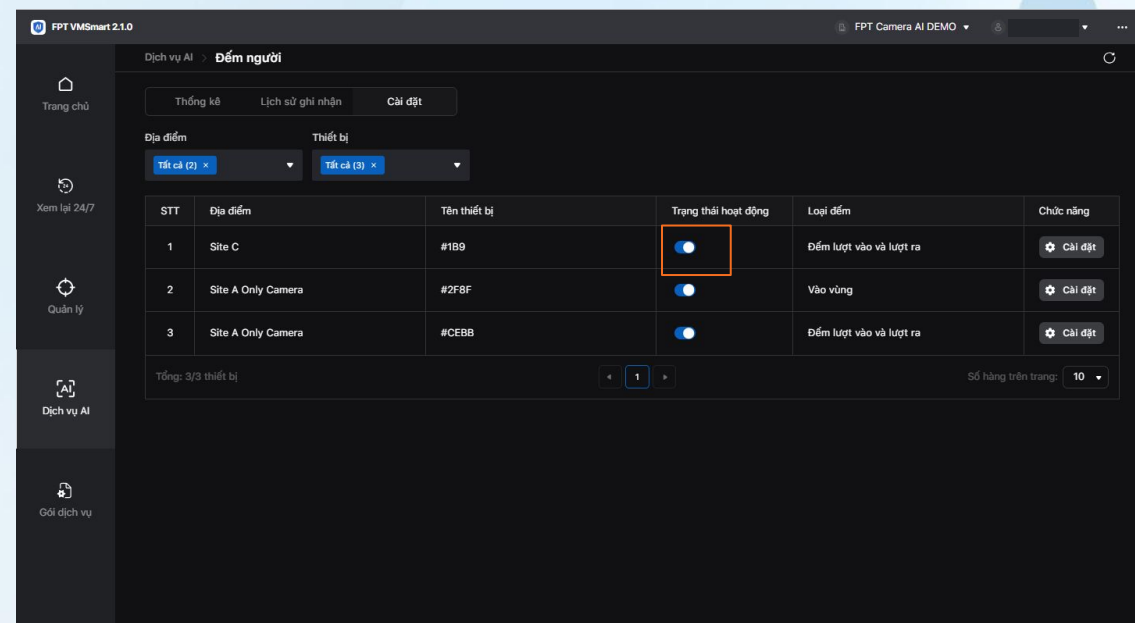
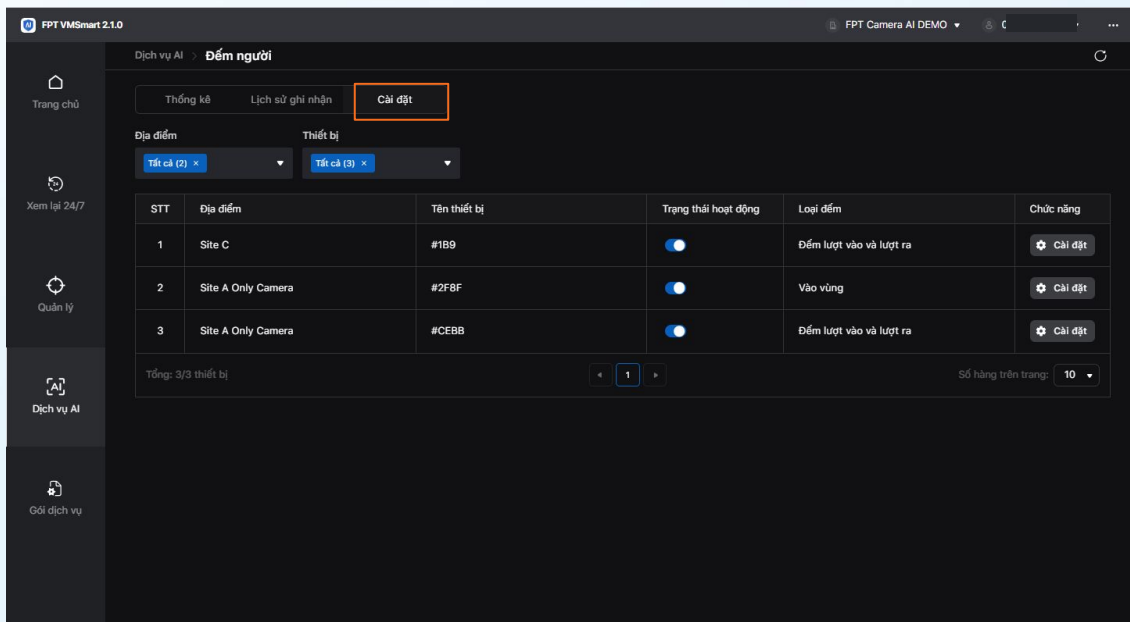


The screenshot shows a 'Save As' dialog box in a web browser. The file name is '202722674511ef4dc4b39e965b5b-20240917155325.csv' and the format is 'Microsoft Excel Comma Separated Values File'. The 'Save' button is highlighted with an orange box. In the background, the same FPT VMSmart interface is visible, showing the same table of data.

Đối với phiên bản Web, bạn có thể cài đặt và tùy chỉnh
Trạng thái hoạt động và loại đếm của giải pháp

B1: Truy cập tab **Cài đặt**

B2:
Trạng thái hoạt động: Bạn có thể tắt/bật trạng thái



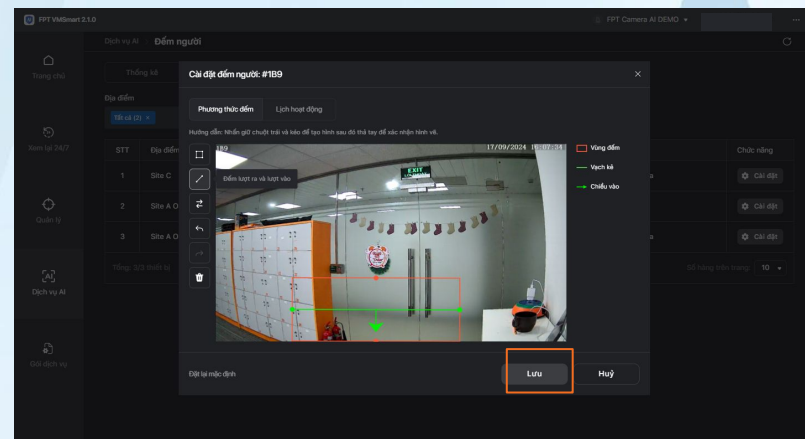
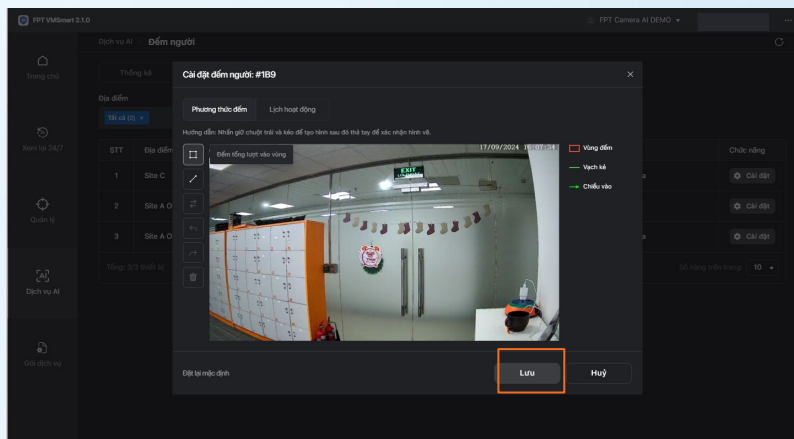
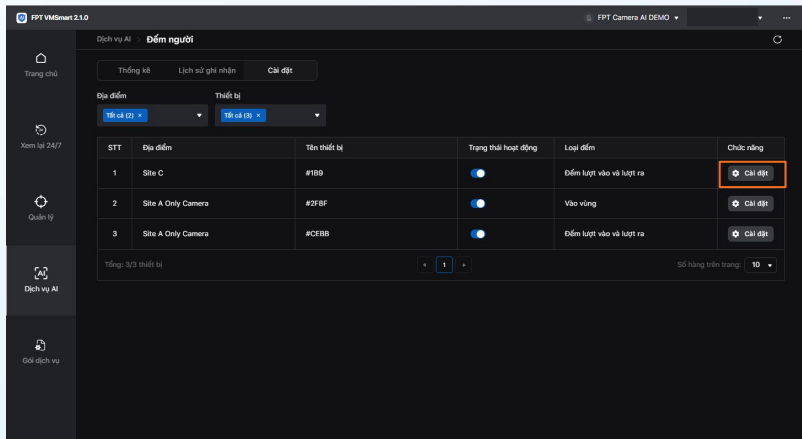
Tùy chỉnh loại đếm của giải pháp

B1: Tùy chỉnh loại đếm

Nhấn vào nút **Cài đặt** để chỉnh sửa

B2:

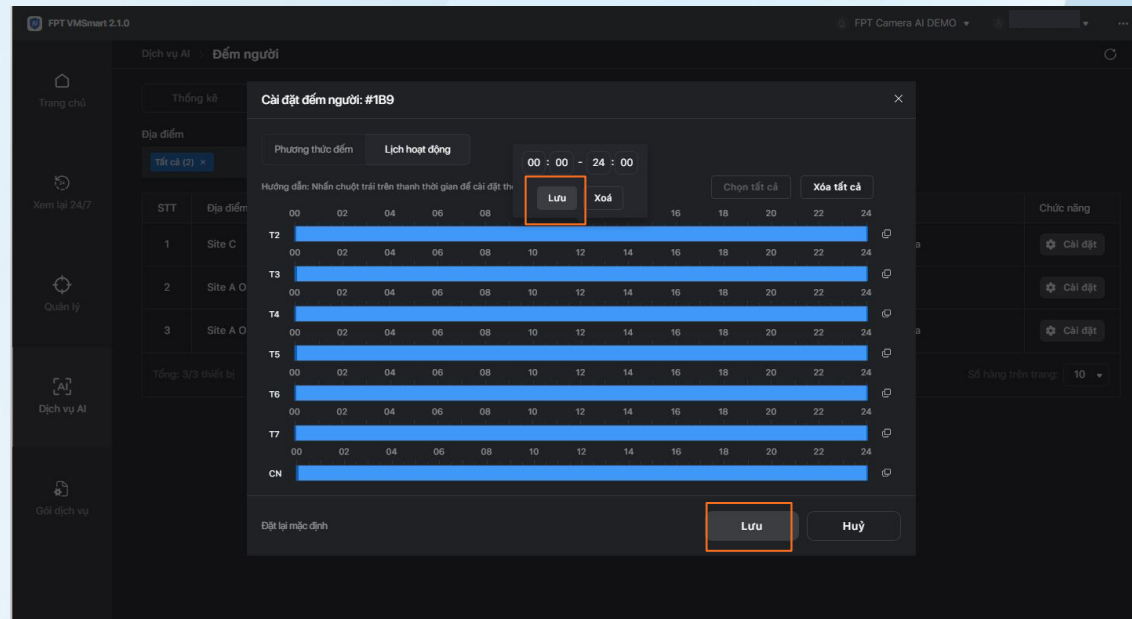
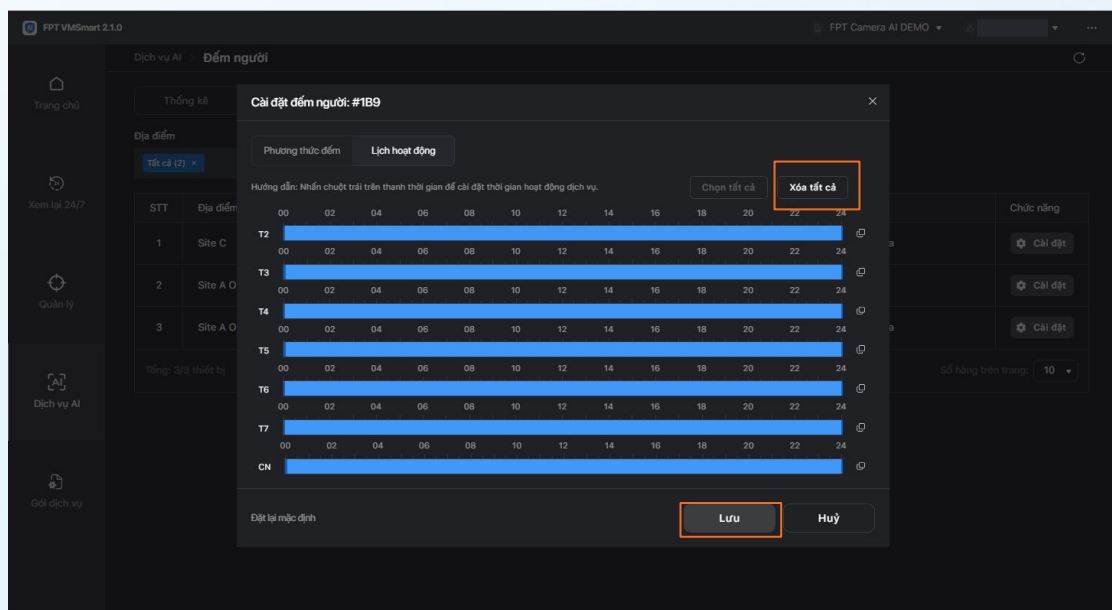
Lựa chọn phương thức đếm phù hợp và nhấn nút **Lưu**



Cài đặt Lịch sử hoạt động

Bạn có thể **Xóa tất cả dữ liệu** và nhấn **Lưu**

Bạn cũng có thể lưu dữ liệu theo từng khung giờ cụ thể và nhấn **Lưu**



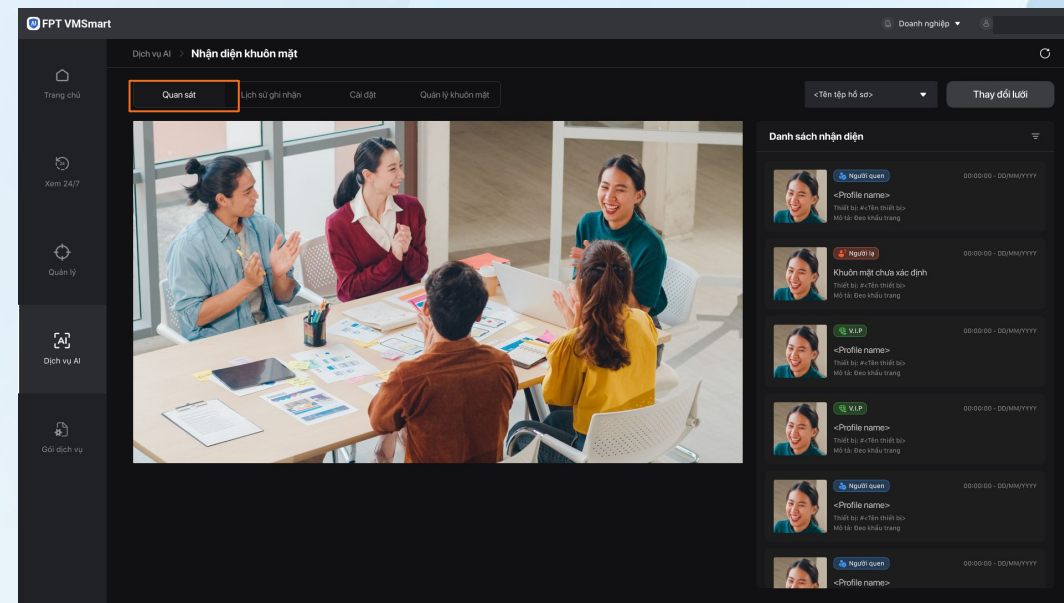
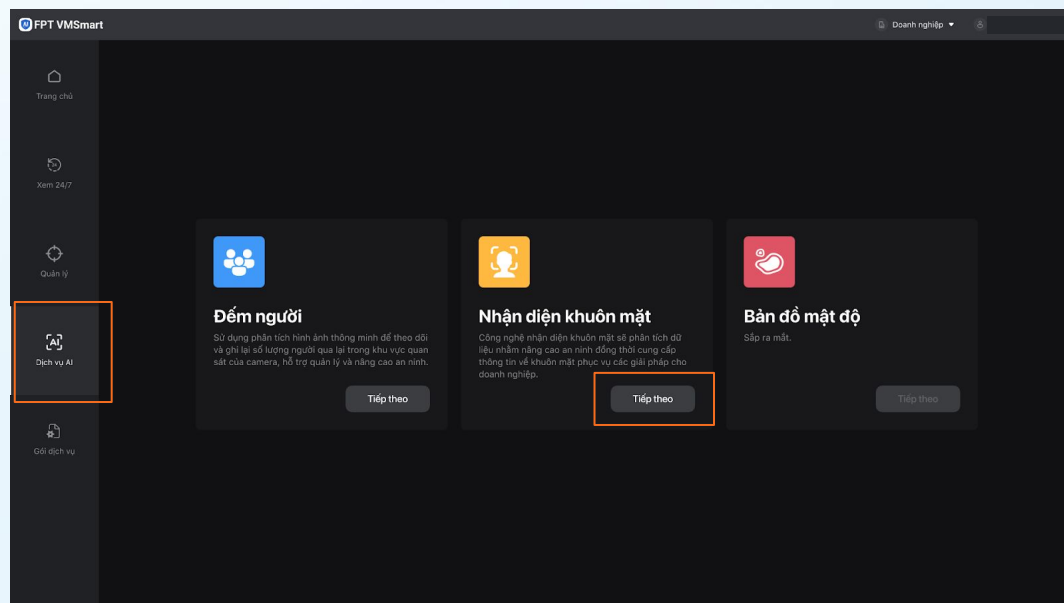
6. Hướng dẫn sử dụng Dịch vụ AI - Nhận diện khuôn mặt

Nhận diện khuôn mặt

Truy cập tính năng

B1: Truy cập vào phần **Dịch vụ AI**.
Tại tính năng **Nhận diện khuôn mặt**, chọn nút **Tiếp theo**

B2: Sau đó, truy cập phần **Quan sát** để xem chi tiết về dữ liệu nhận diện **người lạ/quen/VIP**



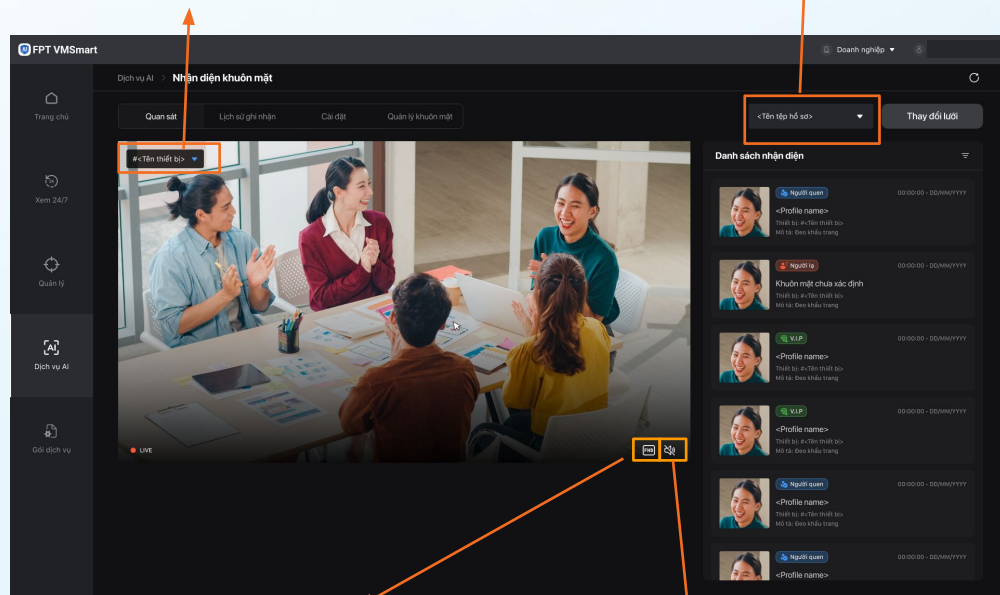
Nhận diện khuôn mặt

Truy cập quan sát

B1.1: Nhấn để thay đổi camera xem livestreams

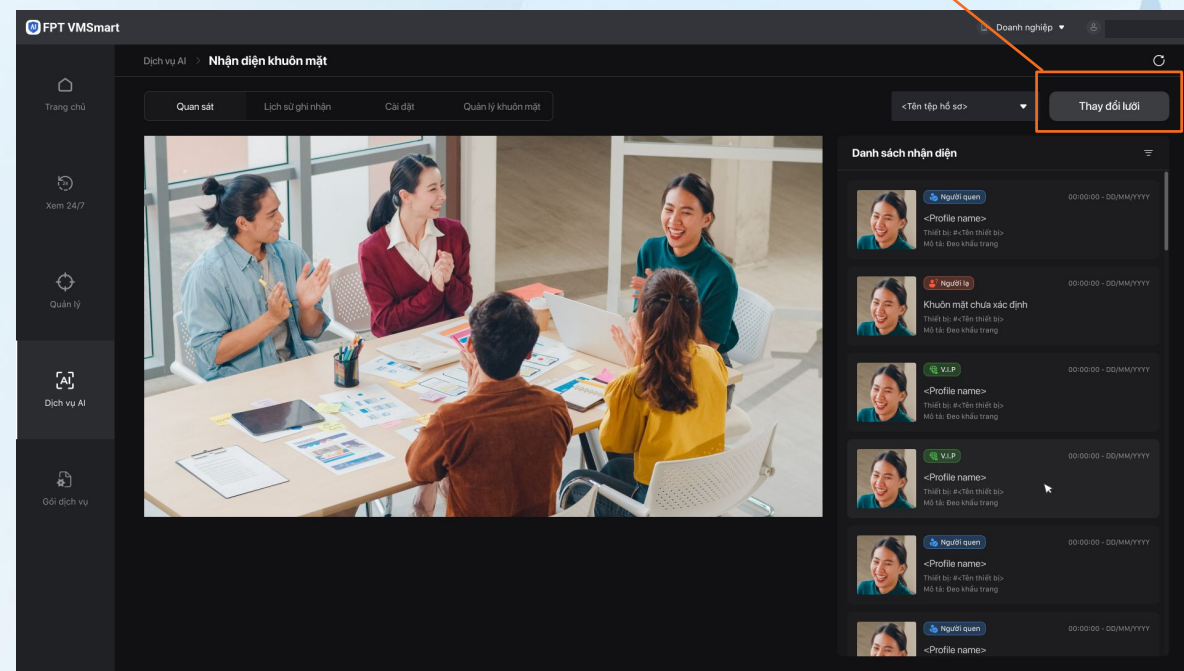
B1.2: Nhấn để thay đổi tệp hồ sơ

Nhấn để thay đổi lưới hiển thị



B1.3: Nhấn để thay đổi HD/FHD

B1.4: Nhấn để tắt/bật âm thanh



Nhận diện khuôn mặt

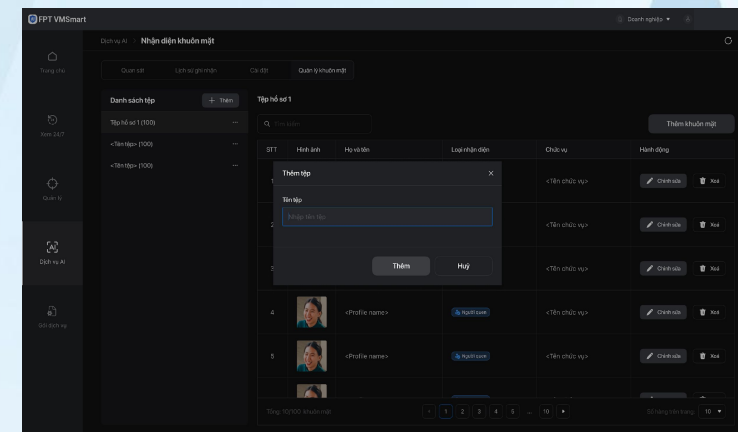
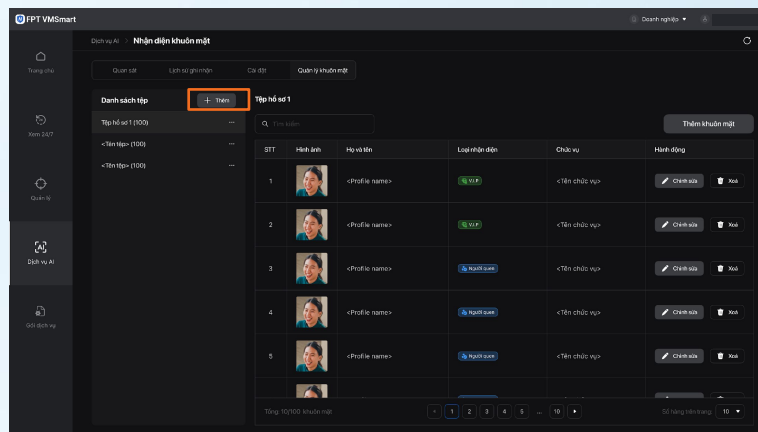
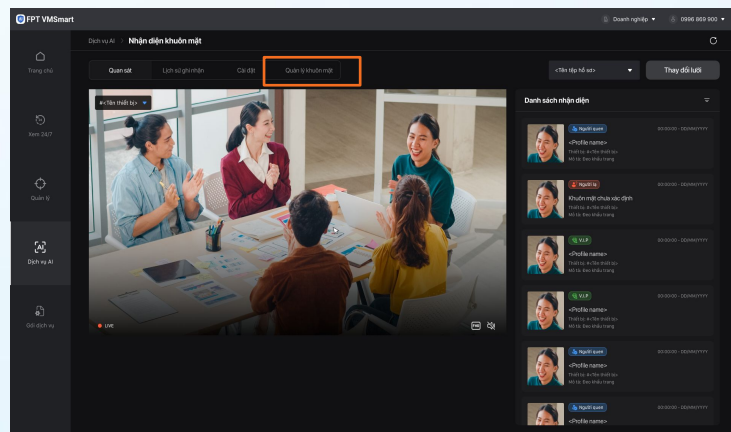
Truy cập quản lý khuôn mặt

Thêm tệp

B1: Nhấn tab “Quản lý khuôn mặt”

B2: Nhấn “Thêm” để tạo tệp

B3: Nhập thông tin của Tệp



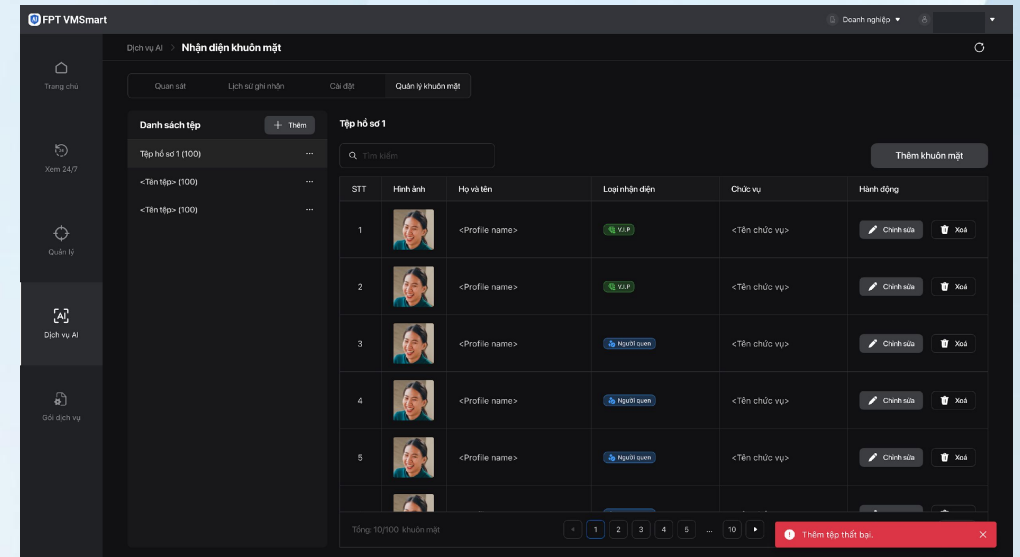
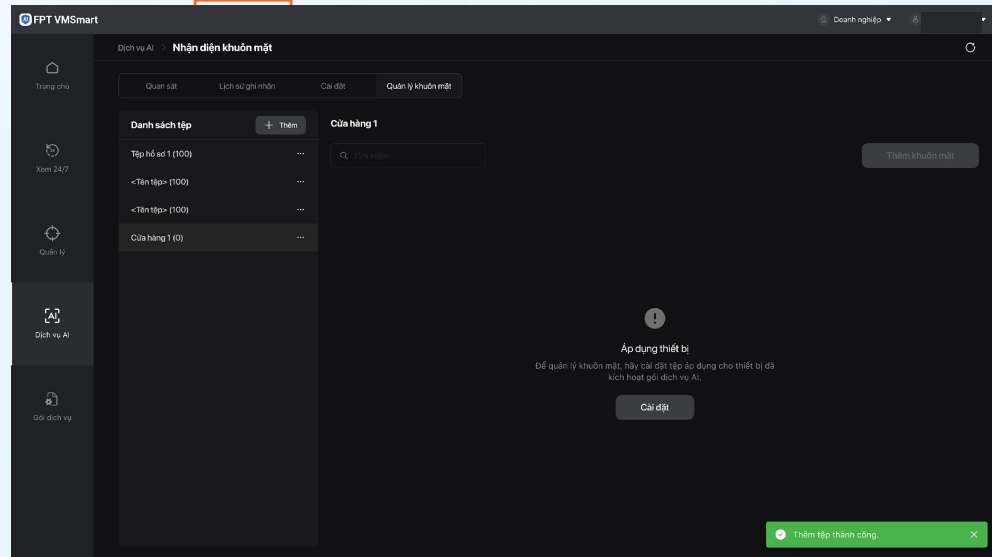
Nhận diện khuôn mặt

Truy cập quản lý khuôn mặt

Thêm tập

Thêm Tập **thành công**

Thêm Tập **thất bại**



Nhận diện khuôn mặt

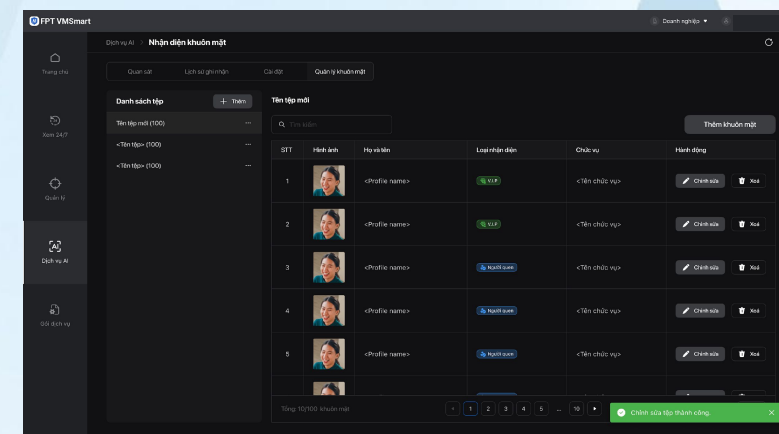
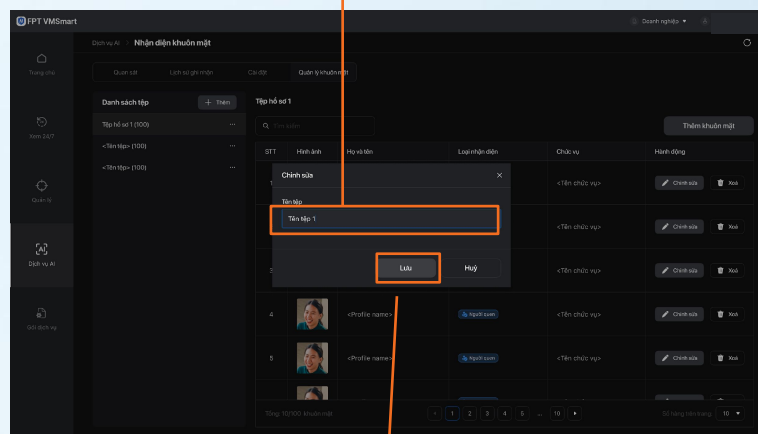
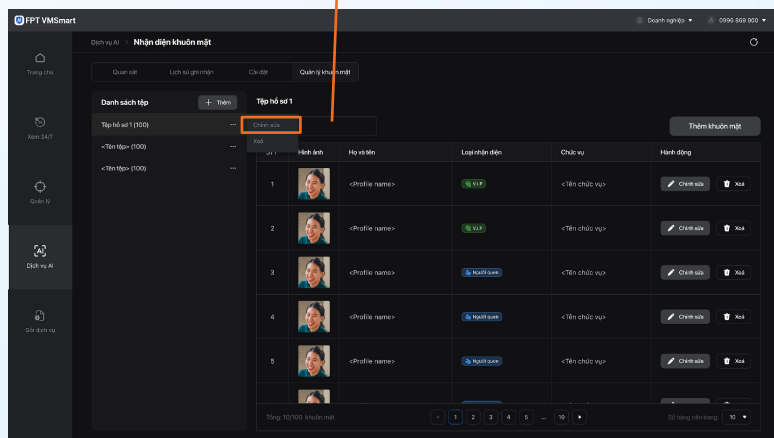
Truy cập quản lý khuôn mặt

Chỉnh sửa Tập

B1: Nhấn icon để **chỉnh sửa** tên Tập

B2: Nhập **thông tin** của Tập

Chỉnh sửa thông tin Tập thành công



B3: Nhấn lưu

Nhận diện khuôn mặt

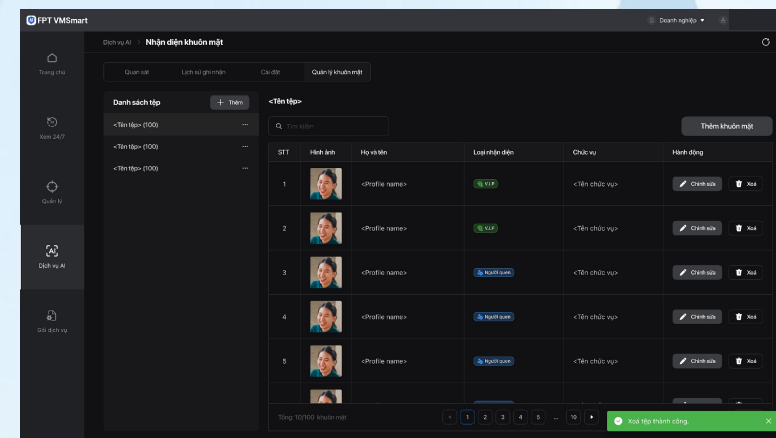
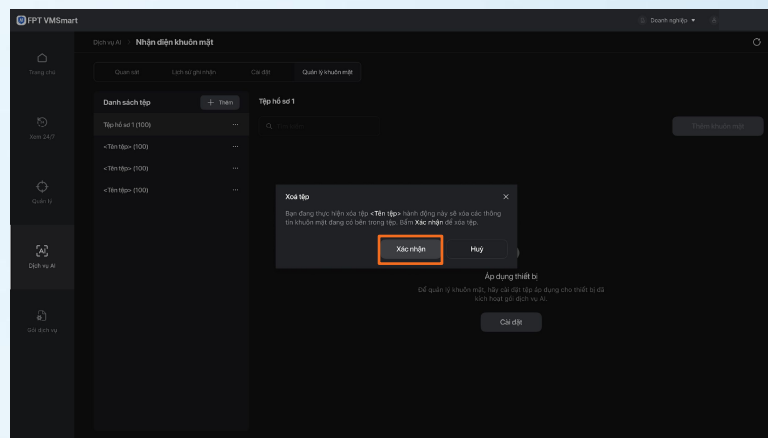
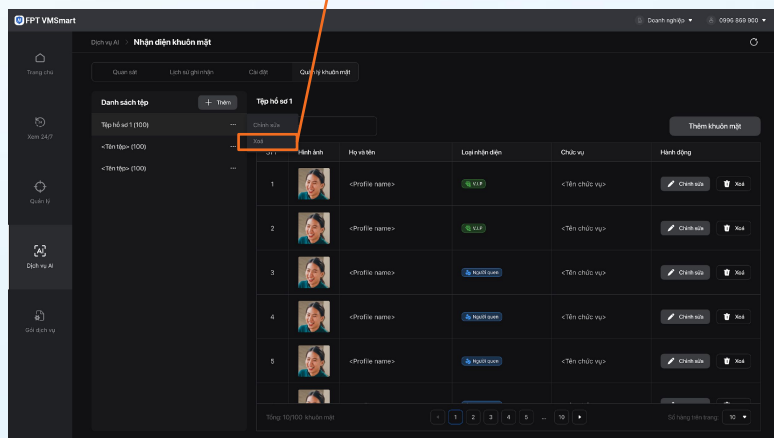
Truy cập quản lý khuôn mặt

Xóa tệp

B1: Nhấn icon để Xóa tên Tệp

B2: Nhấn Xác nhận

Xóa thông tin Tệp
thành công



Nhận diện khuôn mặt

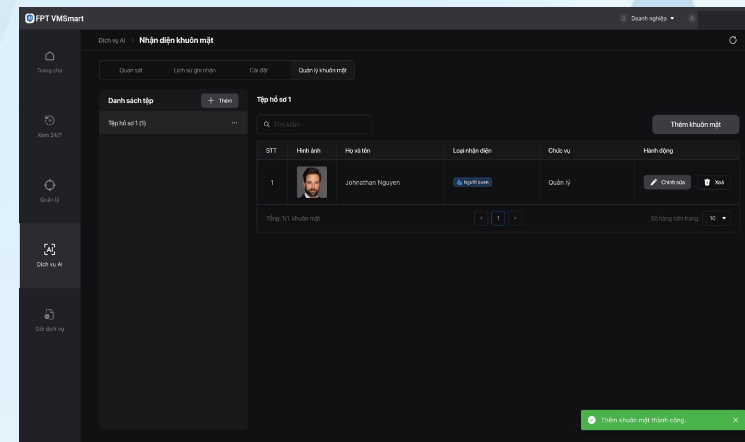
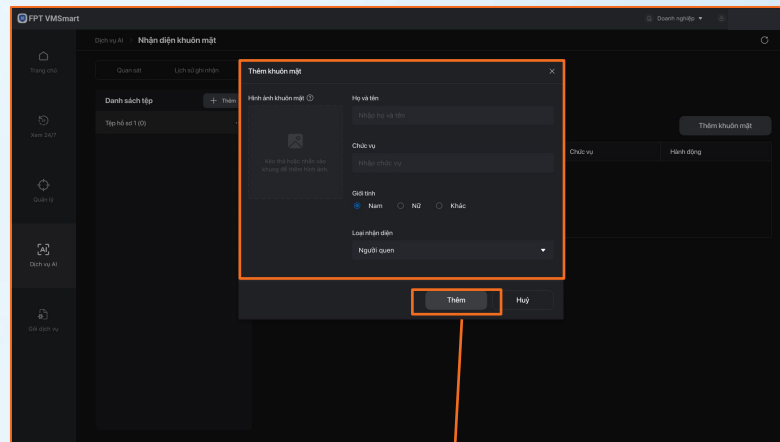
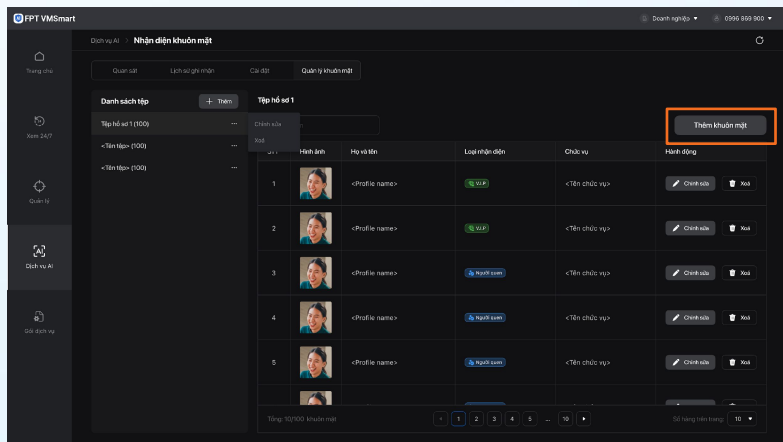
Truy cập quản lý khuôn mặt

Thêm khuôn mặt

B1: Nhấn nút **“Thêm khuôn mặt”** sẽ thêm khuôn mặt vào tập được chọn

B2: Nhập thông tin khuôn mặt

Thêm khuôn mặt thành công



B3: Nhấn Thêm

*Lưu ý:

Chỉ cho phép thêm khuôn mặt vào tập đã được áp dụng cho thiết bị camera nhận diện.

Nhận diện khuôn mặt

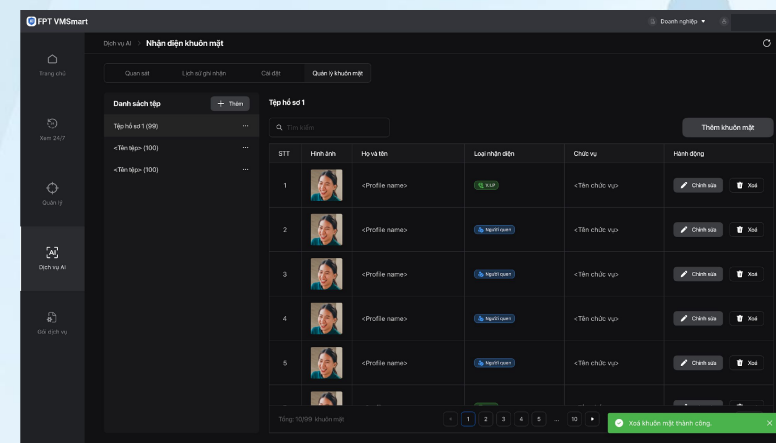
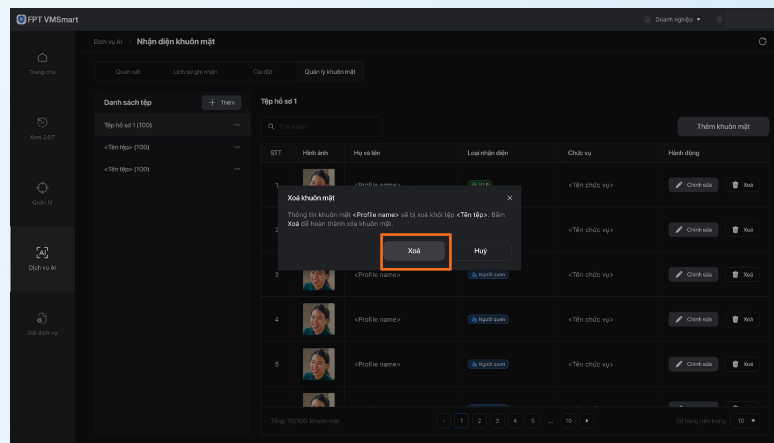
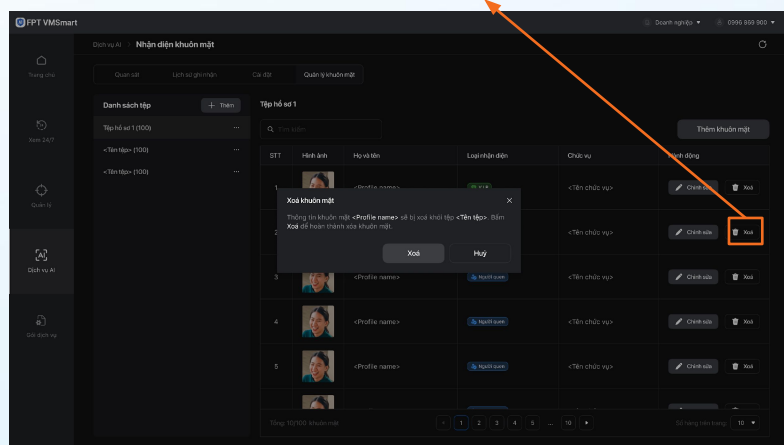
Truy cập quản lý khuôn mặt

Xóa khuôn mặt

B1: Nhấn nút “Xóa” để xóa khuôn mặt

B2: Nhấn Xóa

Xóa thông tin khuôn mặt thành công



Nhận diện khuôn mặt

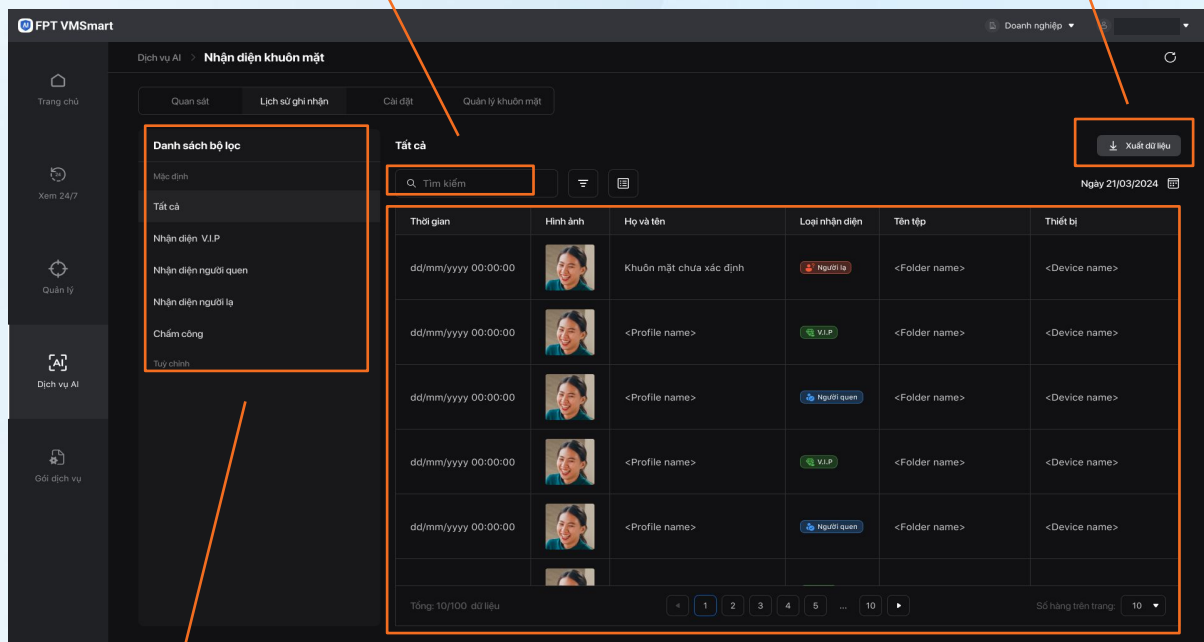
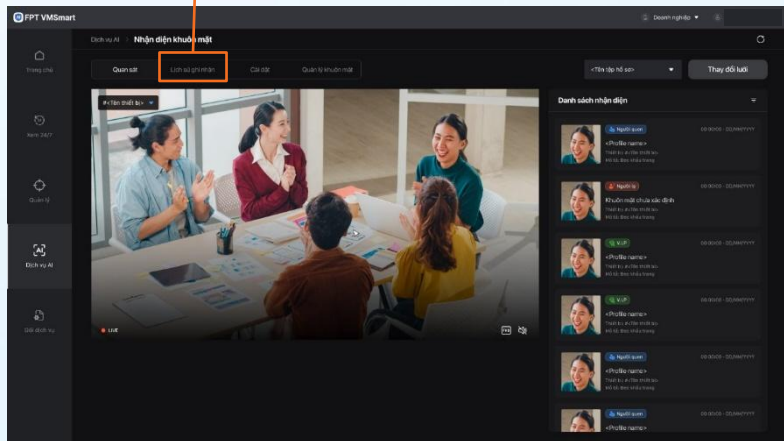
Truy cập lịch sử hoạt động

Bộ lọc

B1: Nhấn tab “Lịch sử ghi nhận” để xem lại lịch sử ghi nhận

B2: Tìm kiếm tên trong bảng dữ liệu

B3: Xuất dữ liệu



B1: Chọn một điều kiện lọc mặc định để lọc giá trị theo điều kiện có sẵn.

Danh sách dữ liệu nhận diện theo ngày được chọn.

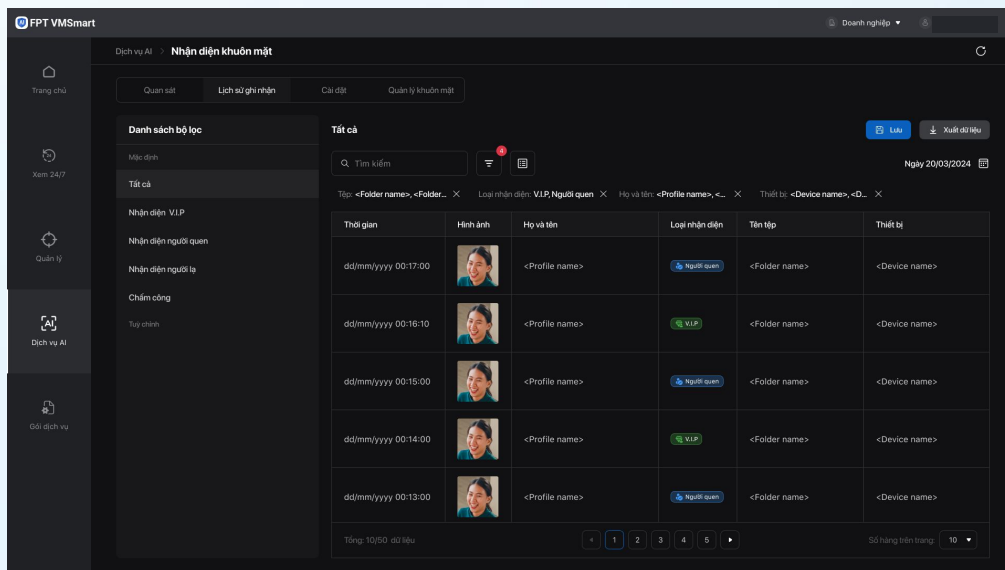
Nhận diện khuôn mặt

Truy cập lịch sử hoạt động

Tạo bộ lọc tùy chỉnh

Trường hợp lọc có dữ liệu

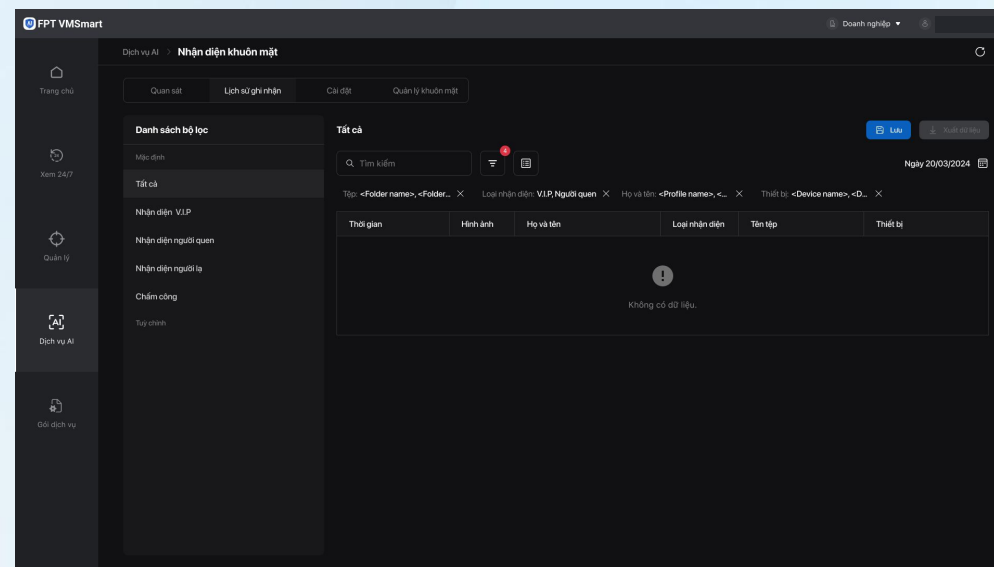
Trường hợp lọc không có dữ liệu



The screenshot shows the FPT VMSmart interface with the 'Nhận diện khuôn mặt' (Face Recognition) section active. The 'Danh sách bộ lọc' (Filter List) on the left includes 'Nhận diện V.I.P', 'Nhận diện người quen', 'Nhận diện người lạ', and 'Chấm công'. The main area displays a table of results for the date 'Ngày 20/03/2024'.

Thời gian	Hình ảnh	Họ và tên	Loại nhận diện	Tên tệp	Thiết bị
dd/mm/yyyy 00:17:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:16:10		<Profile name>	V.I.P	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:15:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:14:00		<Profile name>	V.I.P	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:13:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>

At the bottom, it shows 'Tổng: 10/50 dữ liệu' and a pagination control with buttons 1, 2, 3, 4, 5.



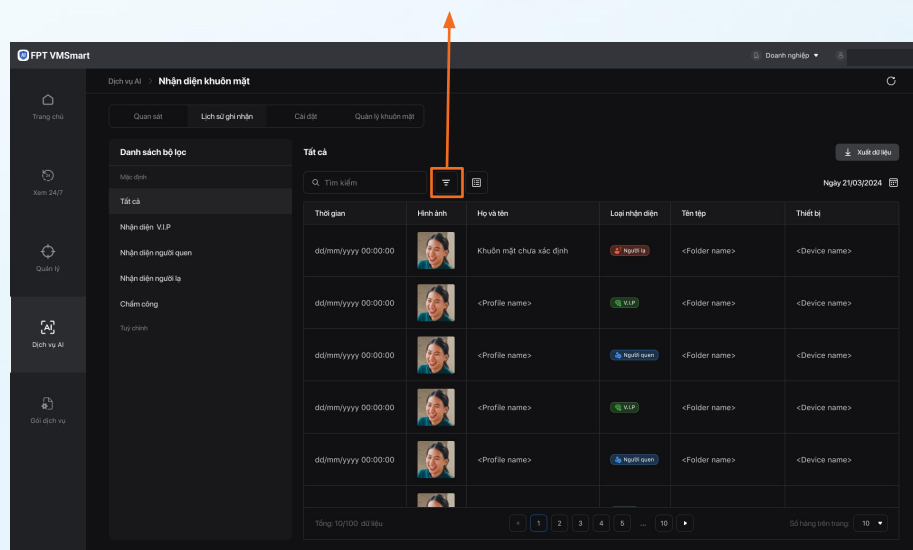
The screenshot shows the same FPT VMSmart interface, but the main area displays a message 'Không có dữ liệu' (No data) with a warning icon, indicating that no results were found for the selected filters.

Nhận diện khuôn mặt

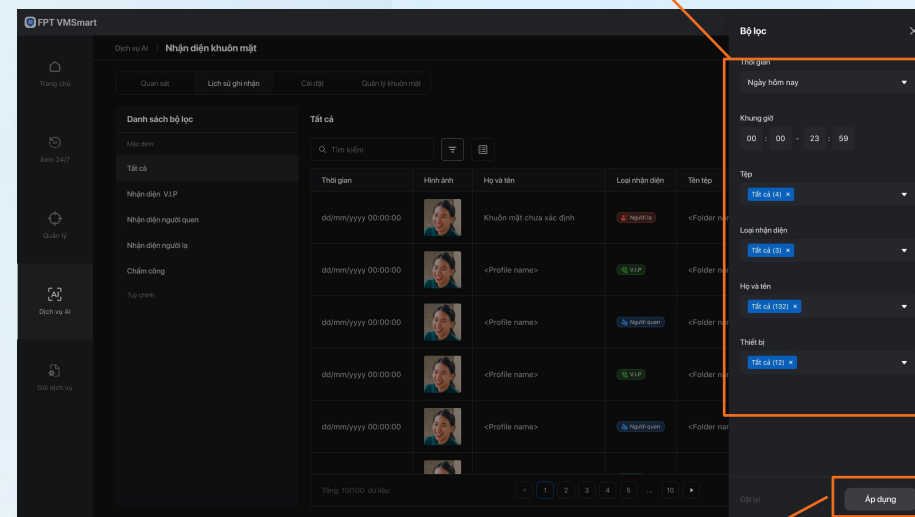
Truy cập lịch sử hoạt động

Tạo bộ lọc tùy chỉnh

B1: Nhấn icon filter để chọn giá trị cần lọc dữ liệu.



B2: Chọn điều kiện muốn lọc giá trị

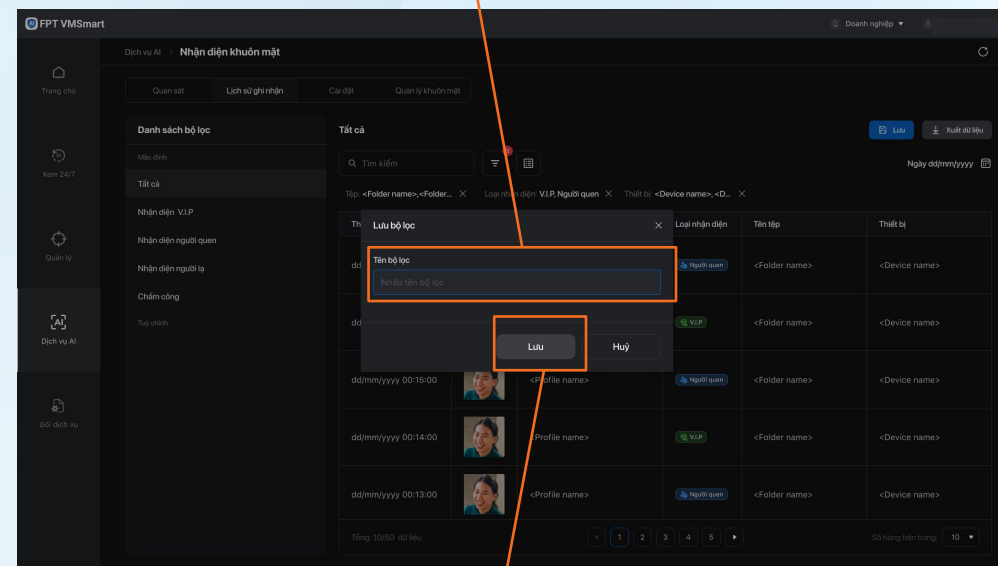
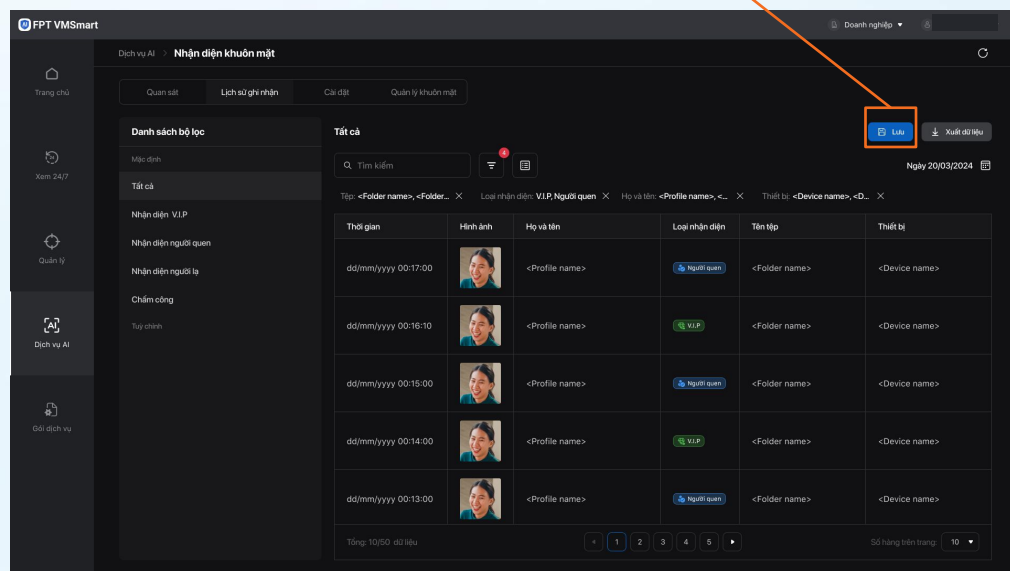


B3: Nhấn Áp dụng để lọc dữ liệu

Lưu Tạo bộ lọc tùy chỉnh

B1: Nhấn nút Lưu để lưu các điều kiện lọc đã chọn.

B2: Đặt tên cho bộ lọc

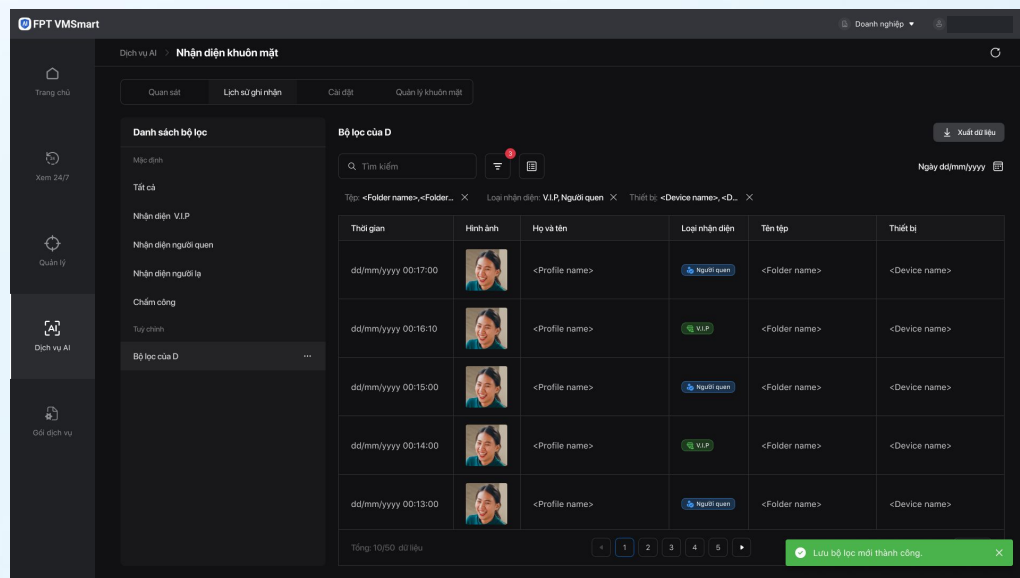


B3: Nhấn Lưu

Lưu Tạo bộ lọc tùy chỉnh (tt)

Lưu bộ lọc tùy chỉnh thành công

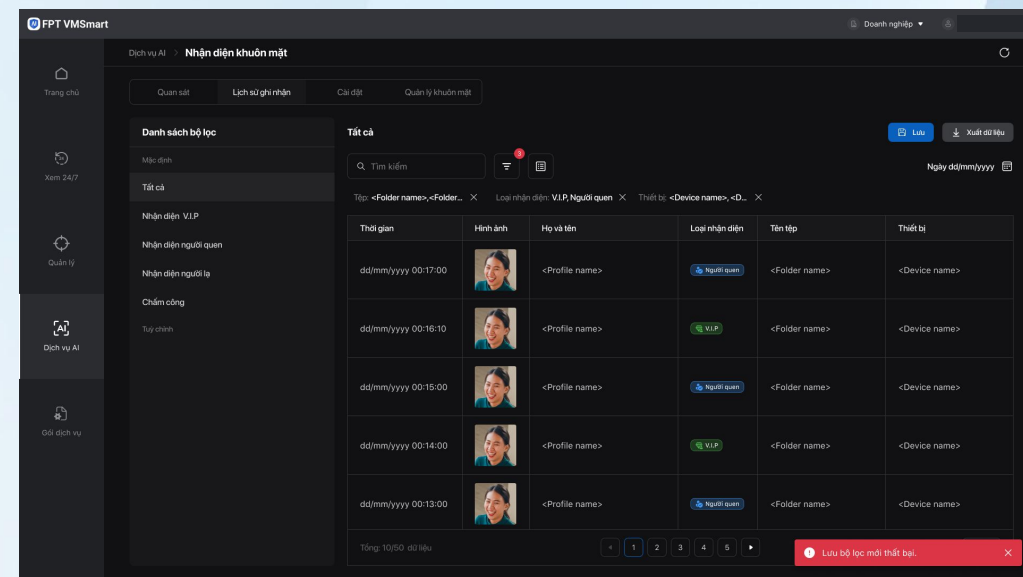
Lưu bộ lọc tùy chỉnh thất bại



The screenshot shows the FPT VMSmart interface with the 'Nhận diện khuôn mặt' (Face Recognition) section active. The 'Bộ lọc của D' (Filter of D) tab is selected, displaying a table of filters. The table has columns for 'Thời gian' (Time), 'Hình ảnh' (Image), 'Họ và tên' (Name), 'Loại nhận diện' (Recognition Type), 'Tên tập' (Folder Name), and 'Thiết bị' (Device). The filters are listed as follows:

Thời gian	Hình ảnh	Họ và tên	Loại nhận diện	Tên tập	Thiết bị
dd/mm/yyyy 00:17:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:18:10		<Profile name>	V.I.P	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:15:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:14:00		<Profile name>	V.I.P	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:13:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>

A green notification bar at the bottom indicates 'Lưu bộ lọc mới thành công' (New filter saved successfully).



The screenshot shows the FPT VMSmart interface with the 'Nhận diện khuôn mặt' (Face Recognition) section active. The 'Bộ lọc của D' (Filter of D) tab is selected, displaying a table of filters. The table has columns for 'Thời gian' (Time), 'Hình ảnh' (Image), 'Họ và tên' (Name), 'Loại nhận diện' (Recognition Type), 'Tên tập' (Folder Name), and 'Thiết bị' (Device). The filters are listed as follows:

Thời gian	Hình ảnh	Họ và tên	Loại nhận diện	Tên tập	Thiết bị
dd/mm/yyyy 00:17:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:16:10		<Profile name>	V.I.P	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:15:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:14:00		<Profile name>	V.I.P	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:13:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>

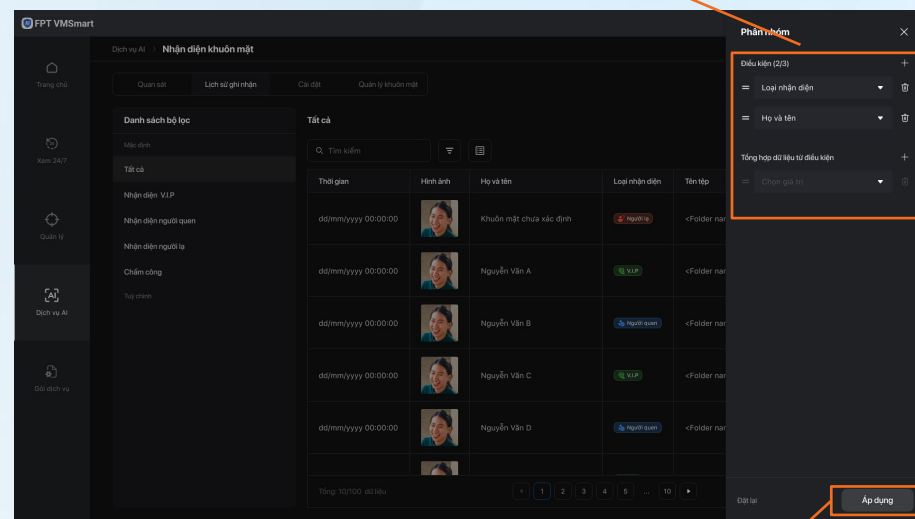
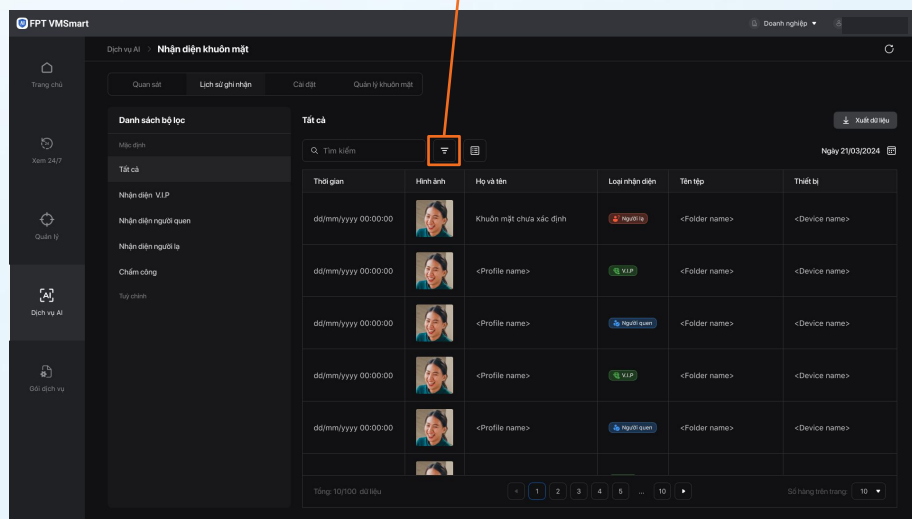
A red notification bar at the bottom indicates 'Lưu bộ lọc mới thất bại' (New filter save failed).

Tạo phân nhóm

Nhấn icon Phân nhóm để phân nhóm dữ liệu.

Chọn điều kiện muốn phân nhóm:

- **Loại nhận diện** (Người lạ, người quen/VIP)
- **Họ và tên**
- **Thiết bị nhận diện**
- **Tập nhận diện**



Nhấn Áp dụng để lọc dữ liệu

***Lưu ý:**

- Cho phép chọn tối đa 3 “**điều kiện phân nhóm**” và 2 điều kiện “**Tổng hợp dữ liệu**”.

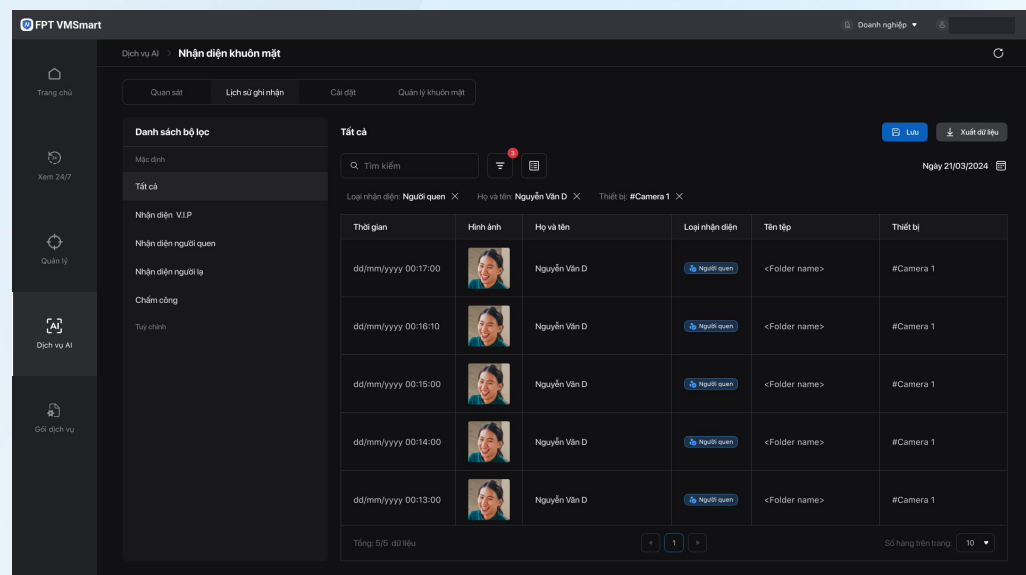
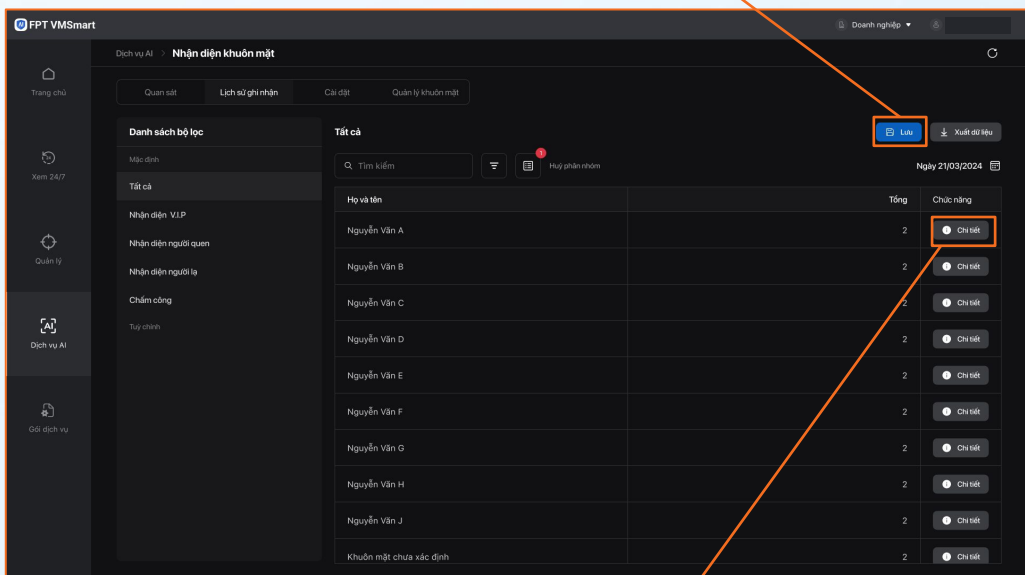
Nhận diện khuôn mặt

Truy cập lịch sử hoạt động

Xem phân nhóm

Nhấn nút Lưu để lưu các điều kiện đã chọn

Hệ thống mở tab mới trên browser với bộ lọc có giá trị tương ứng.

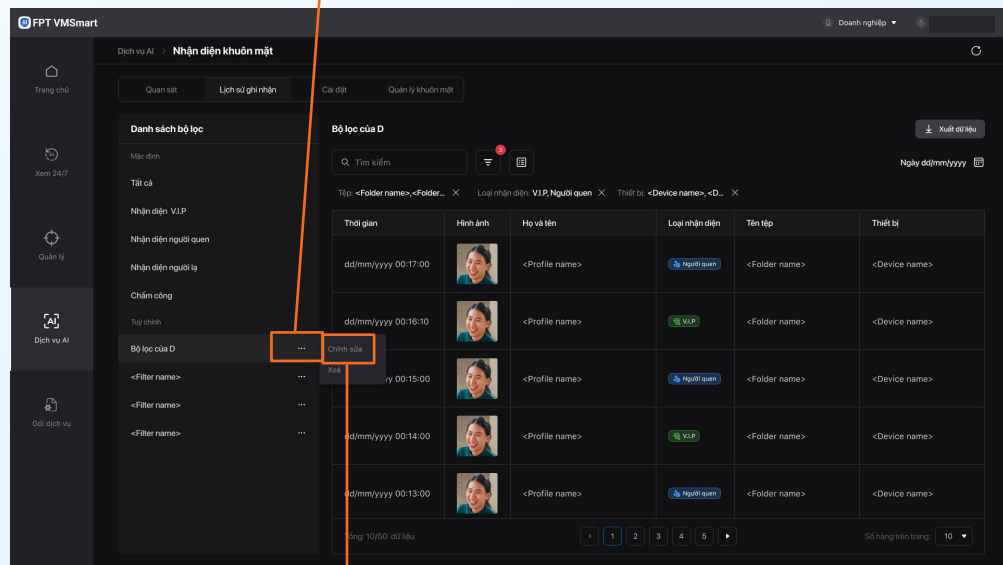


Nhấn xem Chi tiết để xem dữ liệu phân nhóm

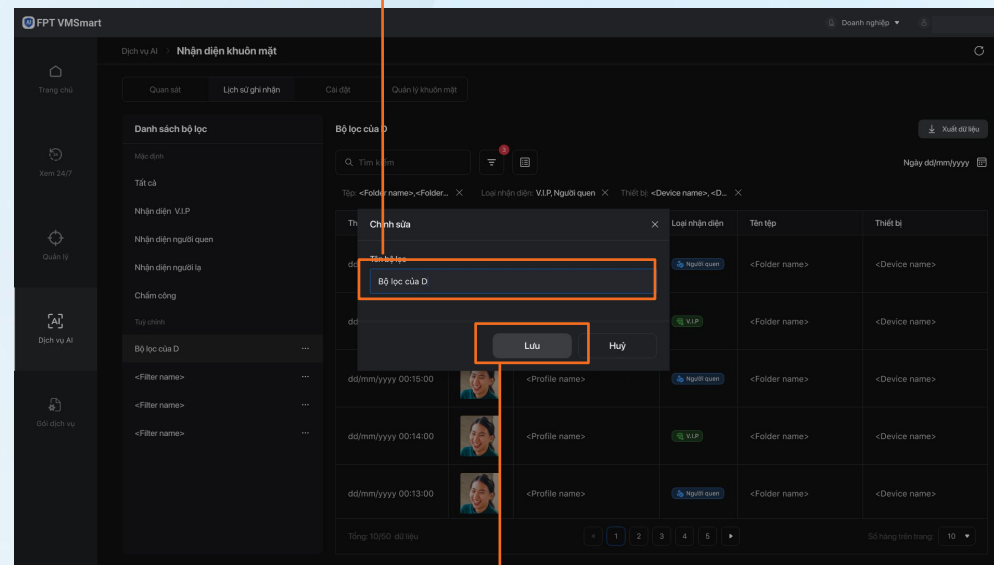
Chỉnh sửa tên bộ lọc

B1: Nhấn icon trên bộ lọc Tùy chỉnh

B3: Thay đổi tên bộ lọc



B2: Nhấn chỉnh sửa

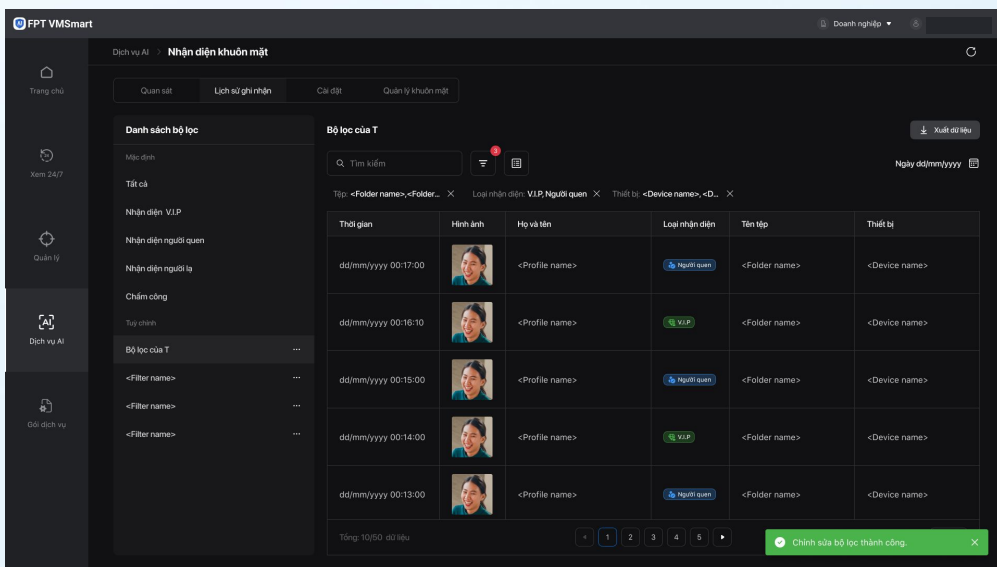


B4: Nhấn Lưu

Chỉnh sửa tên bộ lọc

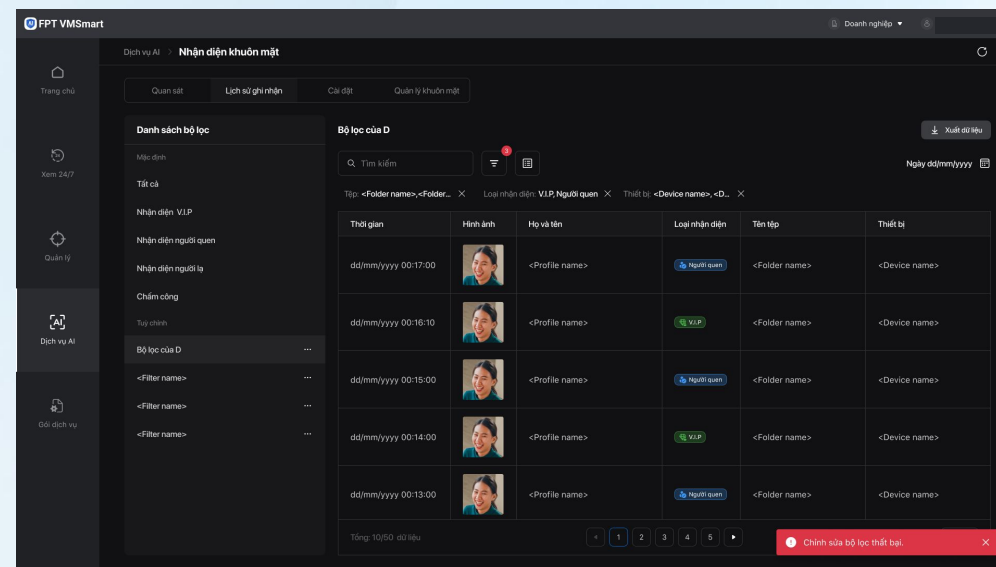
Chỉnh sửa bộ lọc thành công

Chỉnh sửa bộ lọc thất bại



The screenshot shows the FPT VMSmart interface with the 'Nhận diện khuôn mặt' (Face Recognition) section active. The 'Bộ lọc của T' (Filter of T) is selected, and the table displays a list of filters. The 'Chỉnh sửa bộ lọc thành công' (Filter modification successful) message is visible at the bottom right.

Thời gian	Hình ảnh	Họ và tên	Loại nhận diện	Tên tập	Thiết bị
dd/mm/yyyy 00:17:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:16:10		<Profile name>	VIP	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:15:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:14:00		<Profile name>	VIP	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:13:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>

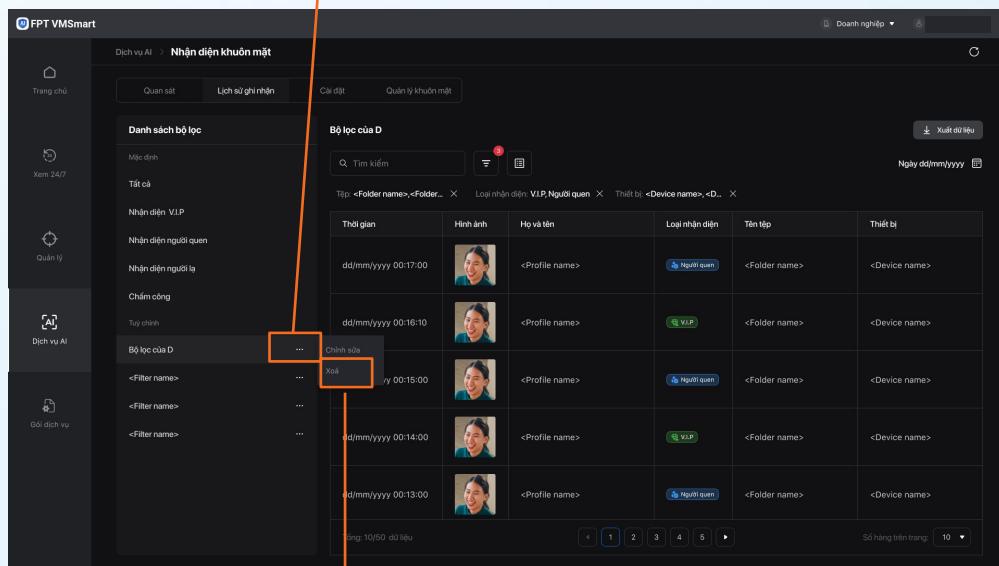


The screenshot shows the FPT VMSmart interface with the 'Nhận diện khuôn mặt' (Face Recognition) section active. The 'Bộ lọc của D' (Filter of D) is selected, and the table displays a list of filters. The 'Chỉnh sửa bộ lọc thất bại' (Filter modification failed) message is visible at the bottom right.

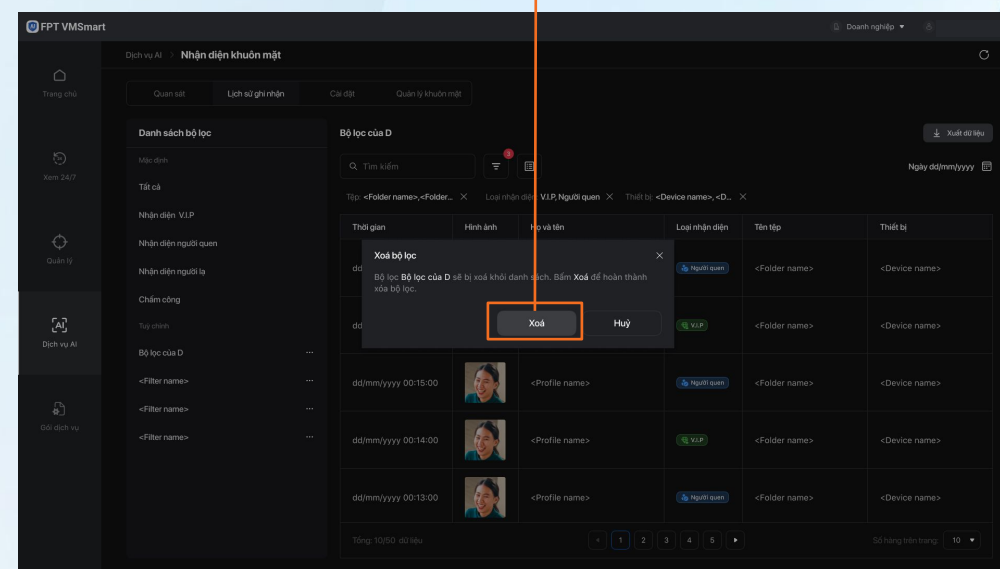
Thời gian	Hình ảnh	Họ và tên	Loại nhận diện	Tên tập	Thiết bị
dd/mm/yyyy 00:17:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:16:10		<Profile name>	VIP	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:15:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:14:00		<Profile name>	VIP	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:13:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>

Xóa bộ lọc

B1: Nhấn icon trên bộ lọc Tùy chỉnh



B2: Nhấn xóa

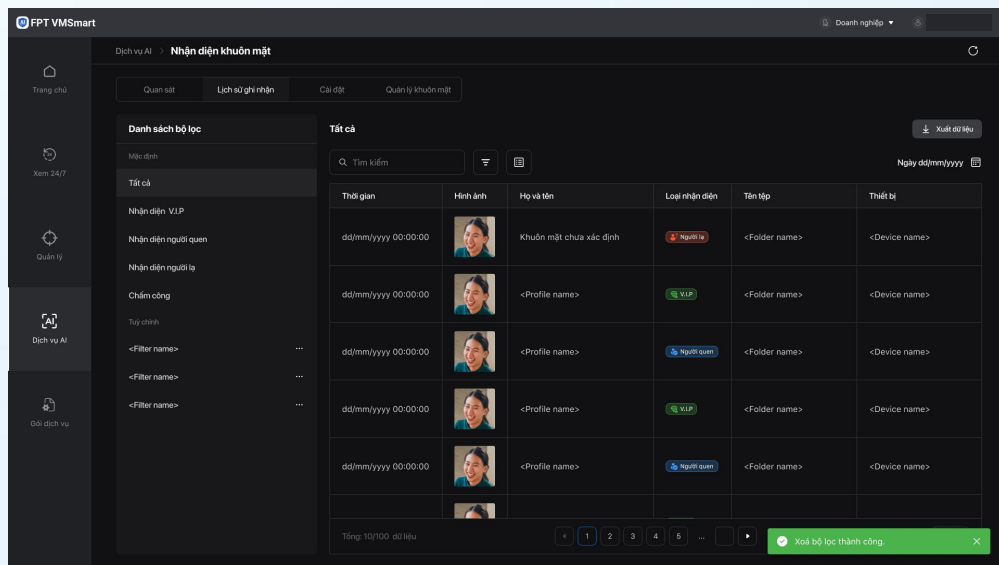


B3: Nhấn Xóa để xác nhận

Xóa bộ lọc (tt)

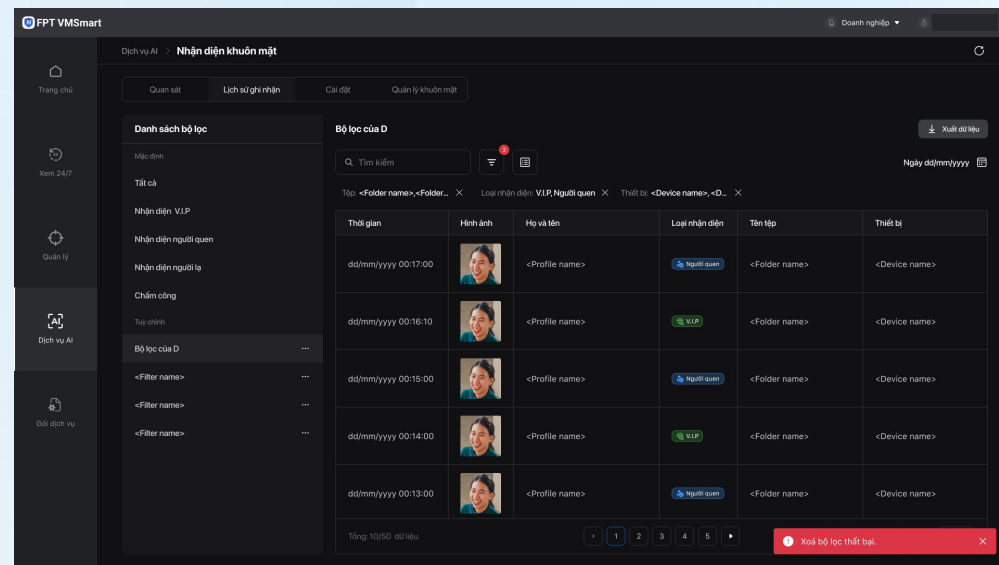
Xóa bộ lọc thành công

Xóa bộ lọc thất bại



The screenshot shows the FPT VMSmart interface with the 'Nhận diện khuôn mặt' (Face Recognition) section active. The 'Danh sách bộ lọc' (Filter List) table is displayed, showing a list of filters with columns for 'Thời gian' (Time), 'Hình ảnh' (Image), 'Họ và tên' (Name), 'Loại nhận diện' (Recognition Type), 'Tên tập' (Folder Name), and 'Thiết bị' (Device). A green notification bar at the bottom indicates 'Xóa bộ lọc thành công' (Filter deletion successful).

Thời gian	Hình ảnh	Họ và tên	Loại nhận diện	Tên tập	Thiết bị
dd/mm/yyyy 00:00:00		Khuôn mặt chưa xác định	Người lạ	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:00:00		<Profile name>	VIP	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:00:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:00:00		<Profile name>	VIP	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:00:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>

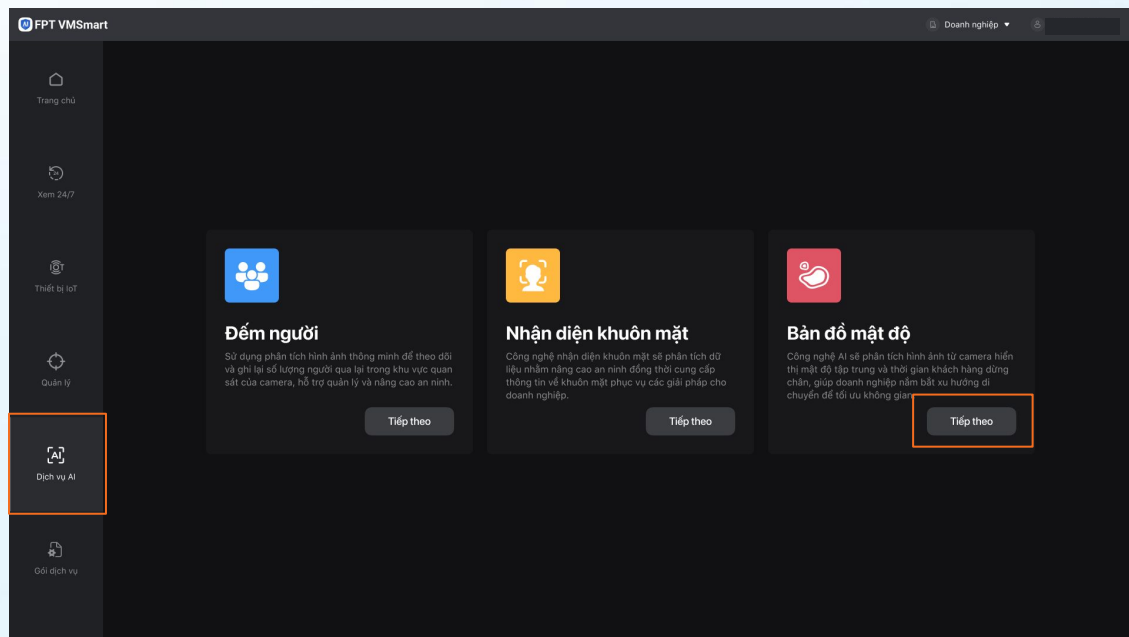


The screenshot shows the FPT VMSmart interface with the 'Nhận diện khuôn mặt' (Face Recognition) section active. The 'Danh sách bộ lọc' (Filter List) table is displayed, showing a list of filters. A red notification bar at the bottom indicates 'Xóa bộ lọc thất bại' (Filter deletion failed).

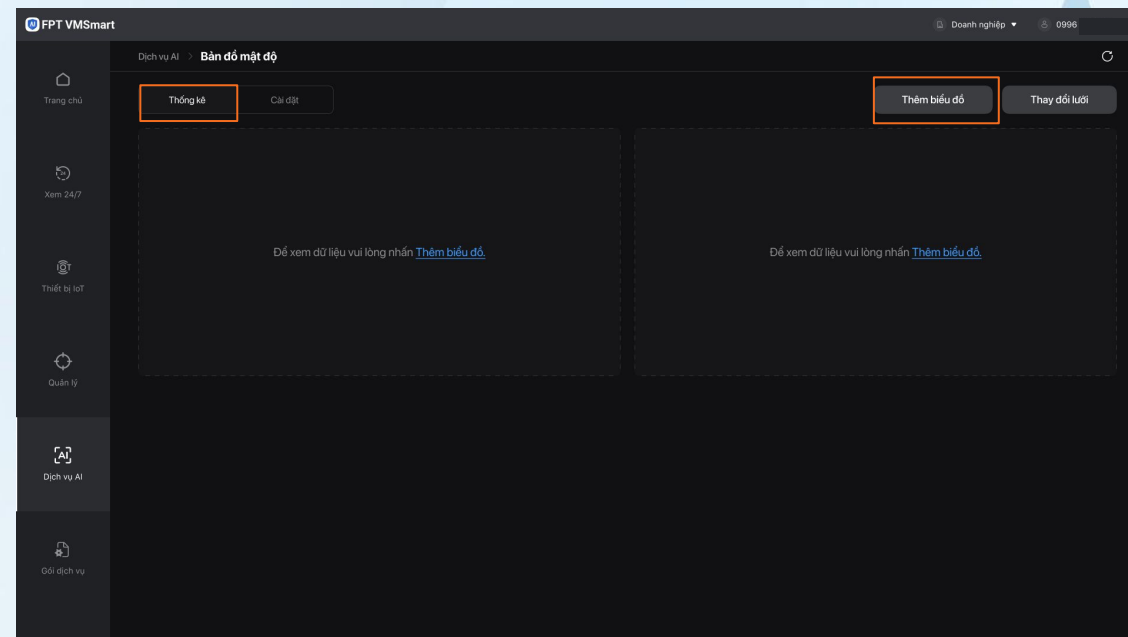
Thời gian	Hình ảnh	Họ và tên	Loại nhận diện	Tên tập	Thiết bị
dd/mm/yyyy 00:17:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:16:10		<Profile name>	VIP	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:15:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:14:00		<Profile name>	VIP	<Folder name>	<Device name>
dd/mm/yyyy 00:13:00		<Profile name>	Người quen	<Folder name>	<Device name>

7. Hướng dẫn sử dụng Dịch vụ AI - Bản đồ mật độ

B1: Truy cập vào phần **Dịch vụ AI**. Tại tính năng Bản đồ mật độ, chọn nút **Tiếp theo**



B2: Sau khi truy cập, phần **Thống kê và Thêm biểu đồ** để xem chi tiết về dữ liệu

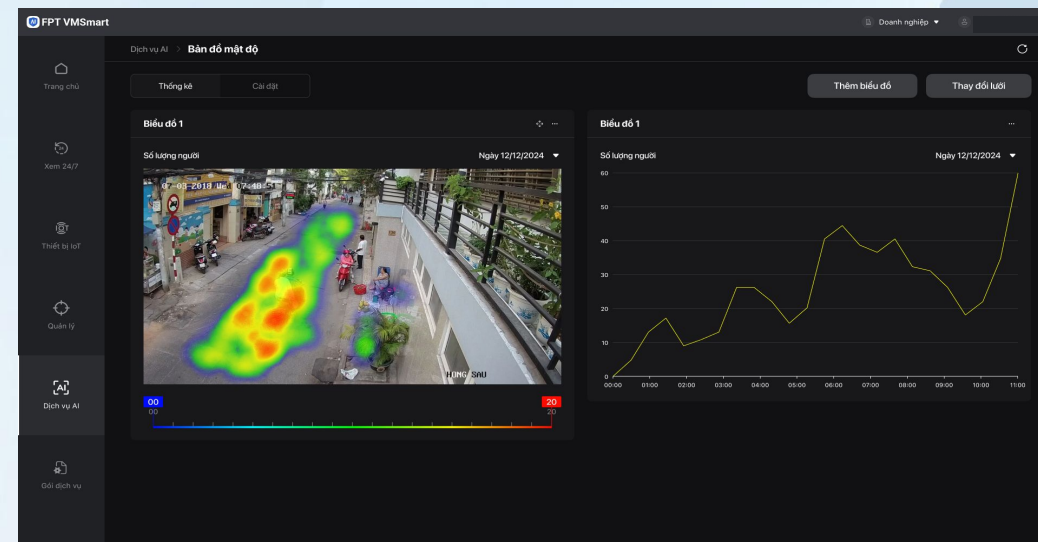
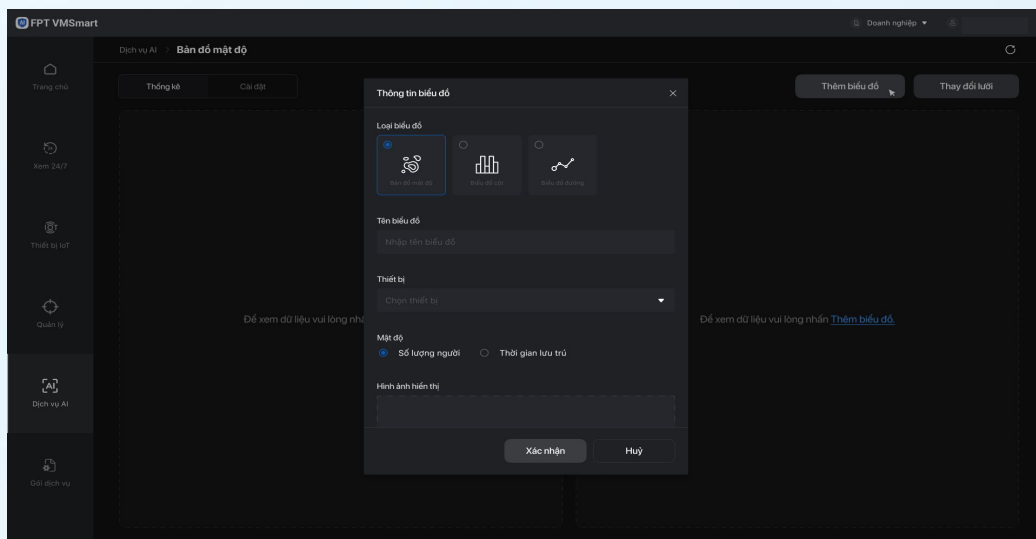


B3: Để tạo biểu đồ thống kê, bạn cần:

- **Chọn loại biểu đồ** (Biểu đồ mật độ, cột, đường)
- **Tên biểu đồ** (Tùy theo nhu cầu của bạn)
- **Mật độ** (Số lượng người, thời gian lưu trú)
- **Hình ảnh** (chọn hình ảnh hiển thị). *Áp dụng cho loại biểu đồ mật độ*
- **Hiển thị dữ liệu** (Vùng nhận diện, Vùng quan tâm). *Áp dụng cho loại biểu đồ cột và biểu đồ đường.*
- **Ngày**

Sau đó nhấn **Xác nhận** để tạo biểu đồ.

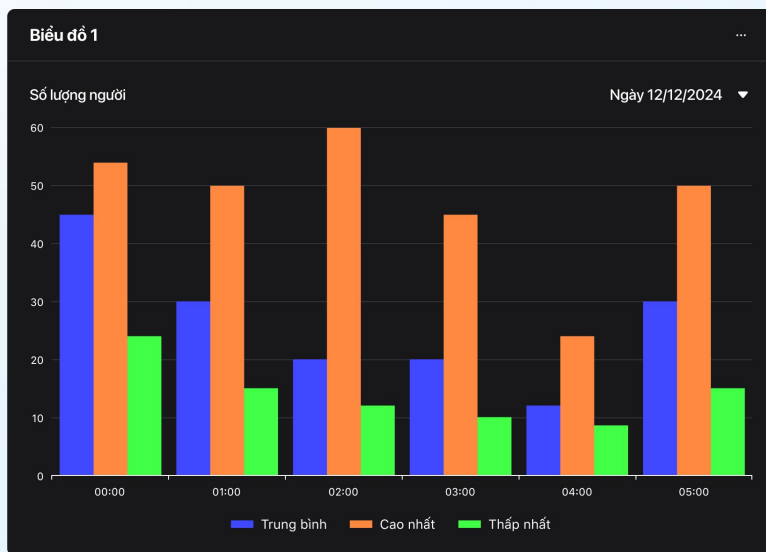
Màn hình hiển thị



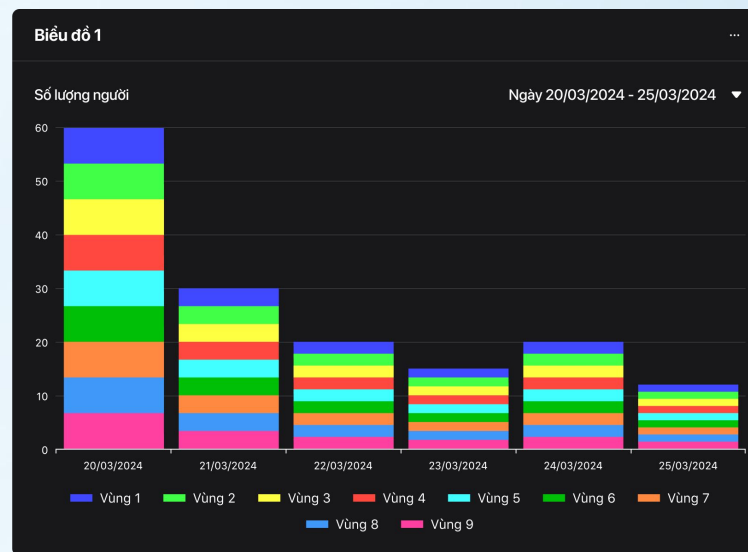
Bản đồ mật độ

Xem chi tiết dữ liệu (tt)

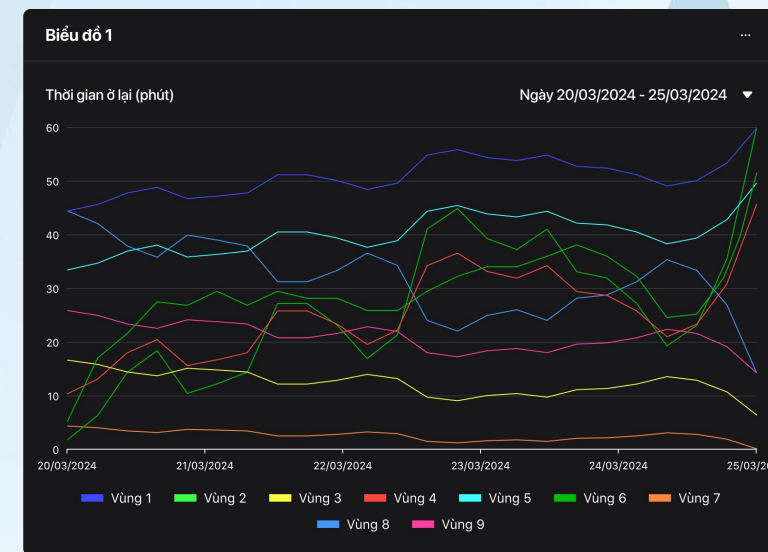
Biểu đồ cột của Vùng nhận diện



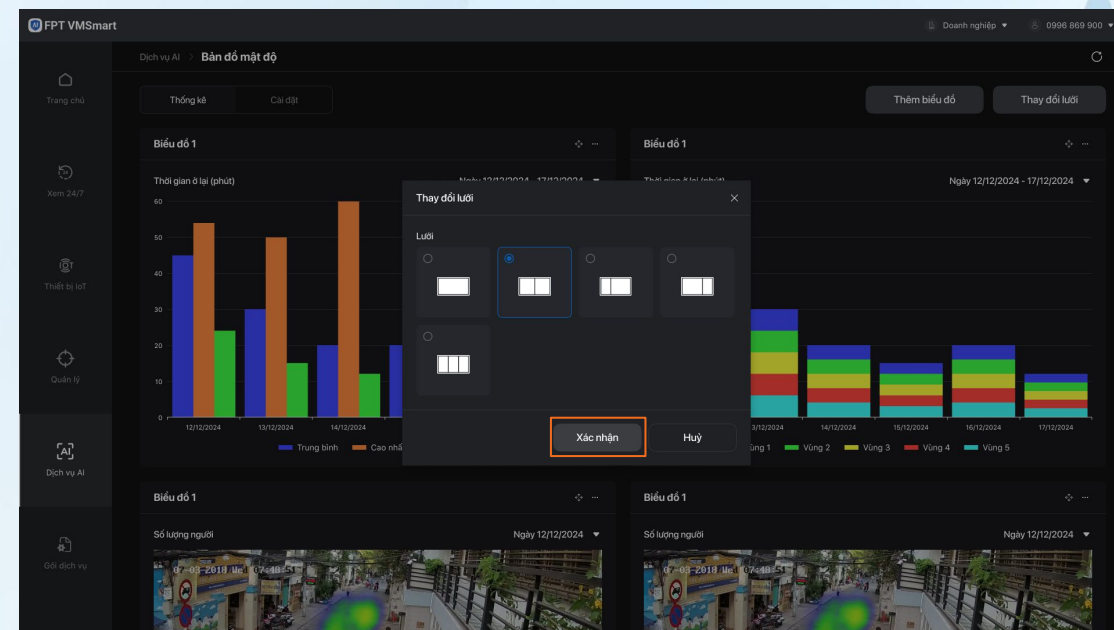
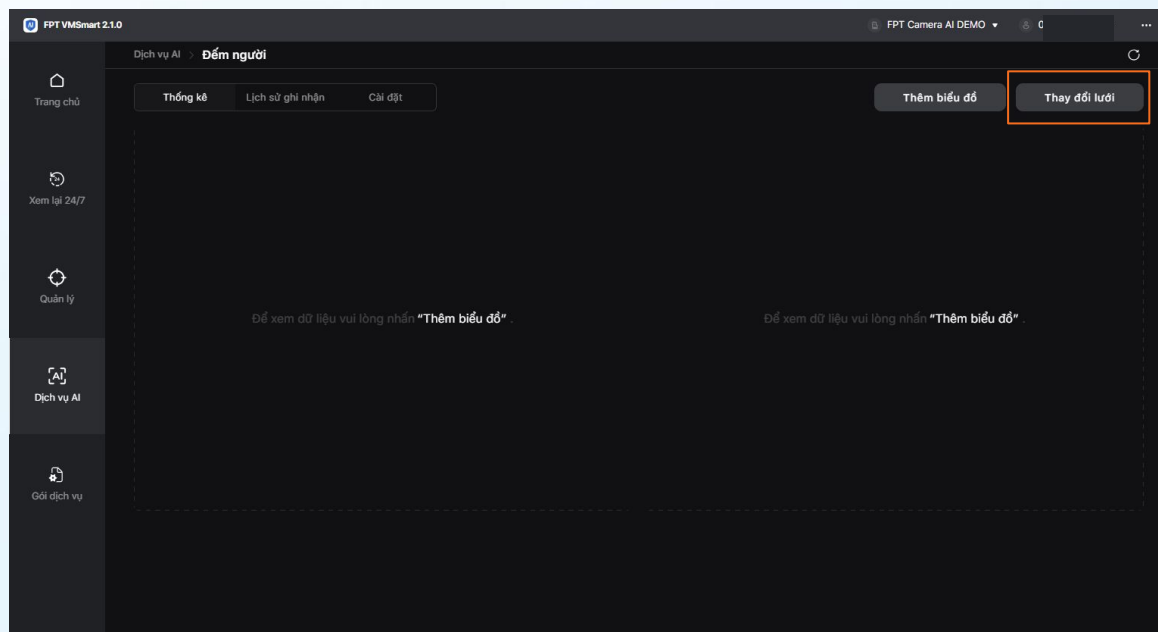
Biểu đồ cột của Vùng quan tâm



Biểu đồ đường của Vùng quan tâm

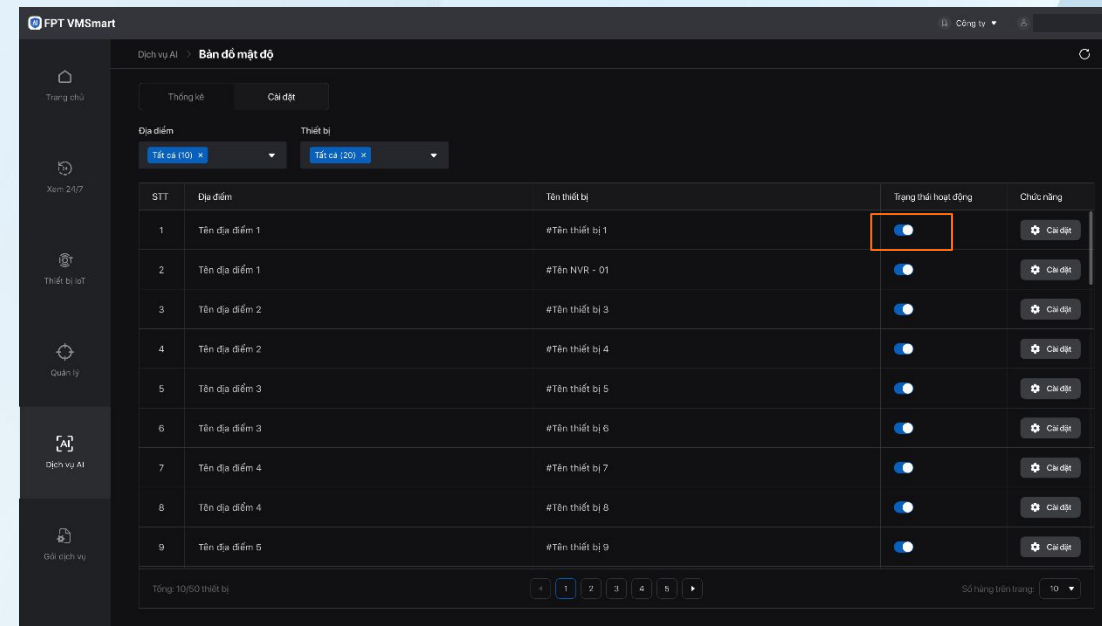
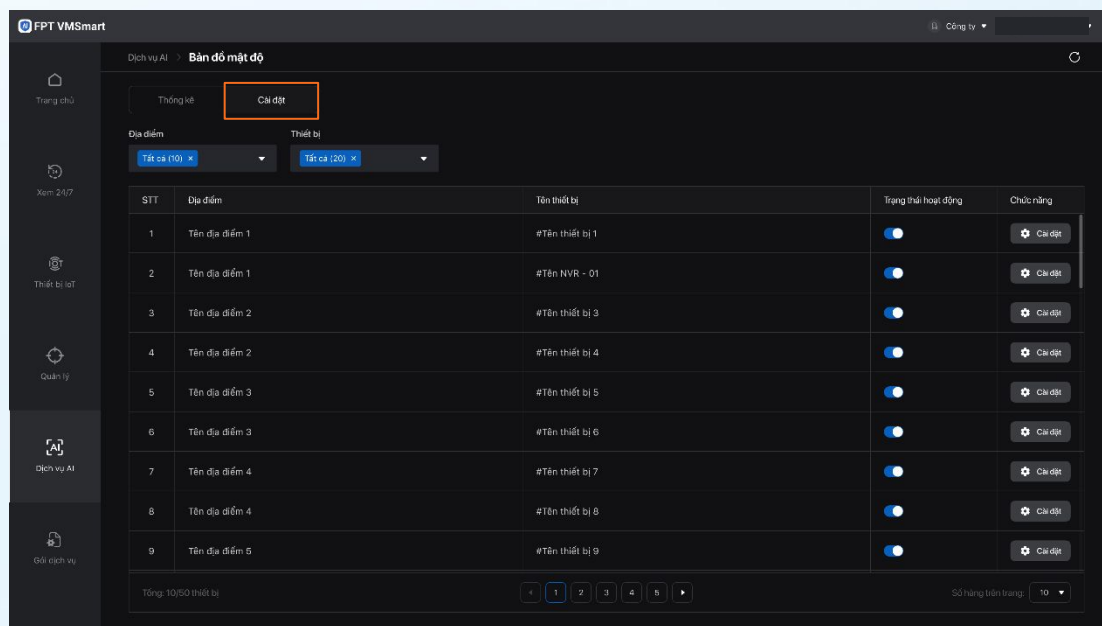


Lưu ý: Bạn có thể chọn lưới để có giao diện như mong muốn. Sau đó nhấn “Xác nhận” để hoàn tất thao tác.



B1: Truy cập tab Cài đặt

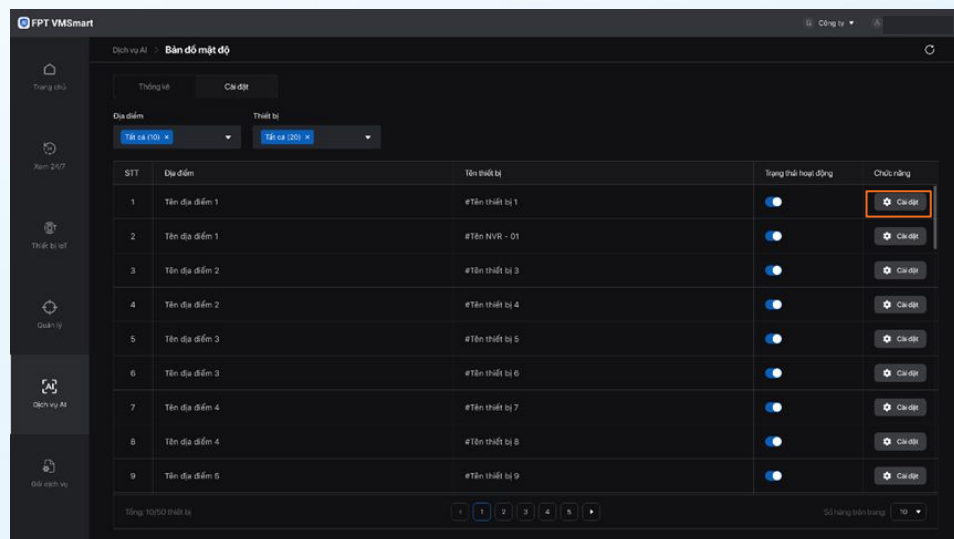
B2: Trạng thái hoạt động:
Bạn có thể tắt/bật trạng thái



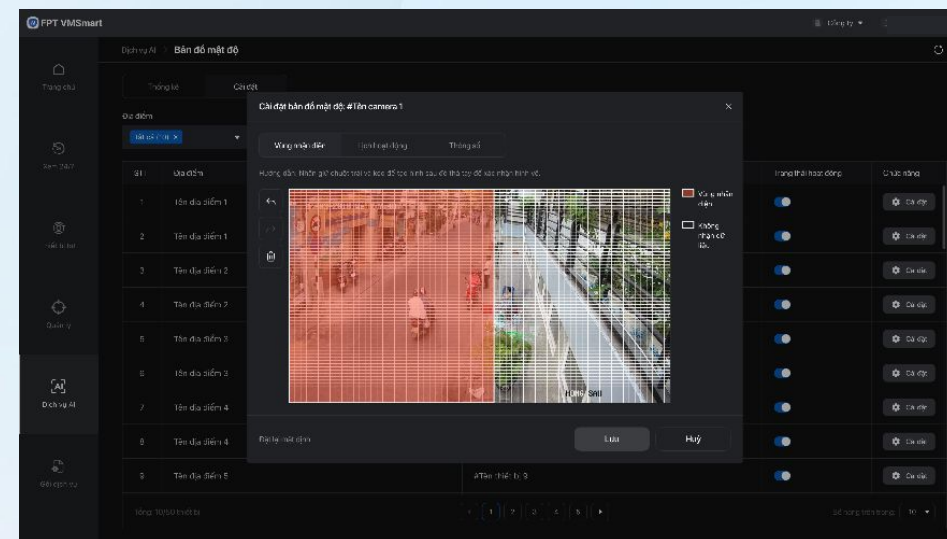
Bản đồ mật độ

Cài đặt - Vùng nhận diện

B1: Tùy chỉnh loại nhận diện
Nhấn vào nút **Cài đặt** để chỉnh sửa



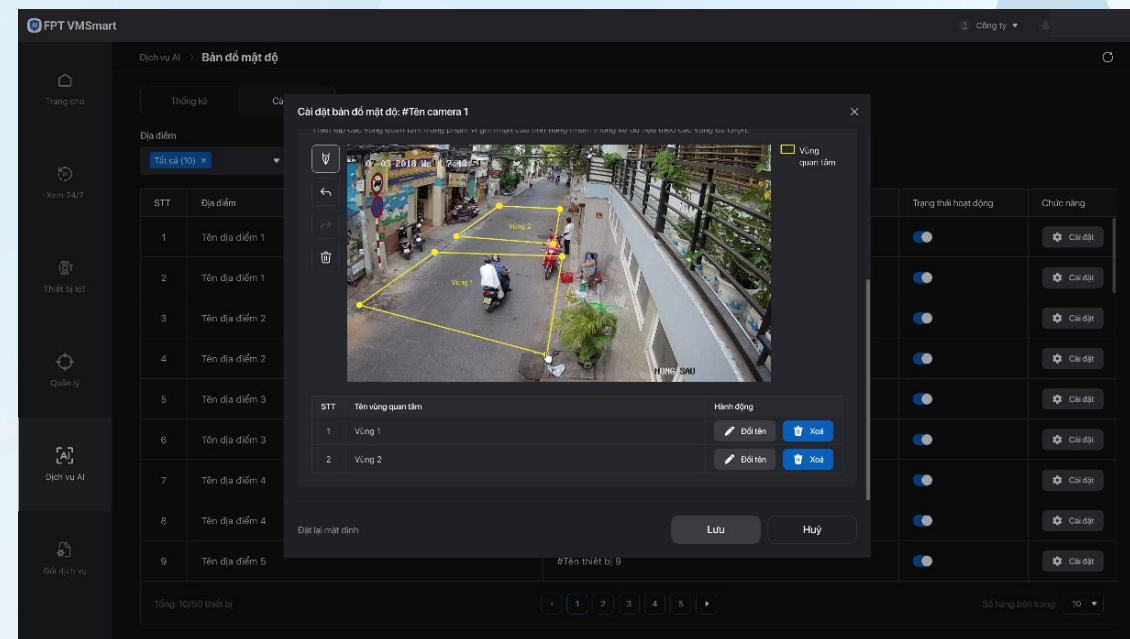
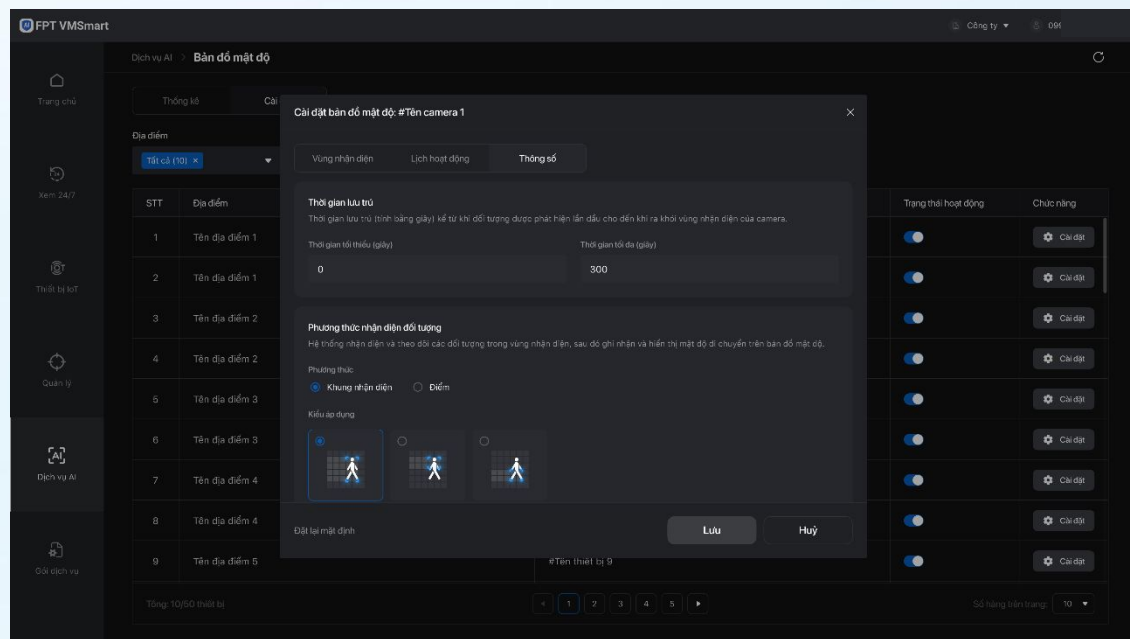
B2.1: Tô đồ các Vùng nhận diện để bắt đầu nhận diện



B2.2 : Thiết lập các thông số sau:

- **Thời gian lưu trữ** (Tùy theo nhu cầu của bạn)
- **Phương thức nhận diện đối tượng** (Tùy theo nhu cầu của bạn)
- **Vùng quan tâm**

Sau đó nhấn **Xác nhận** để tạo biểu đồ.

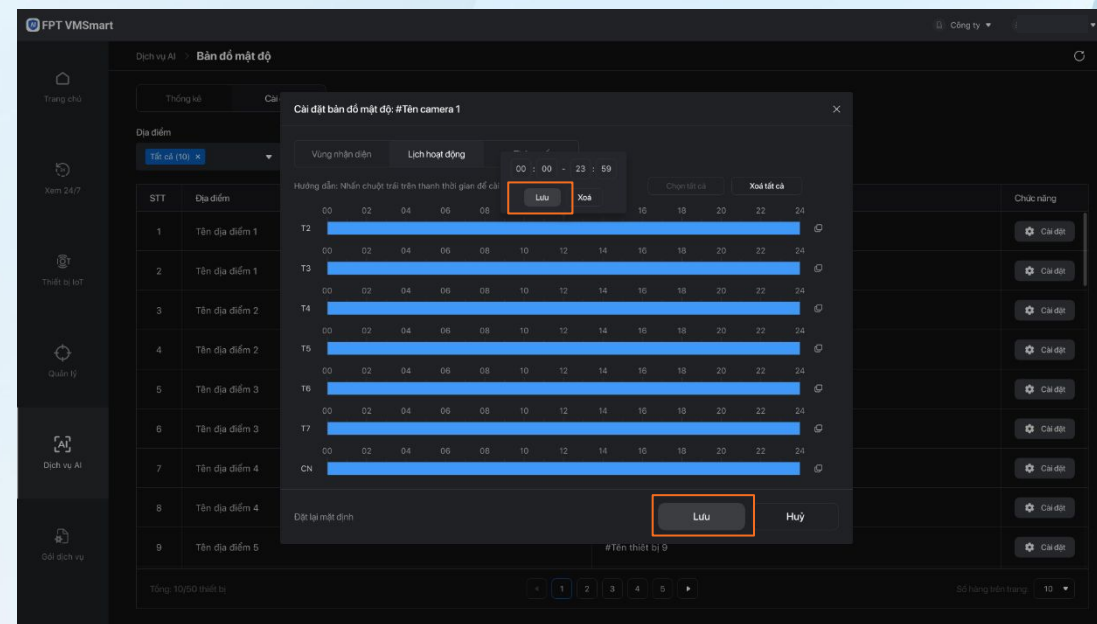
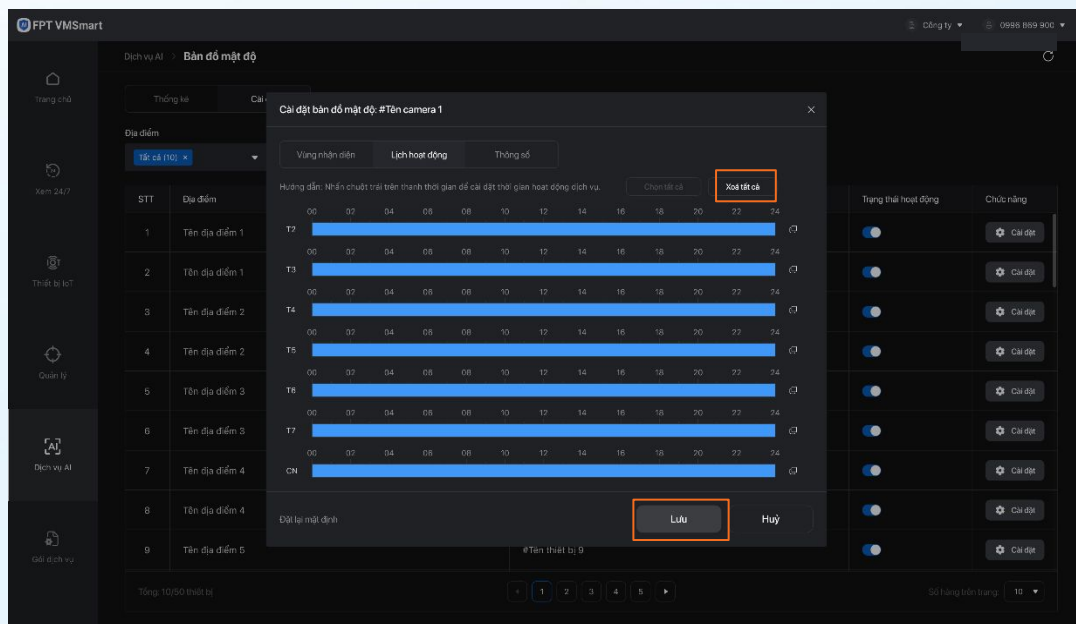


Bản đồ mật độ

Cài đặt- Lịch hoạt động

Bạn có thể **Xóa tất cả dữ liệu** và nhấn **Lưu**

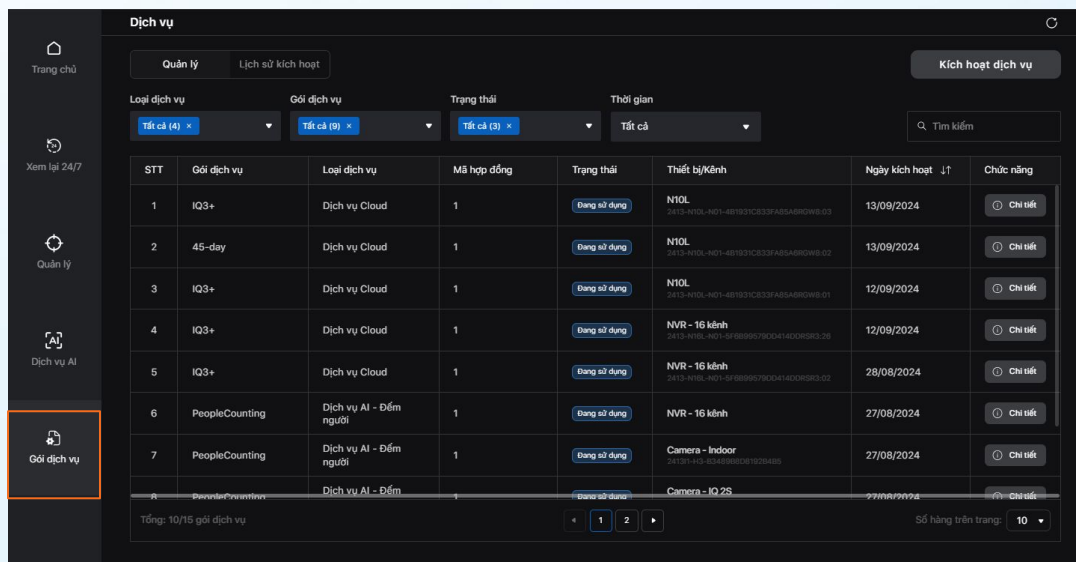
Bạn cũng có thể lưu dữ liệu theo từng khung giờ cụ thể và nhấn **Lưu**



8. Hướng dẫn kích hoạt Gói dịch vụ

B1: Truy cập mục **Gói dịch vụ**

B2: Nhấn vào **Kích hoạt dịch vụ**



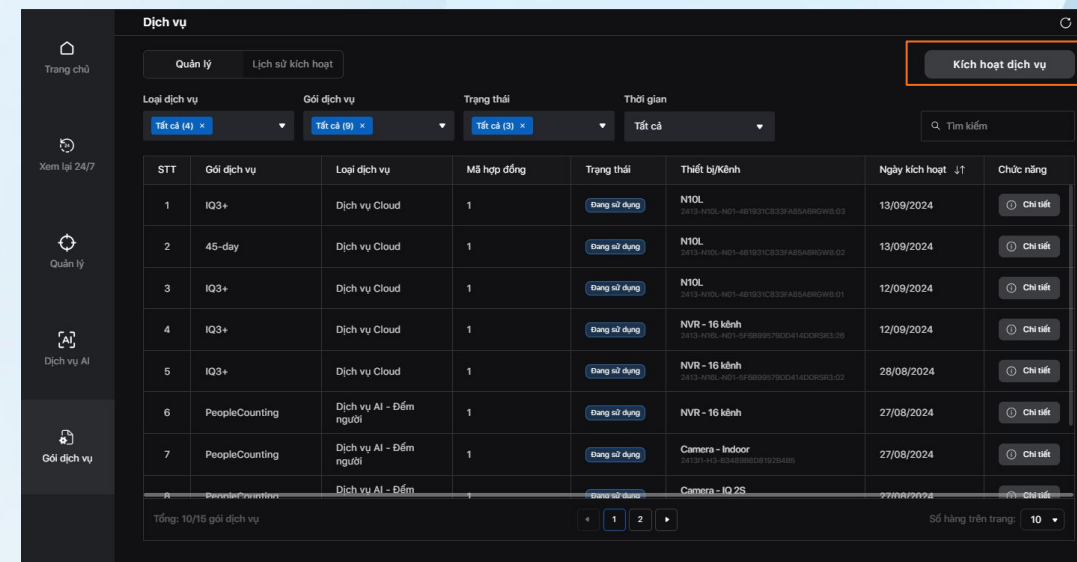
Dịch vụ

Quản lý Lịch sử kích hoạt **Kích hoạt dịch vụ**

Loại dịch vụ: Tất cả (4) x Gói dịch vụ: Tất cả (9) x Trạng thái: Tất cả (3) x Thời gian: Tất cả x Tìm kiếm

STT	Gói dịch vụ	Loại dịch vụ	Mã hợp đồng	Trạng thái	Thiết bị/Kính	Ngày kích hoạt	Chức năng
1	IQ3+	Dịch vụ Cloud	1	Đang sử dụng	N10L 2413-N10L-N01-4B1931C833FA5A8B0WB-03	13/09/2024	Chi tiết
2	45-day	Dịch vụ Cloud	1	Đang sử dụng	N10L 2413-N10L-N01-4B1931C833FA5A8B0WB-02	13/09/2024	Chi tiết
3	IQ3+	Dịch vụ Cloud	1	Đang sử dụng	N10L 2413-N10L-N01-4B1931C833FA5A8B0WB-01	12/09/2024	Chi tiết
4	IQ3+	Dịch vụ Cloud	1	Đang sử dụng	NVR - 16 kênh 2413-N10L-N01-5F1B8995790D414DC09B3-26	12/09/2024	Chi tiết
5	IQ3+	Dịch vụ Cloud	1	Đang sử dụng	NVR - 16 kênh 2413-N10L-N01-5F1B8995790D414DC09B3-02	28/08/2024	Chi tiết
6	PeopleCounting	Dịch vụ AI - Đếm người	1	Đang sử dụng	NVR - 16 kênh	27/08/2024	Chi tiết
7	PeopleCounting	Dịch vụ AI - Đếm người	1	Đang sử dụng	Camera - Indoor 2413-N10L-N01-5F1B8995790D414DC09B3-08	27/08/2024	Chi tiết
8	PeopleCounting	Dịch vụ AI - Đếm người	1	Đang sử dụng	Camera - IQ 2S	27/08/2024	Chi tiết

Tổng: 10/15 gói dịch vụ Số hàng trên trang: 10



Dịch vụ

Quản lý Lịch sử kích hoạt **Kích hoạt dịch vụ**

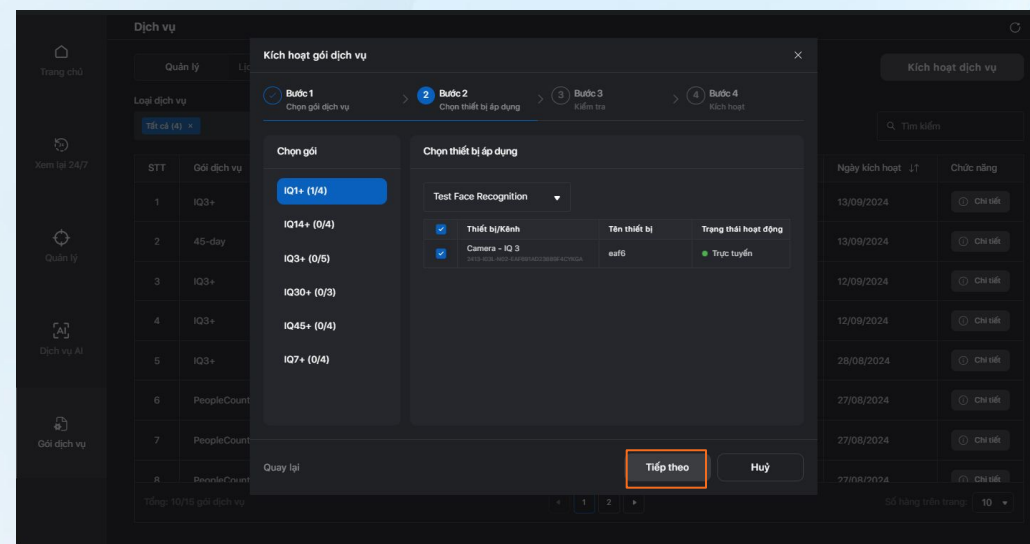
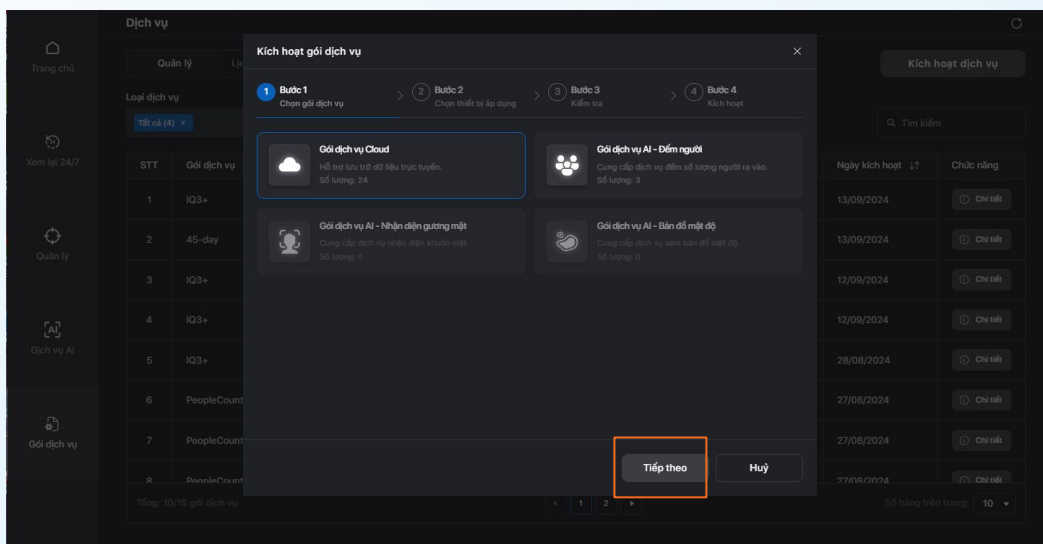
Loại dịch vụ: Tất cả (4) x Gói dịch vụ: Tất cả (9) x Trạng thái: Tất cả (3) x Thời gian: Tất cả x Tìm kiếm

STT	Gói dịch vụ	Loại dịch vụ	Mã hợp đồng	Trạng thái	Thiết bị/Kính	Ngày kích hoạt	Chức năng
1	IQ3+	Dịch vụ Cloud	1	Đang sử dụng	N10L 2413-N10L-N01-4B1931C833FA5A8B0WB-03	13/09/2024	Chi tiết
2	45-day	Dịch vụ Cloud	1	Đang sử dụng	N10L 2413-N10L-N01-4B1931C833FA5A8B0WB-02	13/09/2024	Chi tiết
3	IQ3+	Dịch vụ Cloud	1	Đang sử dụng	N10L 2413-N10L-N01-4B1931C833FA5A8B0WB-01	12/09/2024	Chi tiết
4	IQ3+	Dịch vụ Cloud	1	Đang sử dụng	NVR - 16 kênh 2413-N10L-N01-5F1B8995790D414DC09B3-26	12/09/2024	Chi tiết
5	IQ3+	Dịch vụ Cloud	1	Đang sử dụng	NVR - 16 kênh 2413-N10L-N01-5F1B8995790D414DC09B3-02	28/08/2024	Chi tiết
6	PeopleCounting	Dịch vụ AI - Đếm người	1	Đang sử dụng	NVR - 16 kênh	27/08/2024	Chi tiết
7	PeopleCounting	Dịch vụ AI - Đếm người	1	Đang sử dụng	Camera - Indoor 2413-N10L-N01-5F1B8995790D414DC09B3-08	27/08/2024	Chi tiết
8	PeopleCounting	Dịch vụ AI - Đếm người	1	Đang sử dụng	Camera - IQ 2S	27/08/2024	Chi tiết

Tổng: 10/15 gói dịch vụ Số hàng trên trang: 10

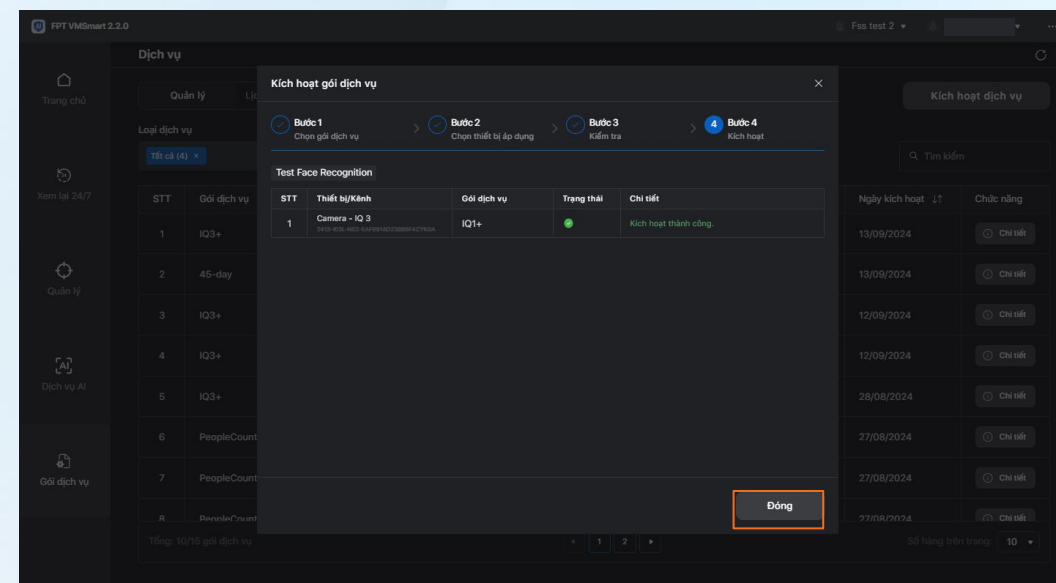
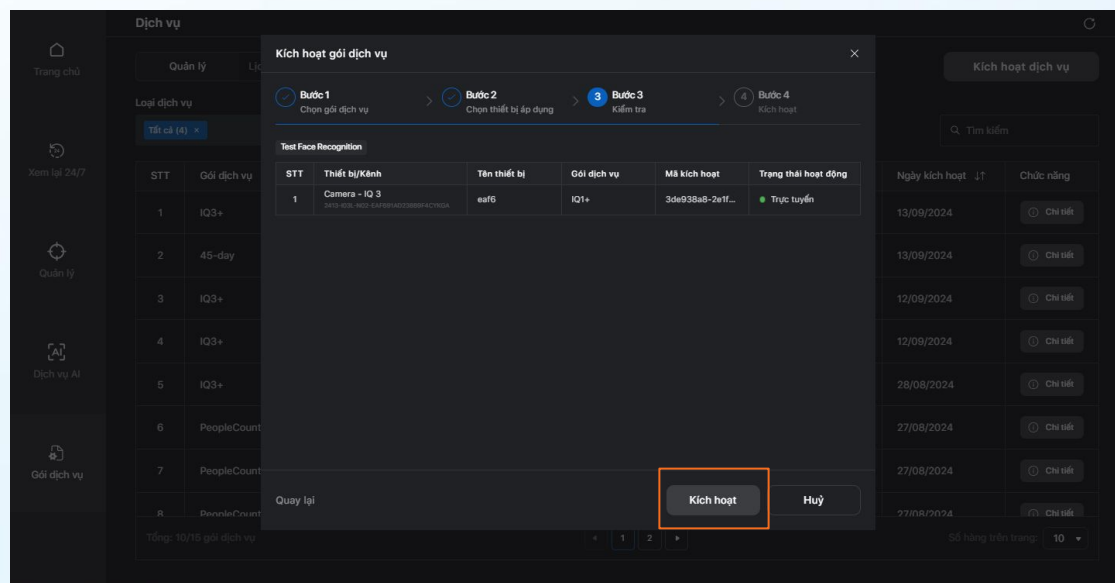
B3: Lựa chọn **Gói dịch vụ** phù hợp và nhấn nút **Tiếp theo**

B4: Lựa chọn thiết bị và nhấn nút **Tiếp theo**



B5: Kiểm tra lại thông tin và nhấn nút **Kích hoạt**

B6: Hệ thống đã kích hoạt Gói dịch vụ, kiểm tra lại và nhấn nút **Đóng**



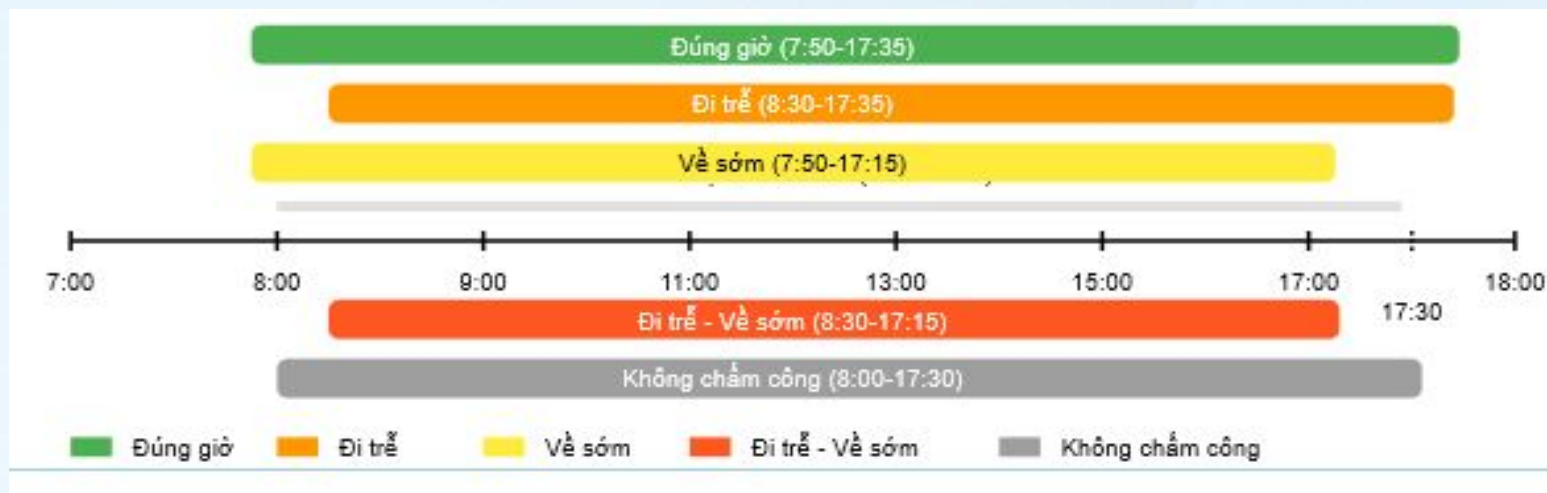
9. Hướng dẫn sử dụng Giải pháp chấm công

Hệ thống chấm công áp dụng nguyên tắc **“first-in” và “last-out”** để xác định thời gian làm việc của khuôn mặt.

- **Đúng giờ:** Khuôn mặt có dữ liệu chấm công vào không muộn hơn giờ bắt đầu và chấm công ra không sớm hơn giờ kết thúc.
 - **Đi trễ:** Khuôn mặt có dữ liệu chấm công vào muộn hơn giờ bắt đầu và chấm công ra không sớm hơn giờ kết thúc.
 - **Về sớm:** Khuôn mặt có dữ liệu chấm công vào không muộn hơn giờ bắt đầu và chấm công ra sớm hơn giờ kết thúc.
 - **Đi trễ – Về sớm:** Khuôn mặt có dữ liệu chấm công vào muộn hơn giờ bắt đầu và chấm công ra sớm hơn giờ kết thúc.
- Không chấm công:** Không có dữ liệu chấm công vào và không có dữ liệu chấm công ra.

Các trường hợp ngoại lệ chỉ ghi nhận 1 record

- Nếu thời gian ghi nhận sớm hơn thời gian bắt đầu làm việc → **Phân loại: Về sớm**
- Nếu thời gian ghi nhận trong khoảng thời gian làm việc → **Phân loại: Đi trễ – về sớm**
- Nếu thời gian ghi nhận sau thời gian kết thúc làm việc → **Phân loại: Đi trễ**

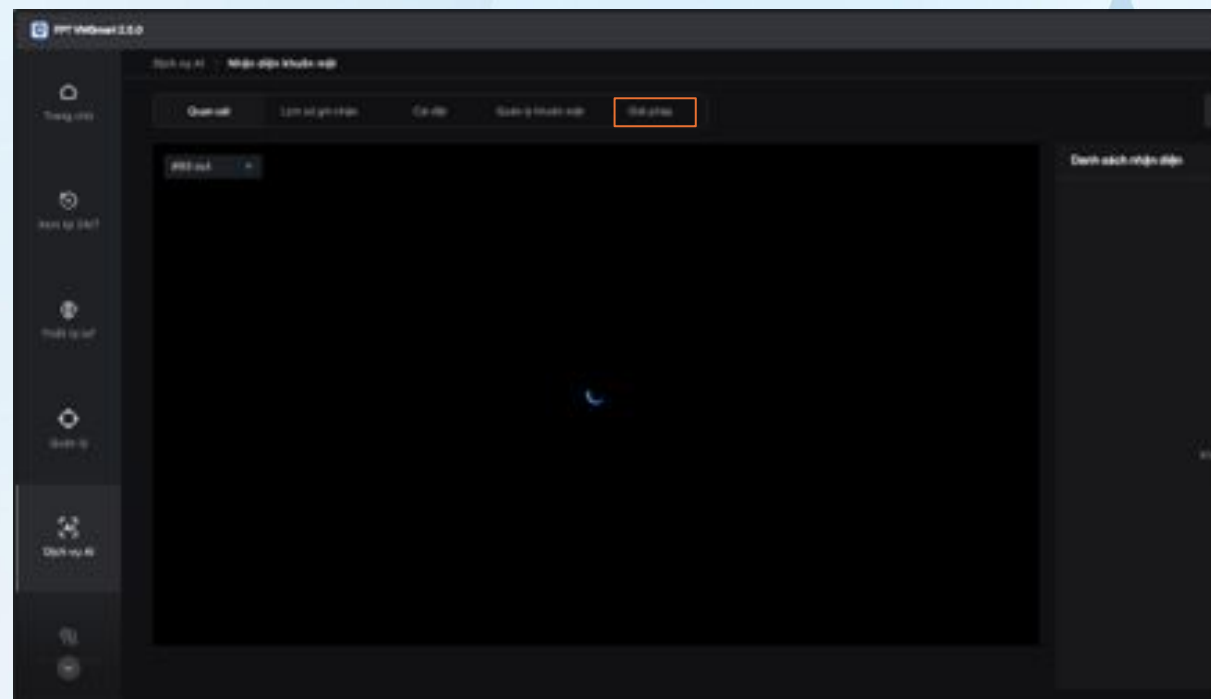
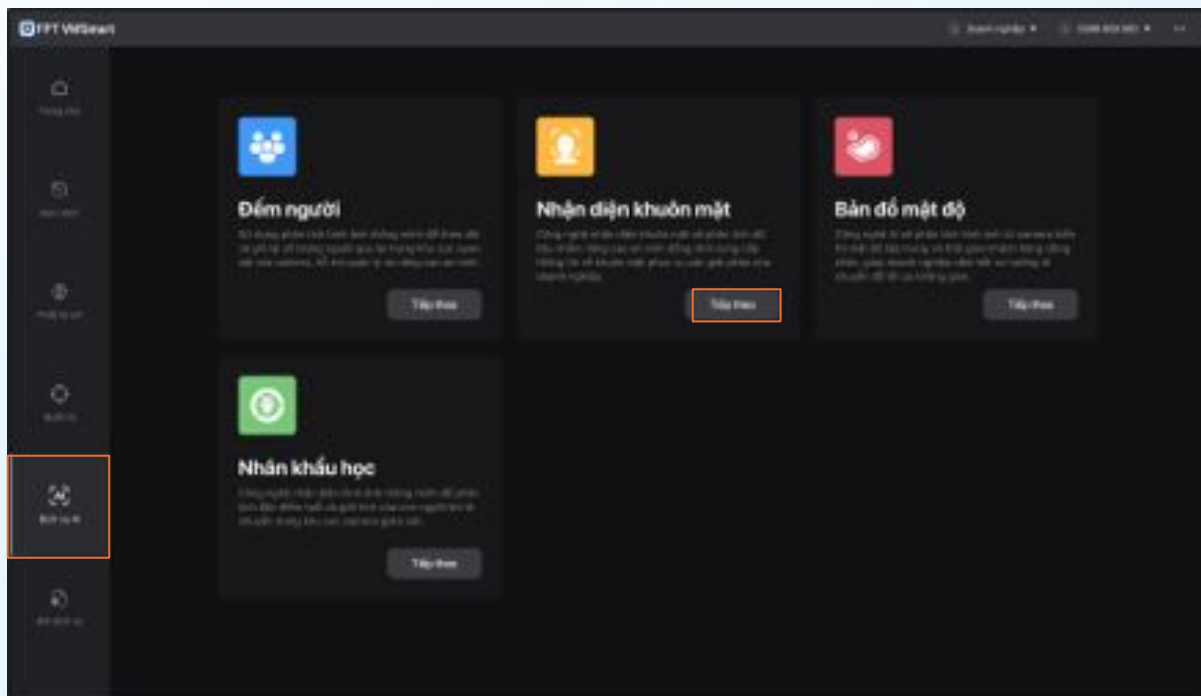


Giải pháp – Chấm công

Báo cáo tổng quan - Xem báo cáo tổng quan

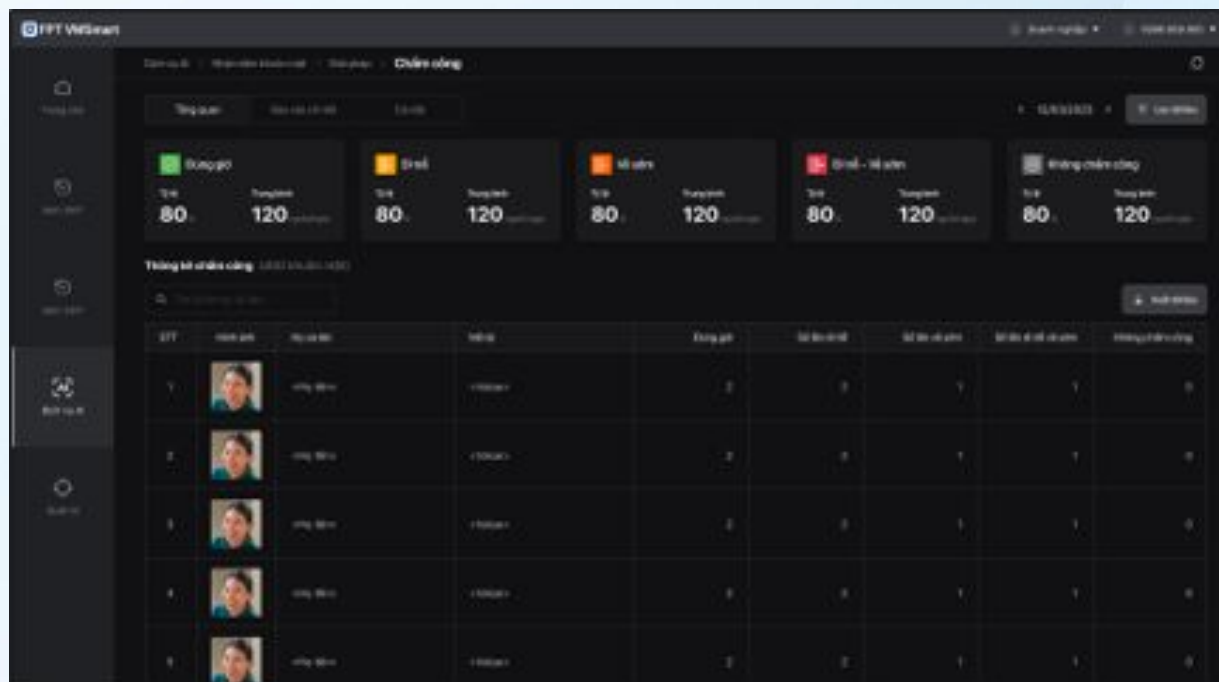
B1: Trong mục **Dịch vụ AI**, nhấn nút **Tiếp theo** tại **Nhận diện gương mặt**.

B2: Trong **Nhận diện gương mặt**, chọn tab **Giải pháp** để truy cập dịch vụ **Chấm công**.



Lưu ý: Chỉ có quyền Owner, Administrator, Technician mới có quyền thao tác.
Để tính năng Chấm công hoạt động cần thực hiện cài đặt thời gian chấm công trước.

B3: Mặc định chọn Tab tổng quan.
Hiển thị màn hình báo cáo tổng quan.

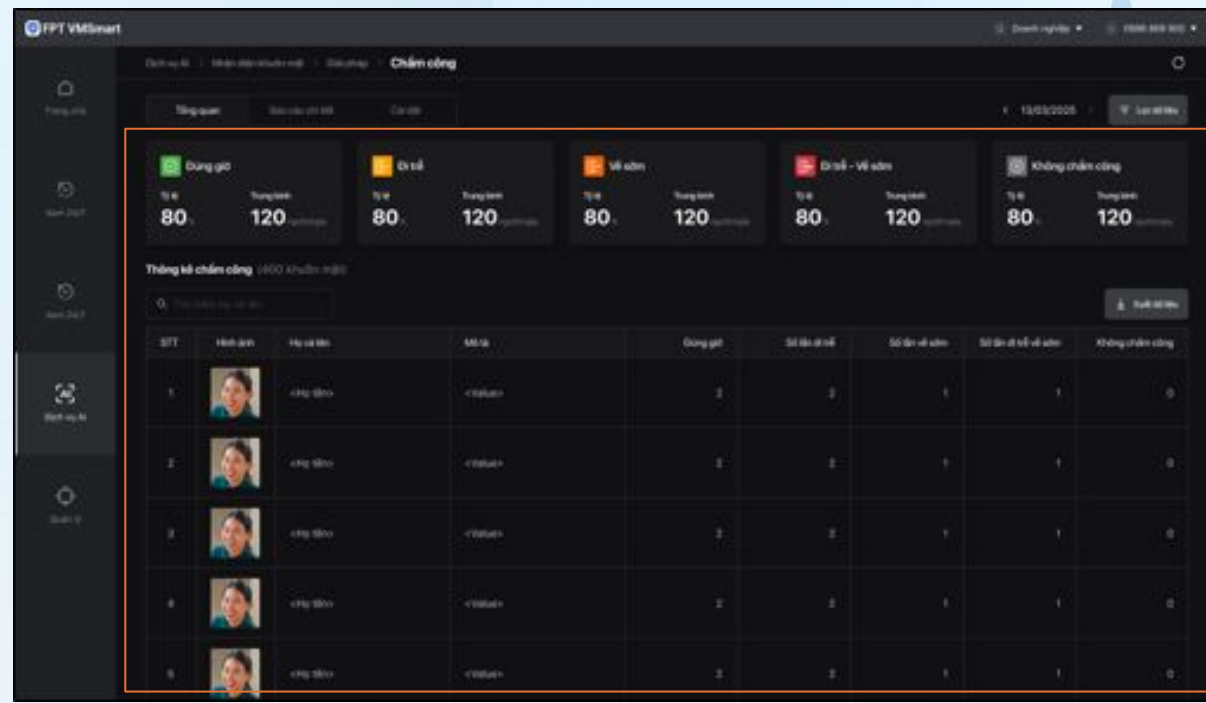
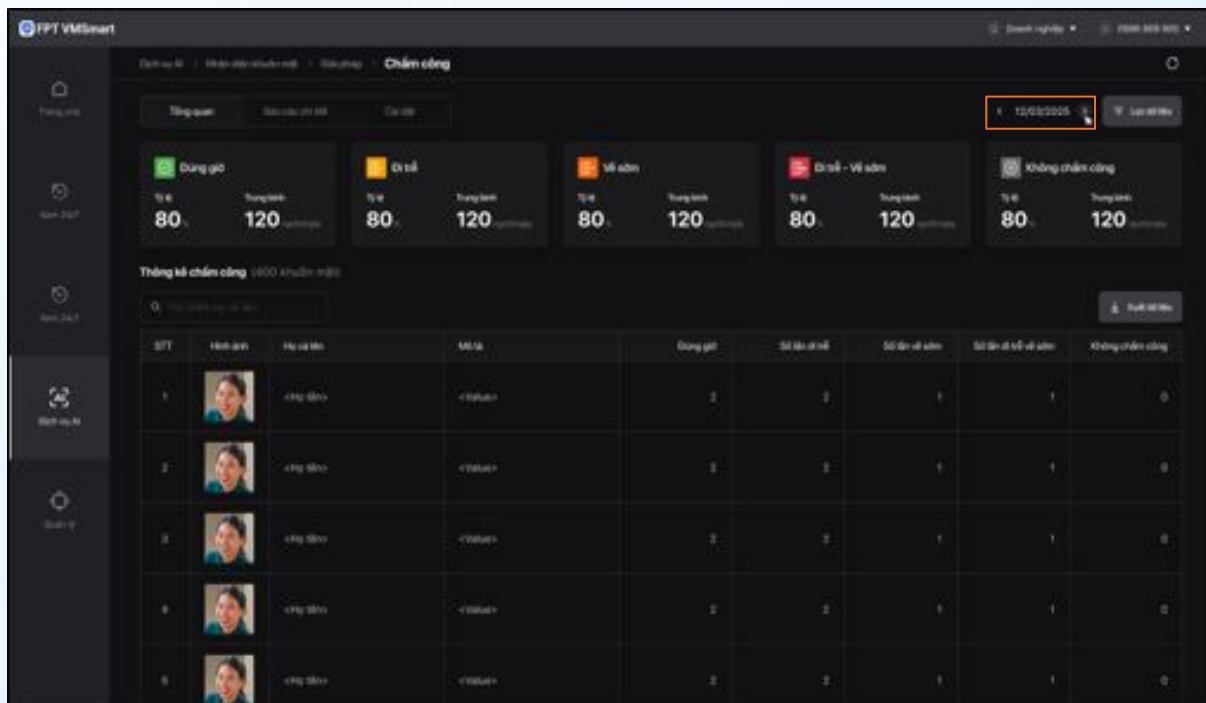


Giải pháp – Chấm công

Báo cáo tổng quan - Thay đổi thời gian

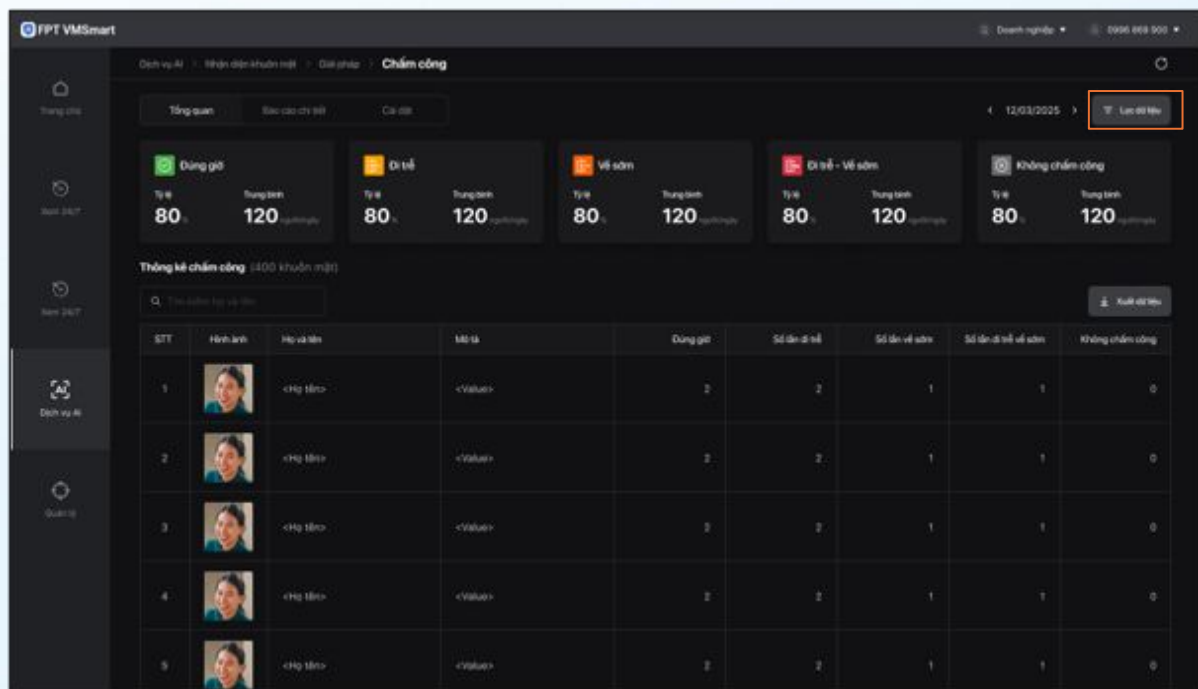
B1: Nhấn mũi tên > hoặc < bên cạnh ô hiển thị thời gian

B2: Hiển thị dữ liệu Báo cáo tổng quan theo thời gian đã thay



B1: Nhấn nút lọc dữ liệu

B2: Thay đổi các điều kiện lọc trong sidebar **Bộ lọc**
B3: Nhấn nút **Áp dụng**. Dữ liệu trong **Báo cáo tổng quan** sẽ cập nhật theo các điều kiện lọc được áp dụng.



FPT VMSmart | Dịch vụ AI | Nhận diện khuôn mặt | Giải pháp | Chấm công

Tổng quan | Báo cáo chi tiết | Cài đặt

12/03/2025 | **Lọc dữ liệu**

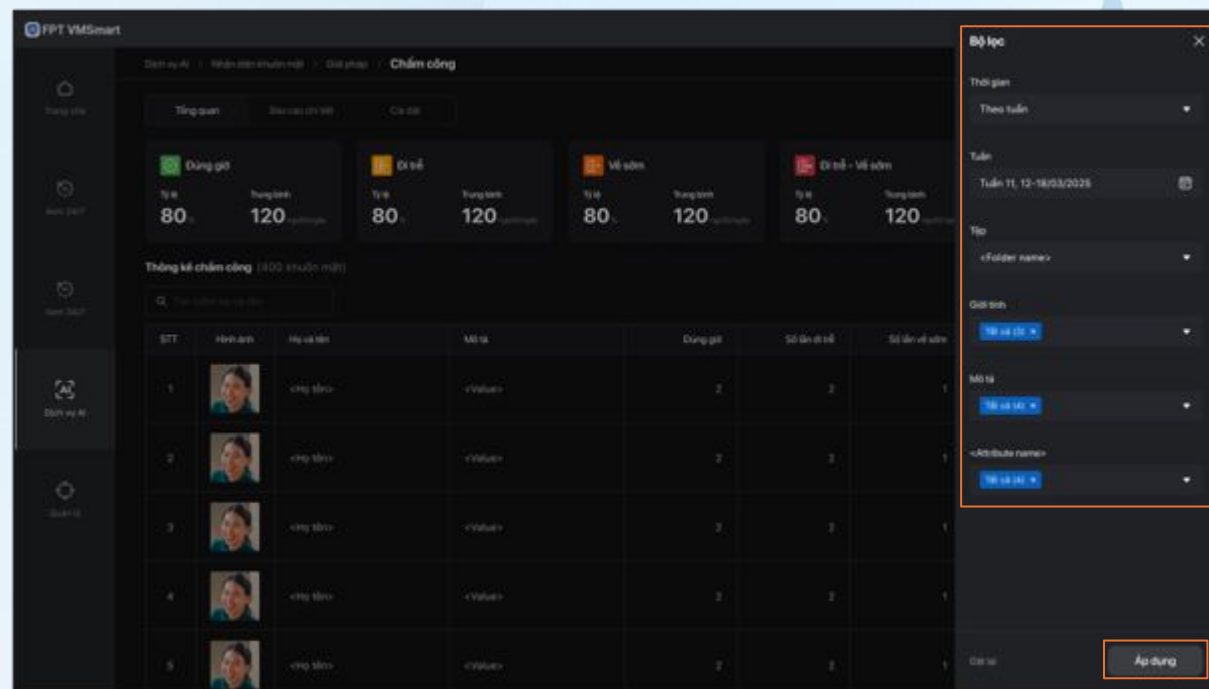
Đúng giờ Tỷ lệ: 80% Trung bình: 120 người/ngày
Đi trễ Tỷ lệ: 80% Trung bình: 120 người/ngày
Về sớm Tỷ lệ: 80% Trung bình: 120 người/ngày
Đi trễ - Về sớm Tỷ lệ: 80% Trung bình: 120 người/ngày
Không chấm công Tỷ lệ: 80% Trung bình: 120 người/ngày

Thông kê chấm công (400 khuôn mặt)

Thay đổi họ và tên

STT	Hình ảnh	Họ và tên	Mô tả	Đúng giờ	Số lần đi trễ	Số lần về sớm	Số lần đi trễ - về sớm	Không chấm công
1		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0
2		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0
3		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0
4		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0
5		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0

Kiểm tra lỗi



FPT VMSmart | Dịch vụ AI | Nhận diện khuôn mặt | Giải pháp | Chấm công

Tổng quan | Báo cáo chi tiết | Cài đặt

12/03/2025

Bộ lọc

Thời gian: Theo tuần

Tuần: Tuần 11, 12-18/03/2025

Tipo: <Folder name>

Giải trình: **Hiển thị 10**

Mô tả: **Hiển thị 10**

Attribut name: **Hiển thị 10**

Cài đặt

Áp dụng

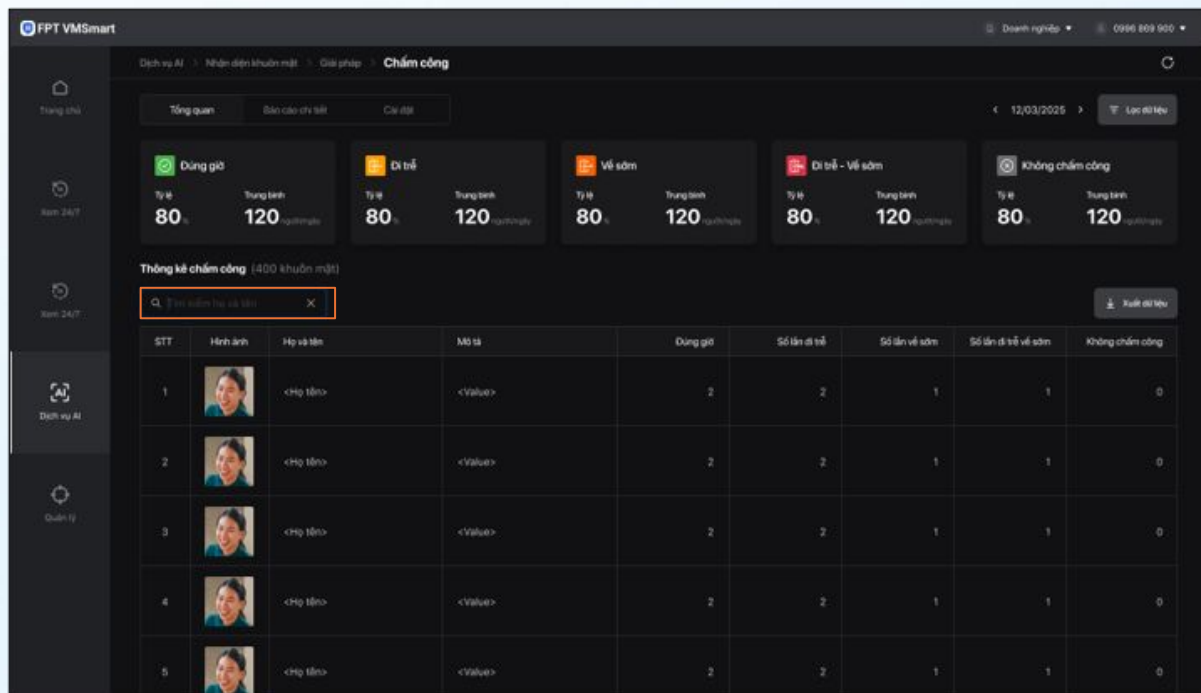
Thông kê chấm công (400 khuôn mặt)

Thay đổi họ và tên

STT	Hình ảnh	Họ và tên	Mô tả	Đúng giờ	Số lần đi trễ	Số lần về sớm	Số lần đi trễ - về sớm	Không chấm công
1		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0
2		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0
3		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0
4		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0
5		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0

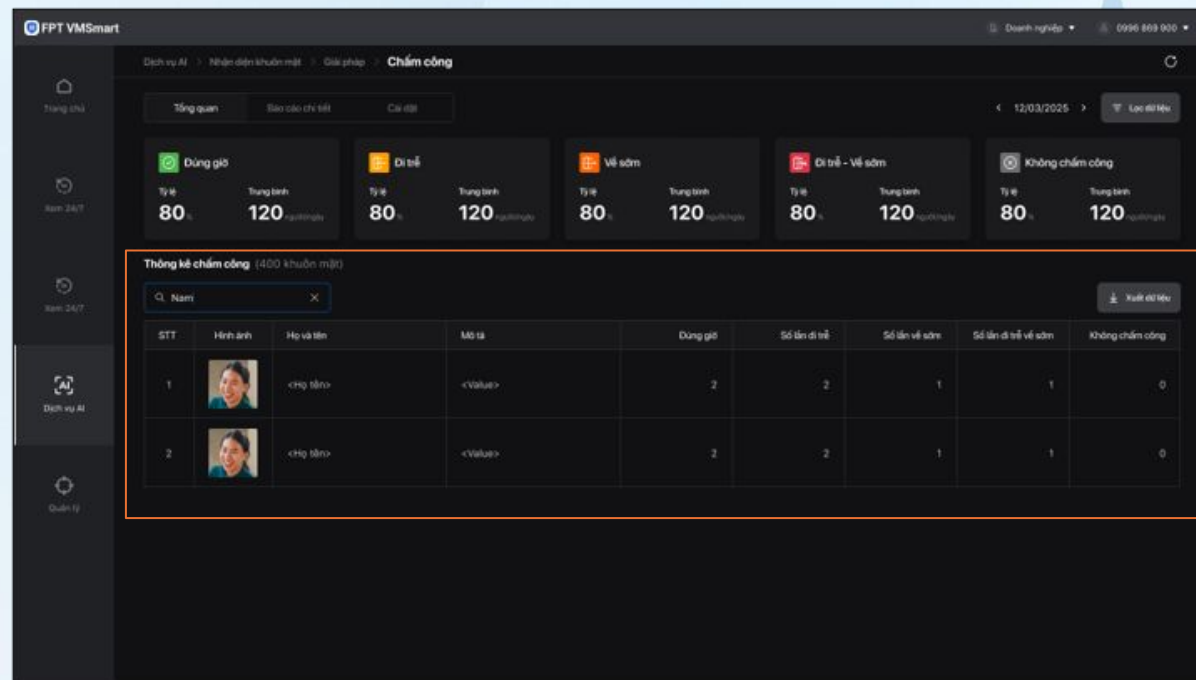
B1: Nhấn **Thanh tìm kiếm**

B2: Nhập từ khóa **Họ** và tên cần tìm kiếm
Dữ liệu cập nhật kết quả khớp với từ khóa đã nhập.



The screenshot shows the FPT VMSmart interface. At the top, there are tabs for "Tổng quan", "Báo cáo chi tiết", and "Cài đặt". Below these are five summary cards for "Đúng giờ", "Đi trễ", "Về sớm", "Đi trễ - Về sớm", and "Không chấm công". Each card displays a percentage and an average value. Below the summary cards is a section titled "Thông kê chấm công (400 khuôn mặt)" with a search bar containing the text "Tìm kiếm họ và tên". The search bar is highlighted with a red box. Below the search bar is a table with columns: STT, Hình ảnh, Họ và tên, Mô tả, Đúng giờ, Số lần đi trễ, Số lần về sớm, Số lần đi trễ về sớm, and Không chấm công. The table contains five rows of data.

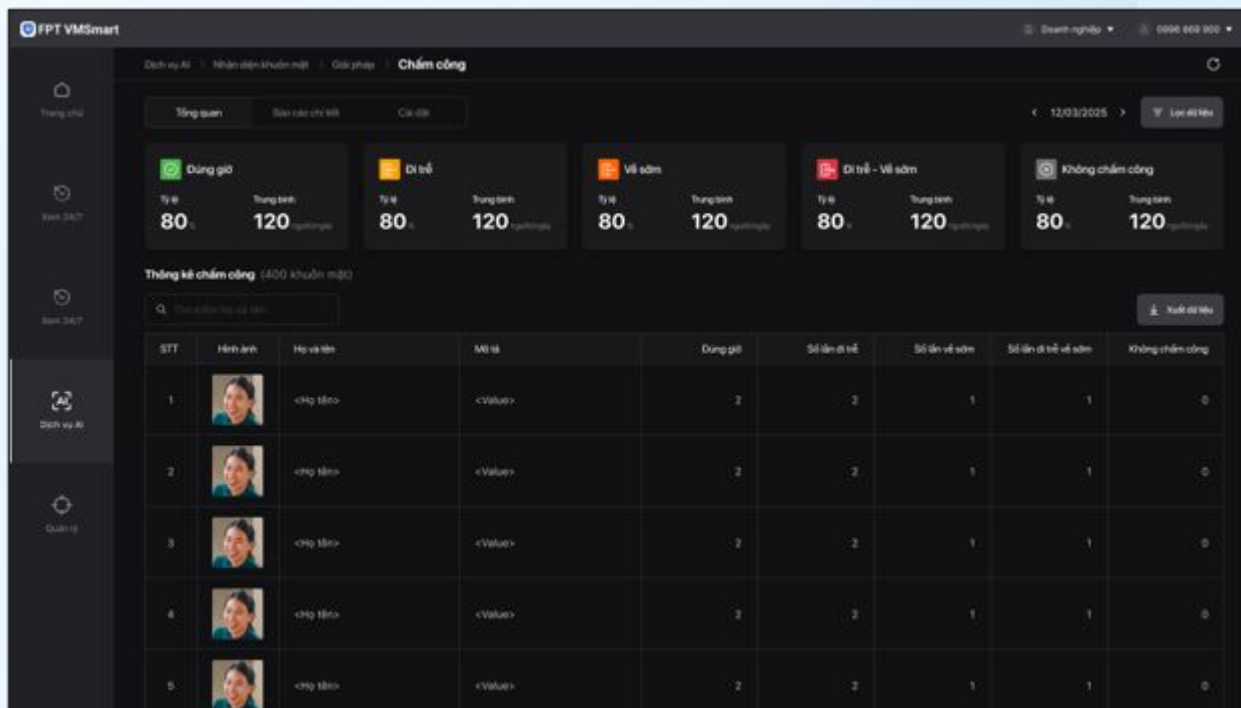
STT	Hình ảnh	Họ và tên	Mô tả	Đúng giờ	Số lần đi trễ	Số lần về sớm	Số lần đi trễ về sớm	Không chấm công
1		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0
2		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0
3		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0
4		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0
5		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0



The screenshot shows the same FPT VMSmart interface as the previous one, but with the search results table highlighted by a red box. The search bar now contains the text "Nam". The table displays two rows of data.

STT	Hình ảnh	Họ và tên	Mô tả	Đúng giờ	Số lần đi trễ	Số lần về sớm	Số lần đi trễ về sớm	Không chấm công
1		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0
2		<Họ tên>	<Value>	2	2	1	1	0

B1: Nhấn nút Xuất dữ liệu để bắt đầu tải xuống file dữ liệu

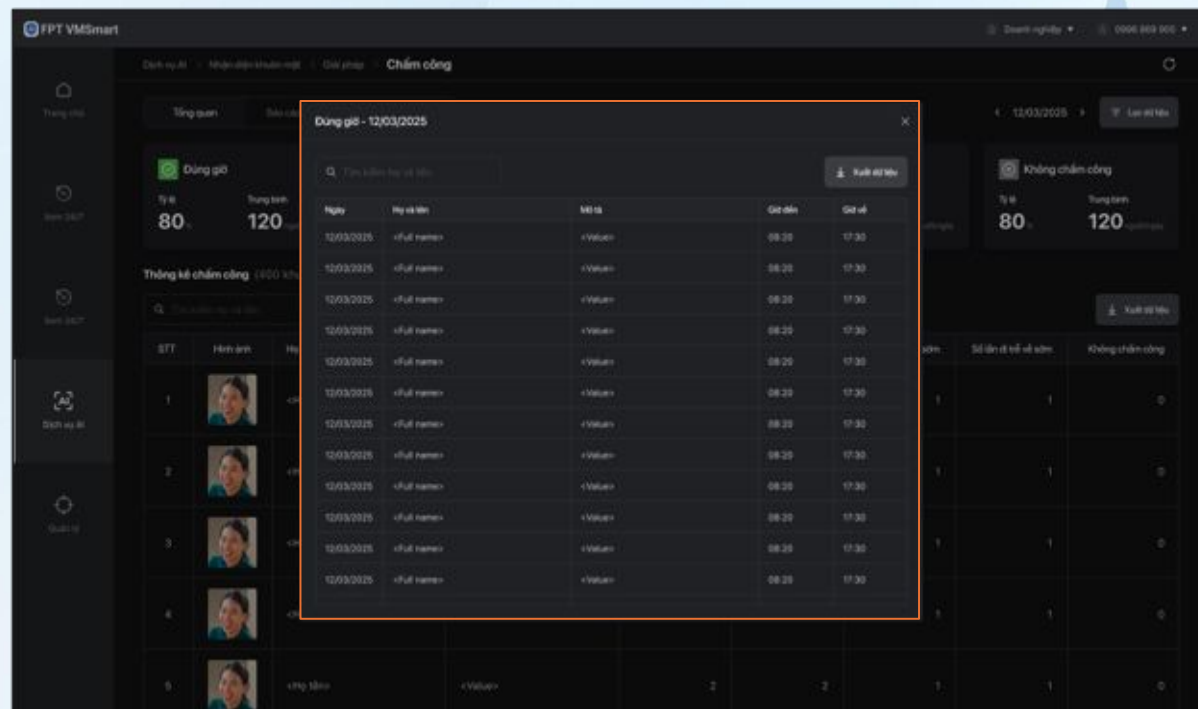
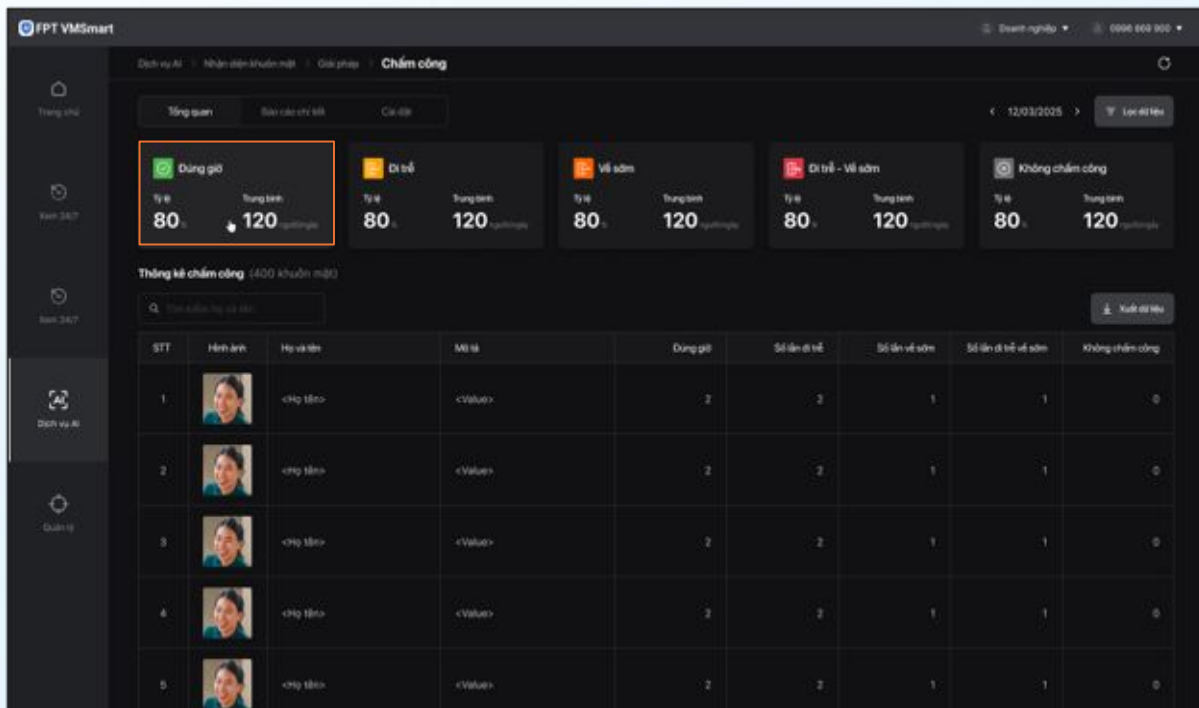


Giải pháp – Chấm công

[Dữ liệu thống kê chi tiết - Xem danh sách dữ liệu thống kê](#)

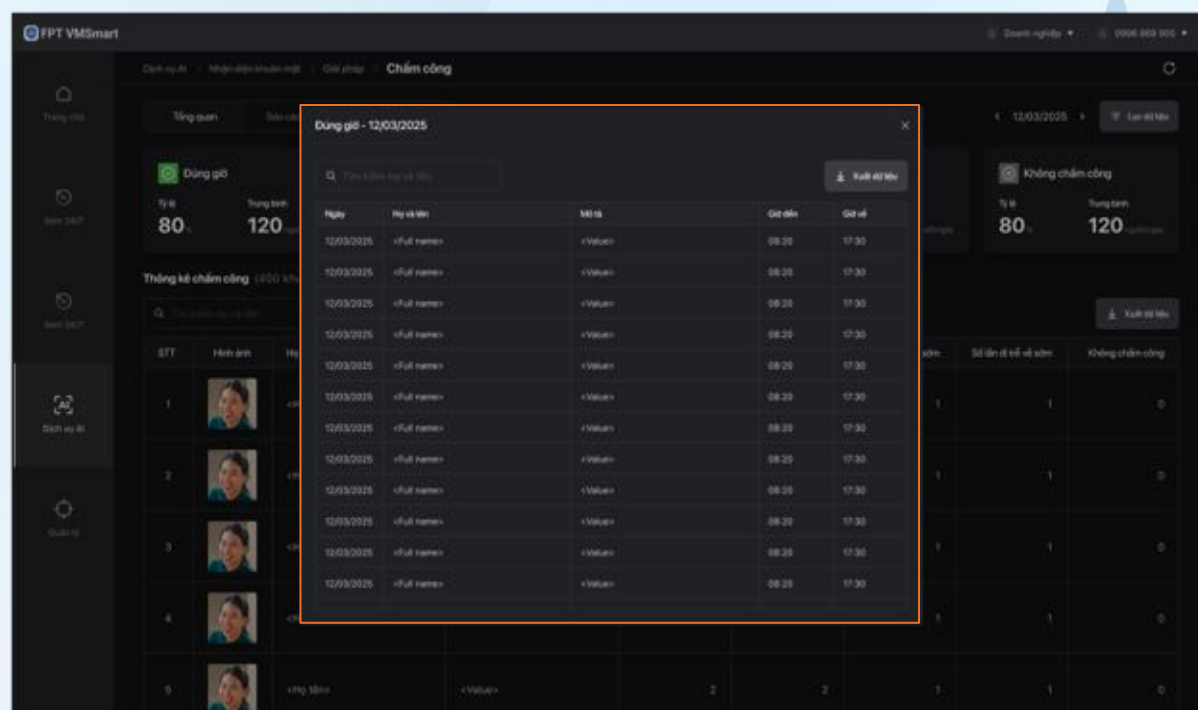
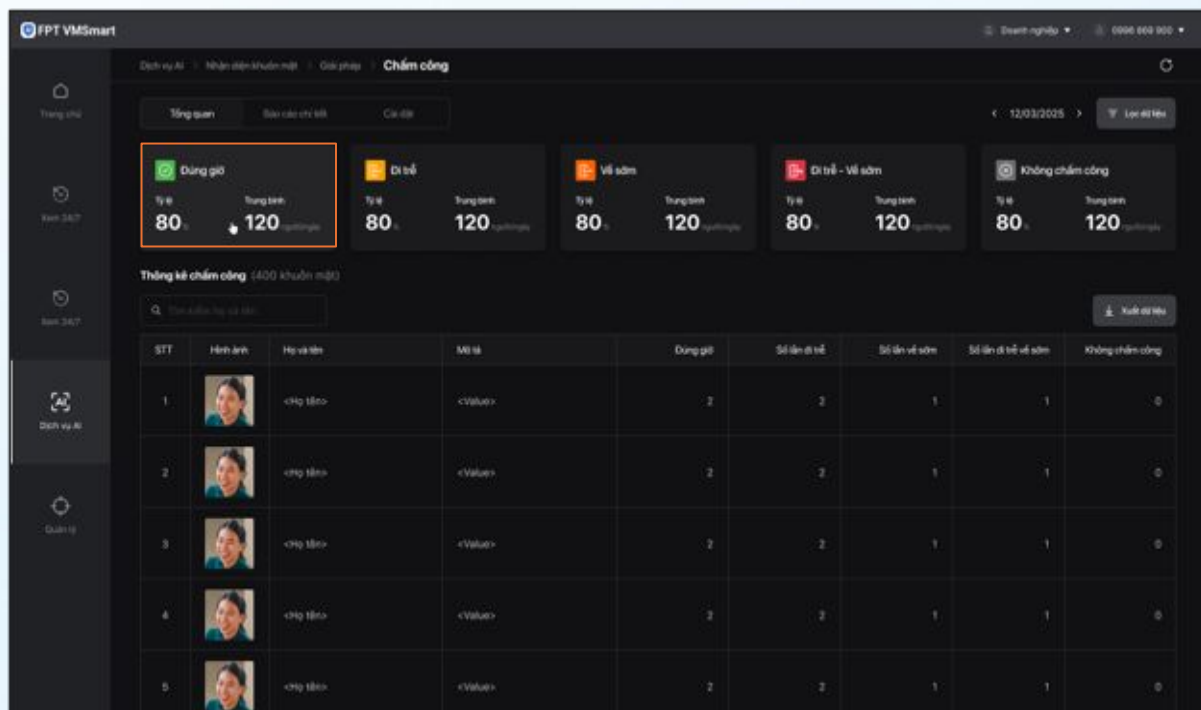
B1: Nhấn một ô **Thống kê** để mở dữ liệu chi tiết

B2: Hiển thị cửa sổ Dữ liệu chi tiết của một ô Thống kê

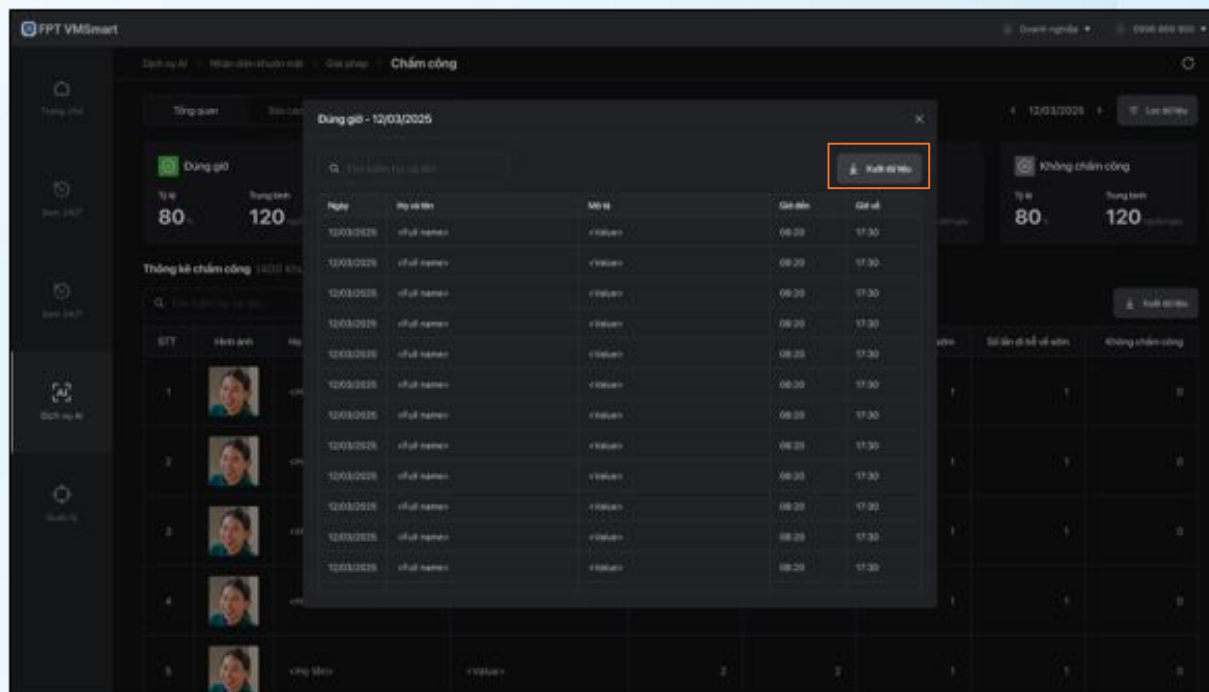


B1: Nhấn thanh **Tìm kiếm**

B2: Nhập từ khóa Họ và tên cần tìm kiếm
Dữ liệu cập nhật kết quả khớp với từ khóa đã nhập.



B1: Nhấn nút Xuất dữ liệu để bắt đầu tải xuống file dữ liệu



B1: Trong mục **Chăm công**, chọn tab **Báo cáo chi tiết**

B2: Hiển thị màn hình Báo cáo chi tiết

The screenshot displays the FPT VMSmart interface. At the top, there's a navigation bar with 'Dịch vụ AI', 'Phân tích khuôn mặt', 'Giải pháp', and 'Chăm công'. Below this, a sidebar on the left contains icons for 'Tổng quan', 'Xem 24/7', and 'Quản lý'. The main content area features a dashboard with five summary cards: 'Đang gọi' (80 Tỷ lệ, 120 Trung bình), 'Đi trễ' (80 Tỷ lệ, 120 Trung bình), 'Vé sớm' (80 Tỷ lệ, 120 Trung bình), 'Đi trễ - Vé sớm' (80 Tỷ lệ, 120 Trung bình), and 'Không chấm công' (80 Tỷ lệ, 120 Trung bình). Below these cards is a section titled 'Thống kê chấm công (400 khuôn mặt)' with a search bar and a 'Xuất biểu đồ' button. The table below shows 5 rows of data for different individuals, with columns for STT, Hình ảnh, Họ và tên, Mã tài, Dụng cụ, Số lần đi trễ, Số lần vé sớm, Số lần đi trễ vé sớm, and Không chấm công.

STT	Hình ảnh	Họ và tên	Mã tài	Dụng cụ	Số lần đi trễ	Số lần vé sớm	Số lần đi trễ vé sớm	Không chấm công
1		 	 	2	2	1	1	0
2		 	 	2	2	1	1	0
3		 	 	2	2	1	1	0
4		 	 	2	2	1	1	0
5		 	 	2	2	1	1	0

[illegible]

Giải pháp – Chấm công

Xem báo cáo chi tiết - Thay đổi thời gian

B1: Nhấn mũi tên < hoặc > bên cạnh ô hiển thị thời gian

B2: Hiện thị báo cáo chi tiết theo thời gian đã thay đổi

FPT VMSmart

Đánh ngày

09:00 09/03/2025

Dịch vụ AI

Phân định tuyến nội

Ứng dụng

Chấm công

Tổng quan

Báo cáo chi tiết

Cơ sở

🔍 Tìm kiếm

📄

Tuần 10, 05-11/03/2025

STT	Hình ảnh	Họ và tên	Mã là	Thứ giờ	T2 Thứ 2	T3 Thứ 3	T4 Thứ 4	T5 Thứ 5	T6 Thứ 6	T7 Thứ 7	CN Chủ nhật
1		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:30	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
2		<Full name>	<Value>	Giờ đến		08:00	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về		17:30	17:30	17:30	17:30		
3		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00	08:00	08:30	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
4		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
5		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:30	08:00		08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30		17:30		
6		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
7		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00	08:00	08:00	08:30		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		

FPT VMSmart

Đánh ngày: 2025-03-03 00:00

Định vị AI

Nhiệm vụ hiện tại

Ứng dụng

Chấm công

C

Trang chủ

Tổng quan

Báo cáo chi tiết

Dự định

Xuất dữ liệu

Tìm kiếm

T

< Tuần 8, 28/02-04/03/2025 >

STT	Hình ảnh	Họ và tên	Mã ID	Thời gian	T2 08:00	T3 09:00	T4 10:00	T5 11:00	T6 12:00	T7 13:00	CH 14:00
1		<Full name>	<Value>	Ghi đến	08:30	08:00	08:00	08:00	08:00		
				Ghi về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
2		<Full name>	<Value>	Ghi đến		08:00	08:00	08:00	08:00		
				Ghi về		17:30	17:30	17:30	17:30		
3		<Full name>	<Value>	Ghi đến	08:30	08:00	08:00	08:00	08:00		
				Ghi về	17:30	17:30	17:30	17:30			
4		<Full name>	<Value>	Ghi đến	08:30	08:00	08:00	08:00	08:00		
				Ghi về	17:30	17:30	17:30	17:30			
5		<Full name>	<Value>	Ghi đến	08:00	08:00	08:00	08:00	08:00		
				Ghi về	17:30	17:30	17:30	17:30			
6		<Full name>	<Value>	Ghi đến	08:00	08:00	08:00	08:00	08:00		
				Ghi về	17:30	17:30	17:30	17:30			
7		<Full name>	<Value>	Ghi đến	08:30	08:00	08:00	08:00	08:00		
				Ghi về	17:30	17:30	17:30	17:30			

Giải pháp – Chăm công

Xem báo cáo chi tiết - Lọc dữ liệu

B1: Nhấn nút **Lọc**

B2: Thay đổi các điều kiện lọc trong sidebar Bộ lọc. Nhấn nút Áp dụng. Dữ liệu trong Báo cáo chi tiết sẽ cập nhật theo các điều kiện lọc được áp dụng.

FPT VMSmart

Đăng ký | Nhập danh sách | Ứng dụng | **Chăm công**

Tổng quan Báo cáo chi tiết **Cài đặt** **Xuất dữ liệu**

Q. Tìm kiếm **L** **Tuần 10, 05-11/03/2025**

STT	Hình ảnh	Họ và tên	Mô tả	Thời gian	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
1		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:30	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
2		<Full name>	<Value>	Giờ đến		08:00	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về		17:30	17:30	17:30	17:30		
3		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00	08:00	08:30	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
4		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
5		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:30	08:00		08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30		17:30		
6		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
7		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00	08:00	08:00	08:30		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		

FPT VMSmart

Đăng ký | Nhập danh sách | Ứng dụng | **Chăm công**

Tổng quan Báo cáo chi tiết **Cài đặt** **Xuất dữ liệu**

Q. Tìm kiếm **L** **Tuần 9, 28/02-04/03/2025**

STT	Hình ảnh	Họ và tên	Mô tả	Thời gian	T2	T3
1		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:30
				Giờ về	17:30	17:30
2		<Full name>	<Value>	Giờ đến		08:00
				Giờ về		17:30
3		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00
				Giờ về	17:30	17:30
4		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00
				Giờ về	17:30	17:30
5		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:30
				Giờ về	17:30	17:30
6		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00
				Giờ về	17:30	17:30
7		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00
				Giờ về	17:30	17:30

Bộ lọc

Tuần 9, 28/02-04/03/2025

Tên
<Folder name>

Giới tính
Chọn (1)

Mô tả
Chọn (2)

<Attribute name>
Chọn (2)

Đã lọc

Áp dụng

Giải pháp – Chăm công

Xem báo cáo chi tiết - Tìm kiếm dữ liệu

B1: Nhấn thanh **Tìm kiếm**

B2: Nhập từ khóa **Họ và tên** cần tìm kiếm
Dữ liệu cập nhật kết quả khớp với từ khóa đã nhập.

FPT VMSmart

Đăng nhập | Nhận diện khuôn mặt | Ứng dụng | Chăm công

Tổng quan Báo cáo chi tiết Cài đặt Xuất dữ liệu

Q. Tìm kiếm

Tuần 10, 05-11/03/2025

STT	Hình ảnh	Họ và tên	Mức	Thời gian	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
1		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:30	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
2		<Full name>	<Value>	Giờ đến		08:00	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về		17:30	17:30	17:30	17:30		
3		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00	08:00	08:30	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
4		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
5		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:30	08:00		08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30		17:30		
6		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
7		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00	08:00	08:00	08:30		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		

FPT VMSmart

Đăng nhập | Nhận diện khuôn mặt | Ứng dụng | Chăm công

Tổng quan Báo cáo chi tiết Cài đặt Xuất dữ liệu

Q. Nam

Tuần 10, 05-11/03/2025

STT	Hình ảnh	Họ và tên	Mức	Thời gian	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
1		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:30	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		
2		<Full name>	<Value>	Giờ đến		08:00	08:00	08:00	08:00		
				Giờ về		17:30	17:30	17:30	17:30		
3		<Full name>	<Value>	Giờ đến	08:00	08:00	08:00	08:30	08:00		
				Giờ về	17:30	17:30	17:30	17:30	17:30		

Tổng 3/3 người tìm

1 2 3 4 5 10

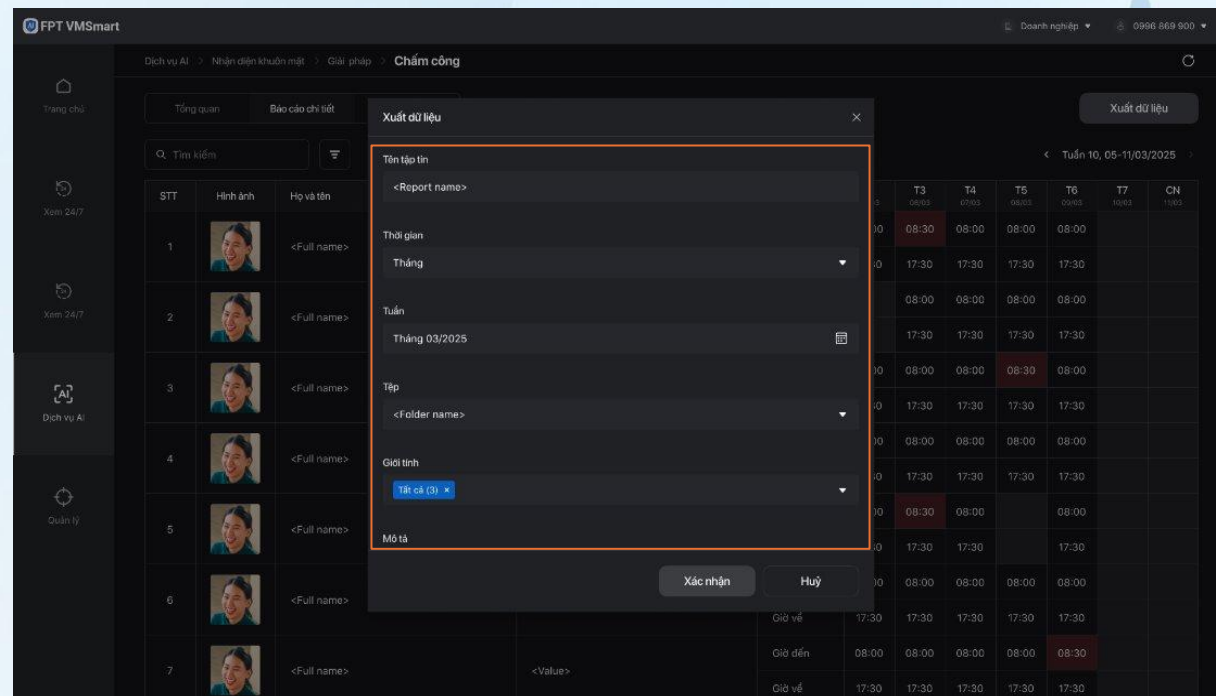
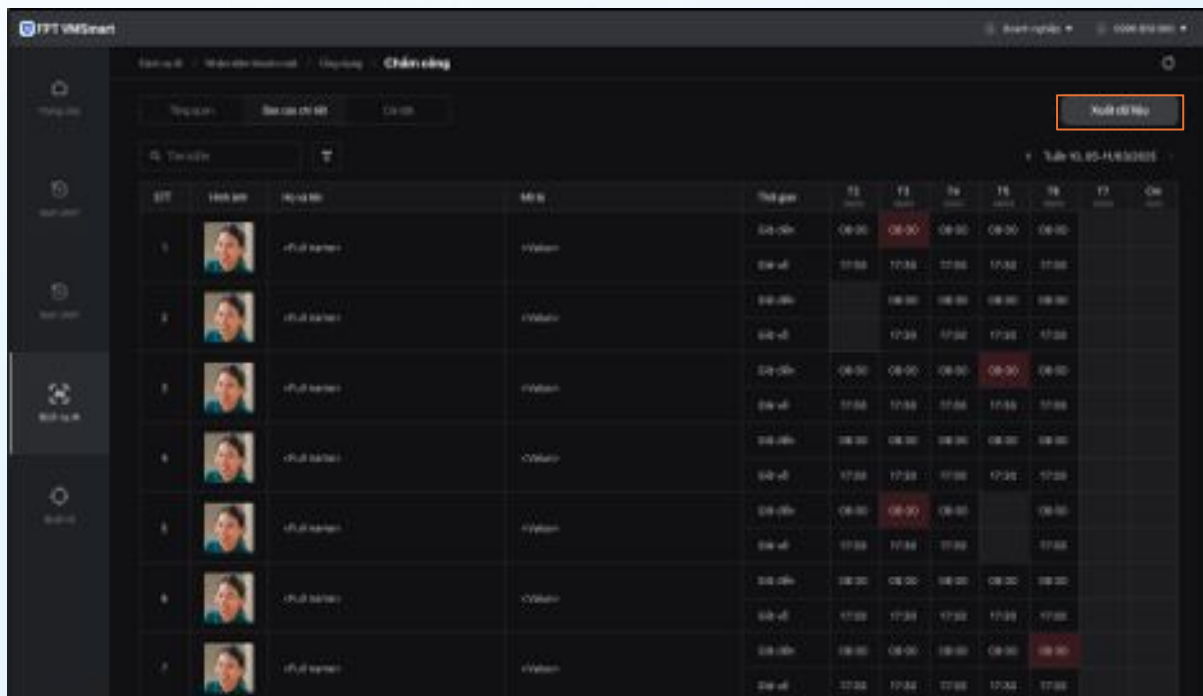
Hiển thị kết quả: 10

Giải pháp – Chăm công

Xem báo cáo chi tiết - Xuất dữ liệu

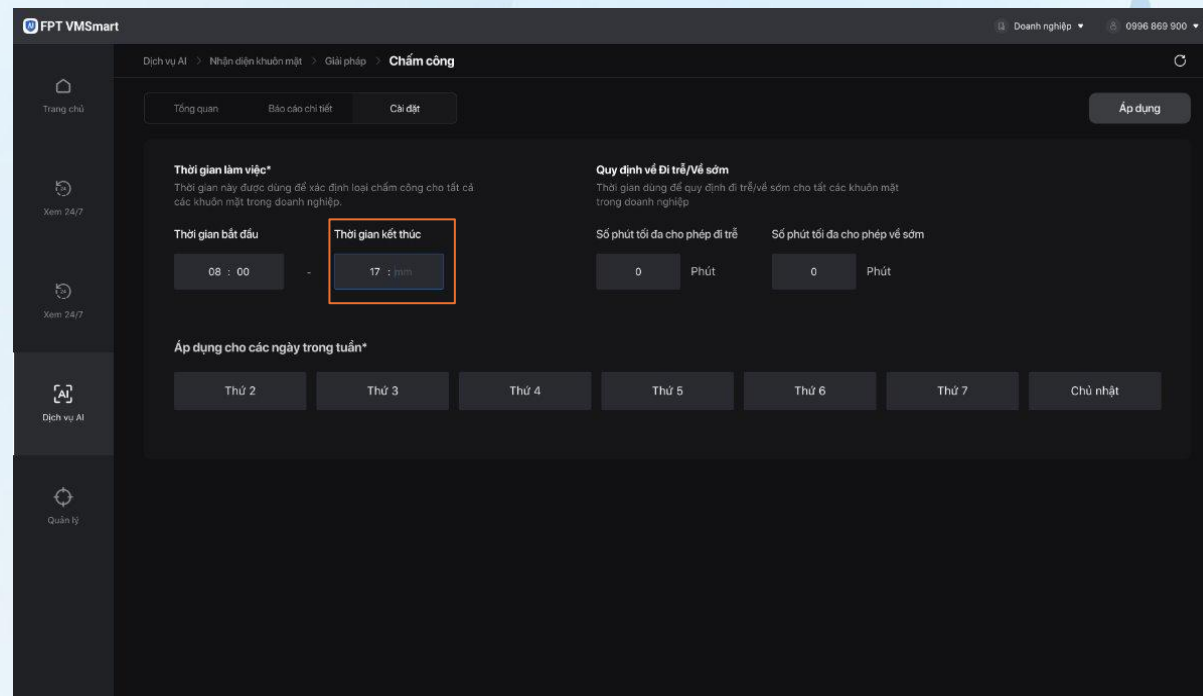
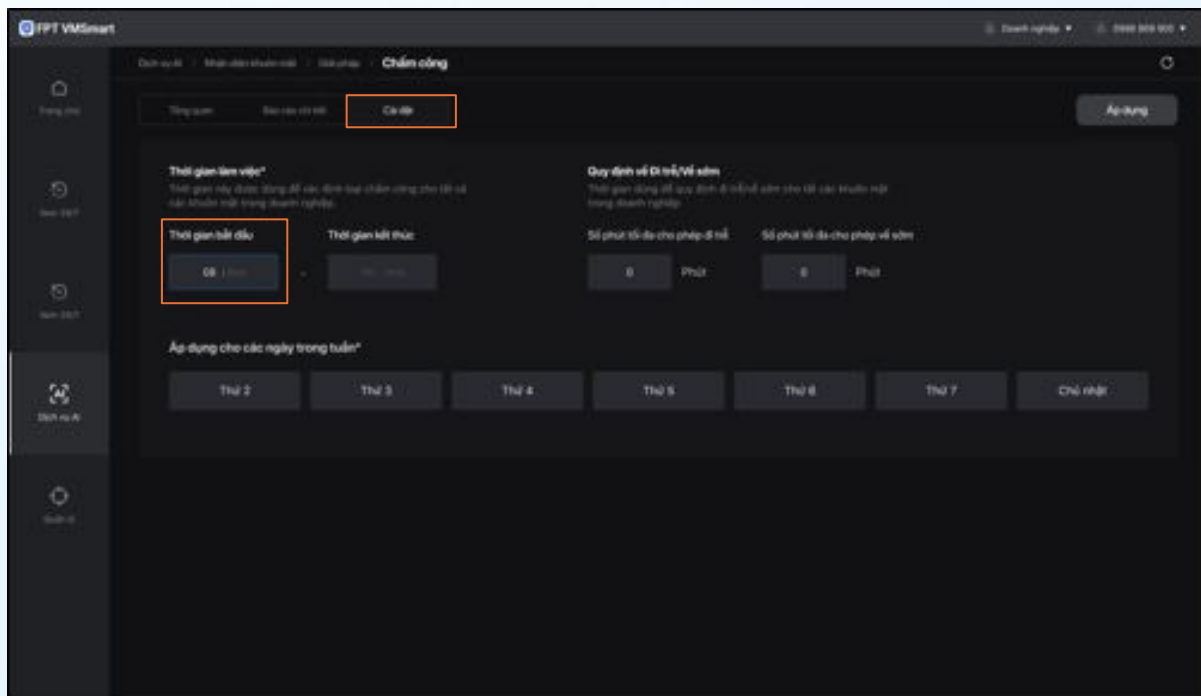
B1: Nhấn nút “Xuất dữ liệu”

B2: Chọn các điều kiện cần lọc trong cửa sổ **Xuất dữ liệu**
B3: Nhấn nút “Xác nhận” để bắt đầu tải file dữ liệu.



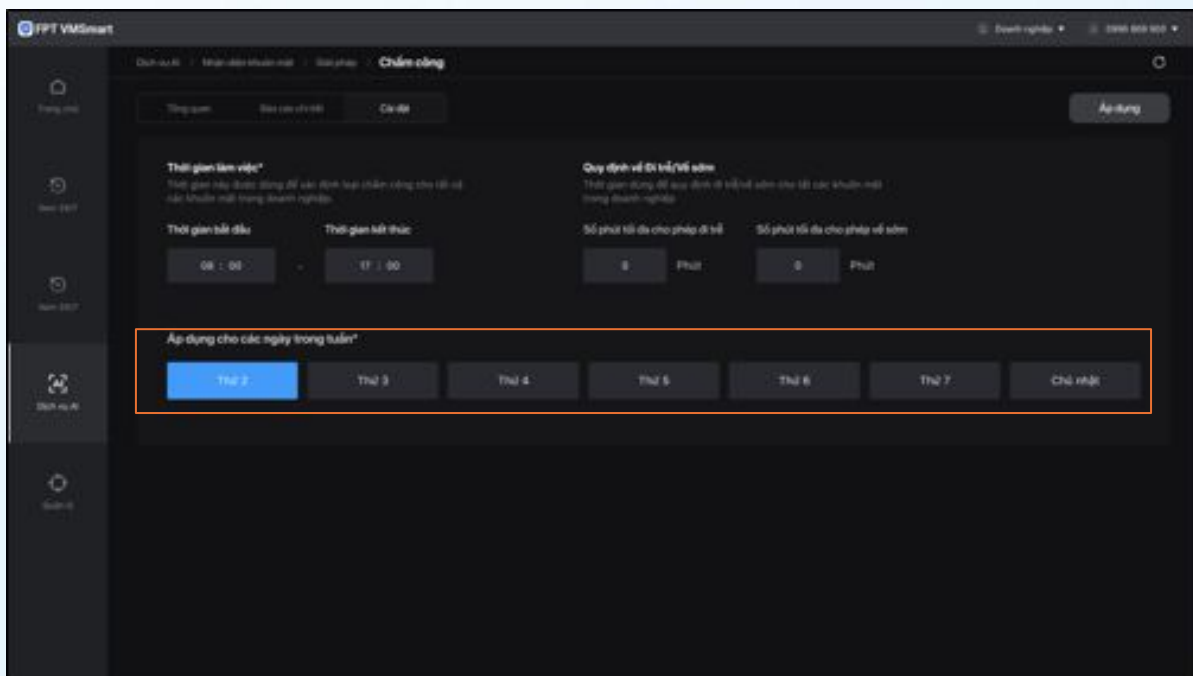
B1: Trong mục **Chăm công**, chọn tab **Cài đặt**
B2: Nhấn và nhập Thời gian bắt đầu (Bắt buộc)

B3: Nhấn và nhập Thời gian kết thúc (Bắt buộc)

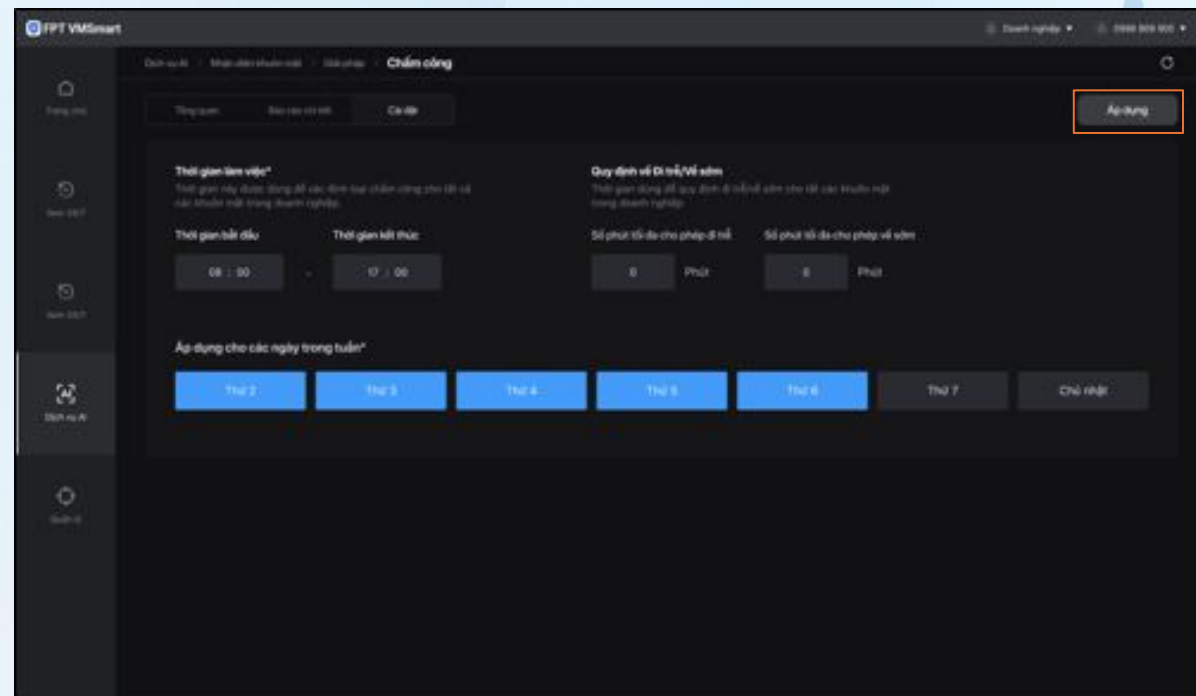


Lưu ý: Chỉ có quyền Owner, Administrator, Technician mới có quyền Cài đặt.
 Thời gian làm việc sẽ ảnh hưởng đến dữ liệu loại chăm công

B4: Nhấn chọn các ngày áp dụng trong tuần (Bắt buộc)

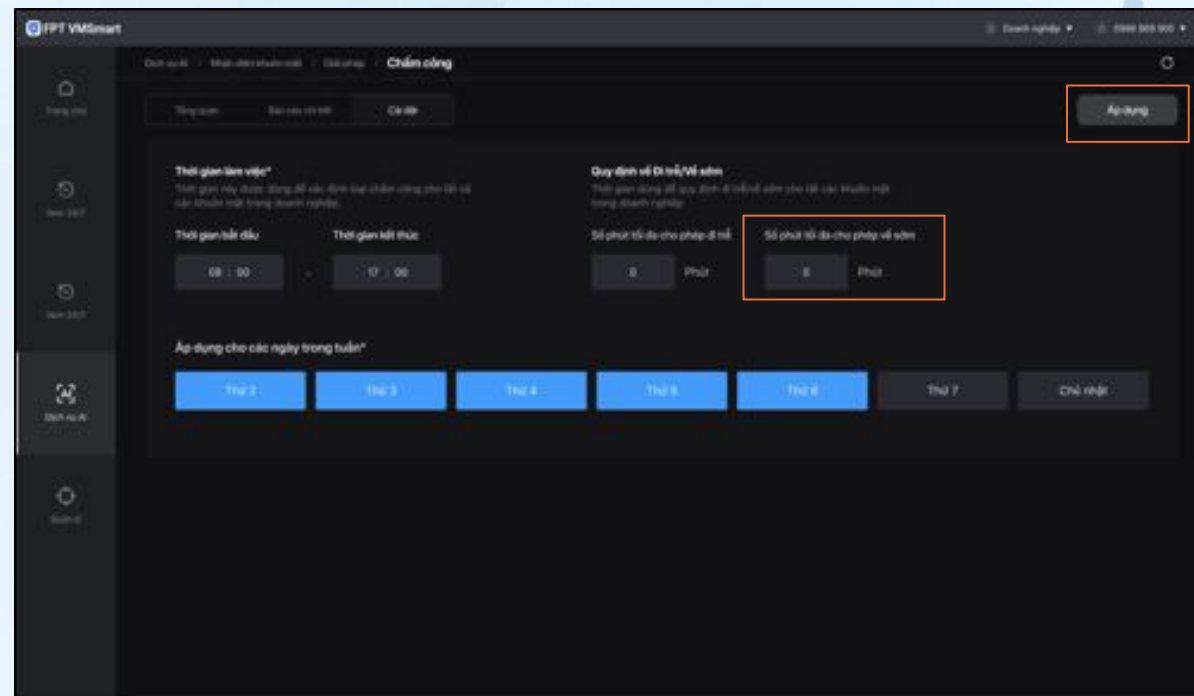
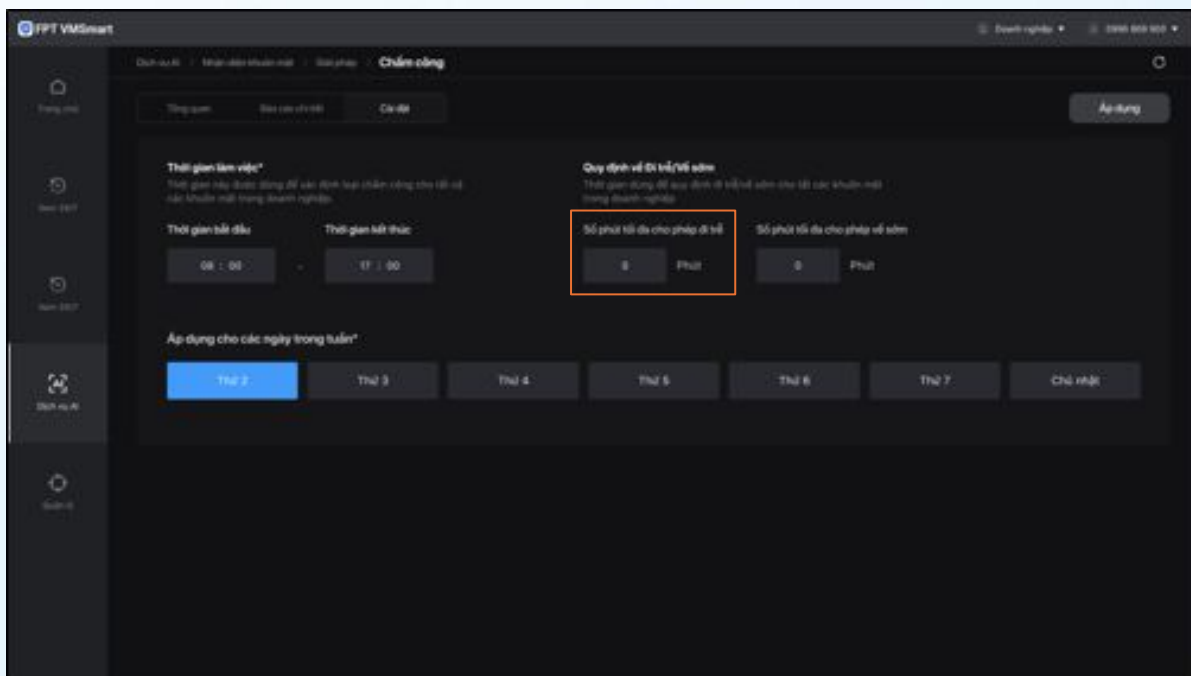


B5: Nhấn và nhập Thời gian kết thúc (Bắt buộc)



B1: Nhấn và nhập Số phút tối đa cho phép đi trễ

B2: Nhấn và nhập Số phút tối đa cho phép về sớm
B3: Nhấn nút Áp dụng để lưu cài đặt.



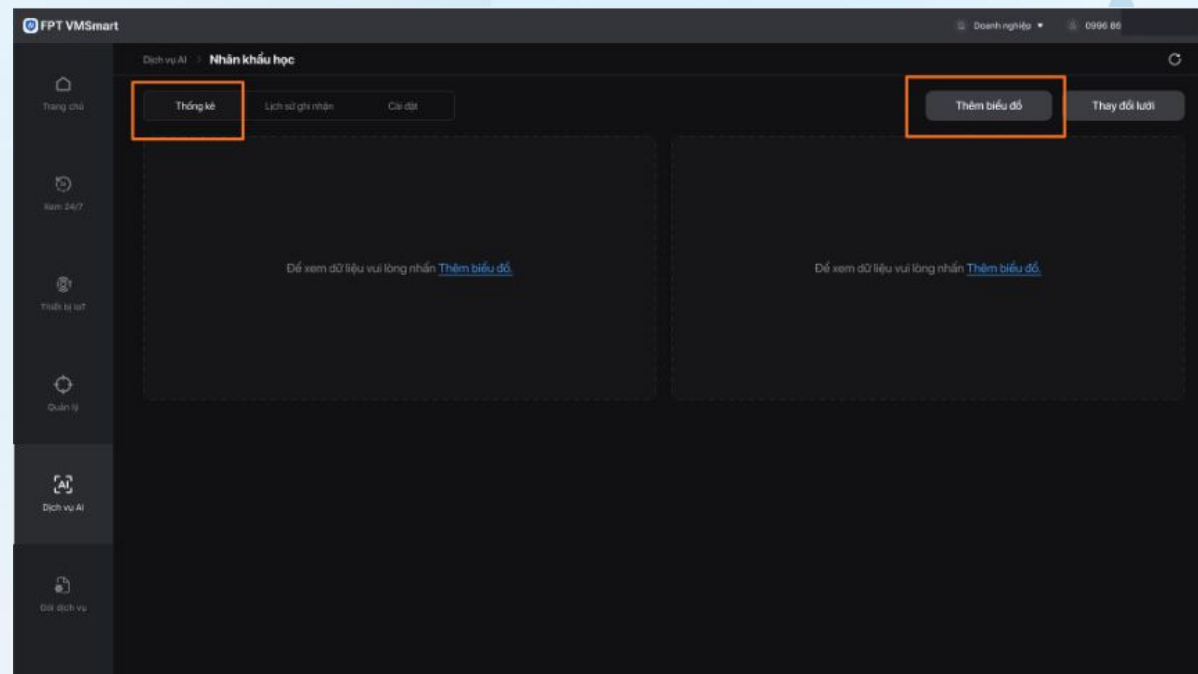
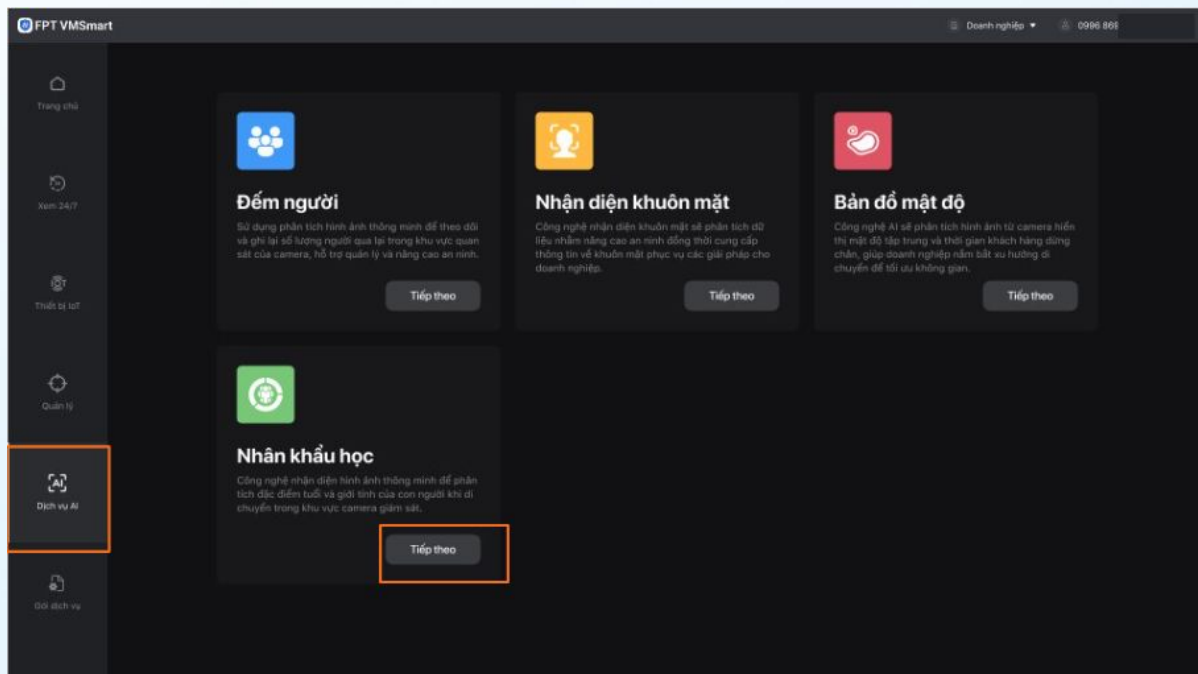
10. Hướng dẫn sử dụng Dịch vụ AI - Nhân khẩu học

Hướng dẫn sử dụng dịch vụ AI - Nhân khẩu học

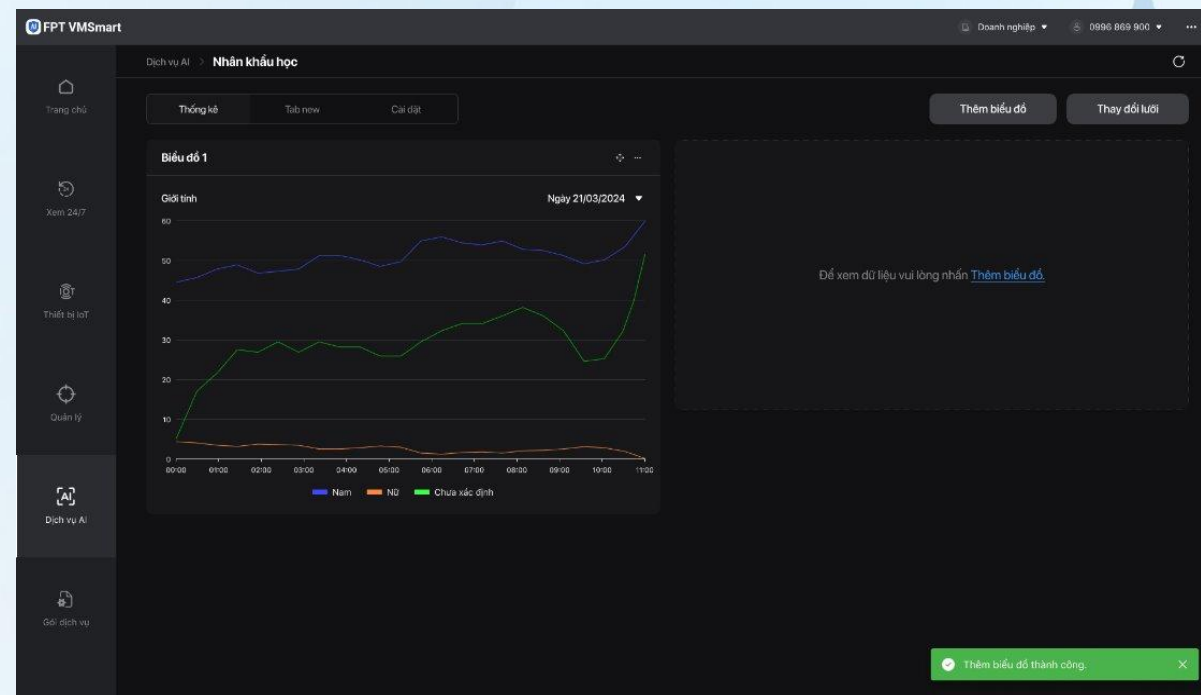
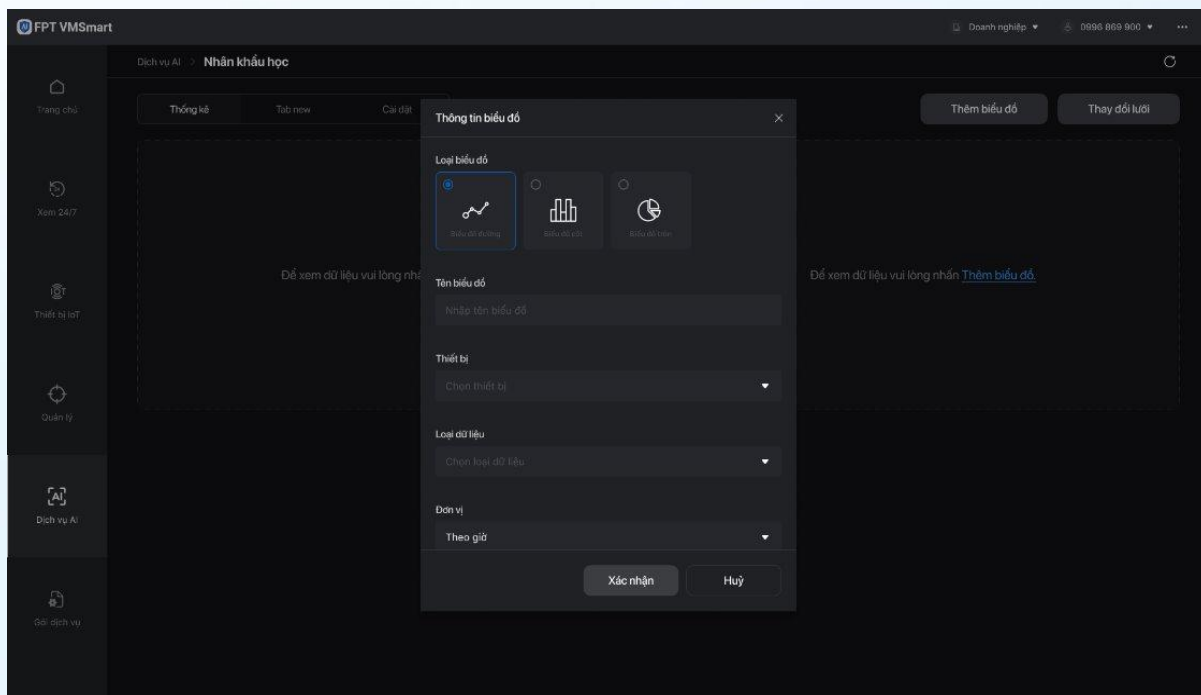
Truy cập tính năng

B1: Truy cập vào phần **Dịch vụ AI**.
Tại tính năng **Nhân khẩu học**,
chọn nút **Tiếp theo**.

B2: Sau khi truy cập, phần
Thống kê và **Thêm biểu đồ** để
xem chi tiết về dữ liệu.



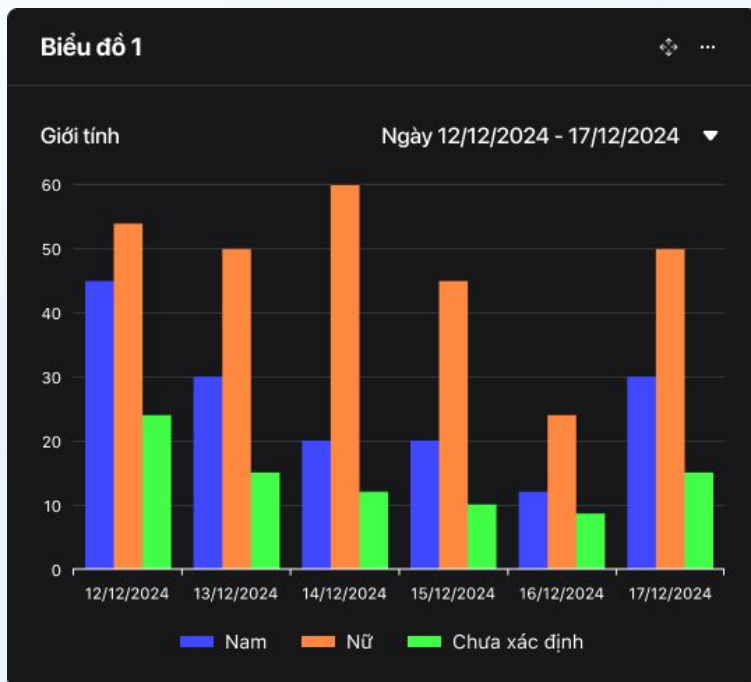
B3: Để tạo biểu đồ thống kê, bạn cần: **Chọn loại biểu đồ** (Biểu đồ tròn, cột, đường); **Tên biểu đồ** (Tùy theo nhu cầu của bạn); **Thiết bị**; **Loại dữ liệu**: Giới tính hoặc độ tuổi; Đơn vị: theo giờ (chọn 1 ngày) hoặc theo ngày (chọn nhiều ngày); **Ngày**
Sau đó nhấn **Xác nhận** để tạo biểu đồ.



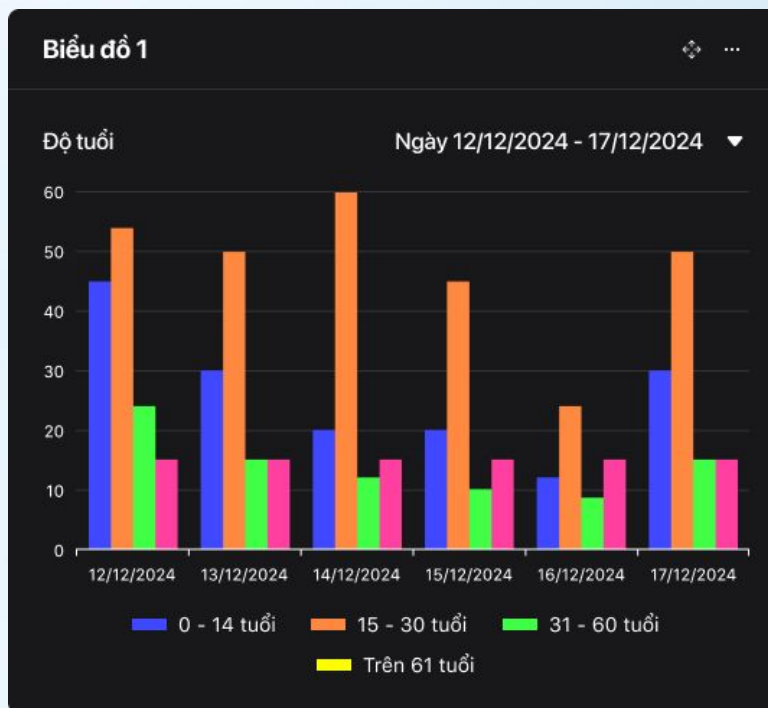
Hướng dẫn sử dụng dịch vụ AI - Nhân khẩu học

Xem chi tiết dữ liệu

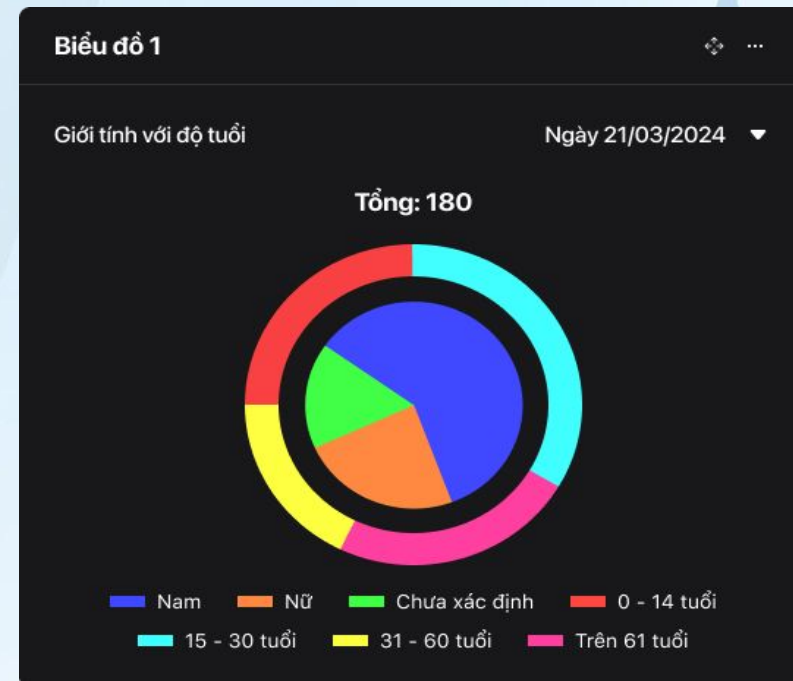
Biểu đồ cột giới tính



Biểu đồ cột độ tuổi



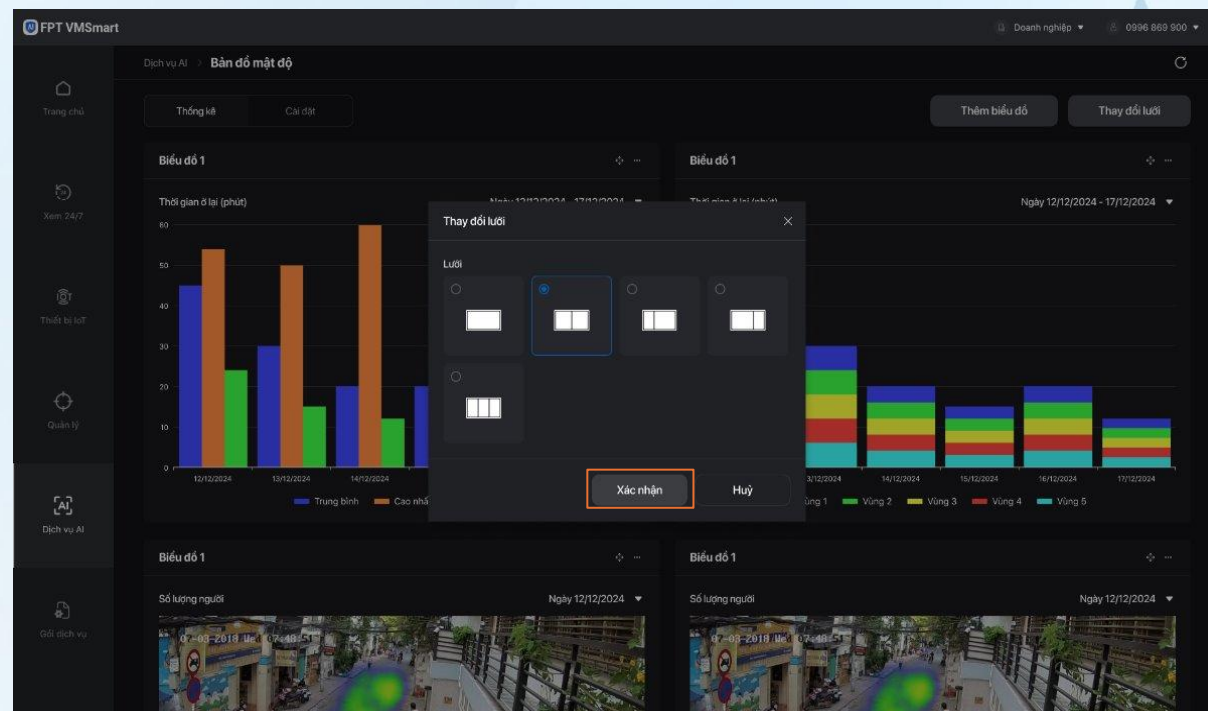
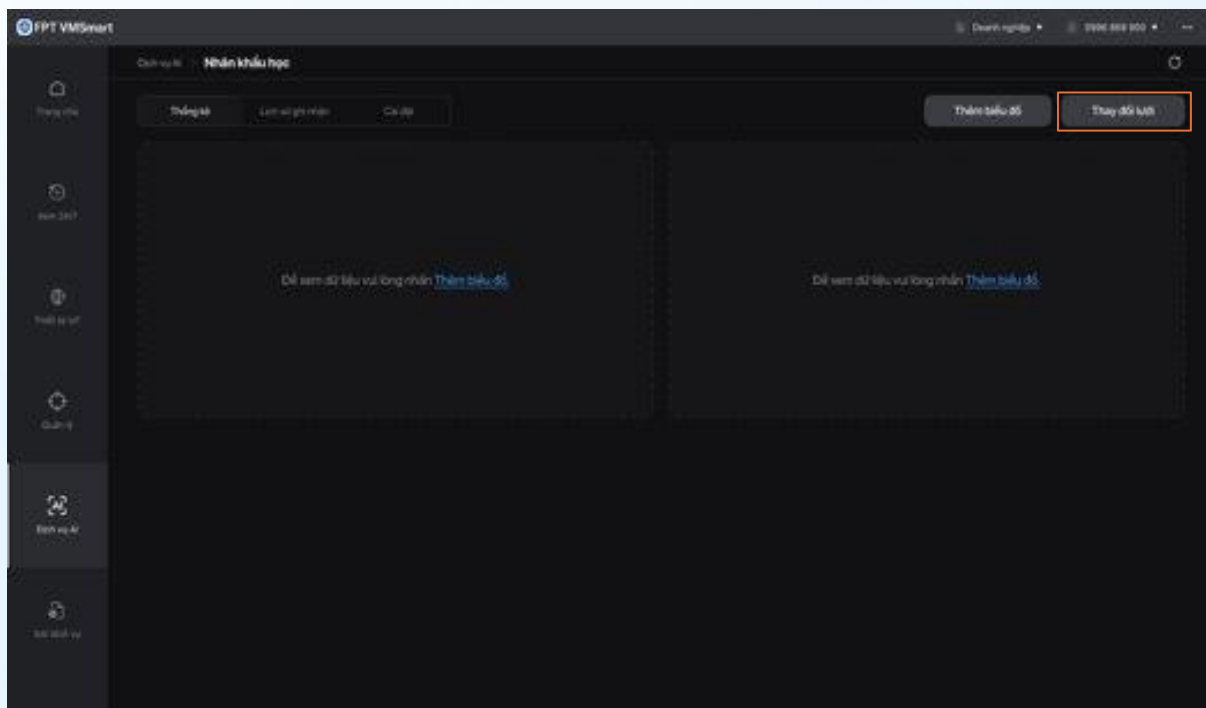
Biểu đồ tròn của giới tính và độ tuổi



Hướng dẫn sử dụng dịch vụ AI - Nhân khẩu học

Xem chi tiết dữ liệu

Lưu ý: Bạn có thể chọn lưới để có giao diện như mong muốn.
Sau đó nhấn **"Xác nhận"** để hoàn tất thao tác.

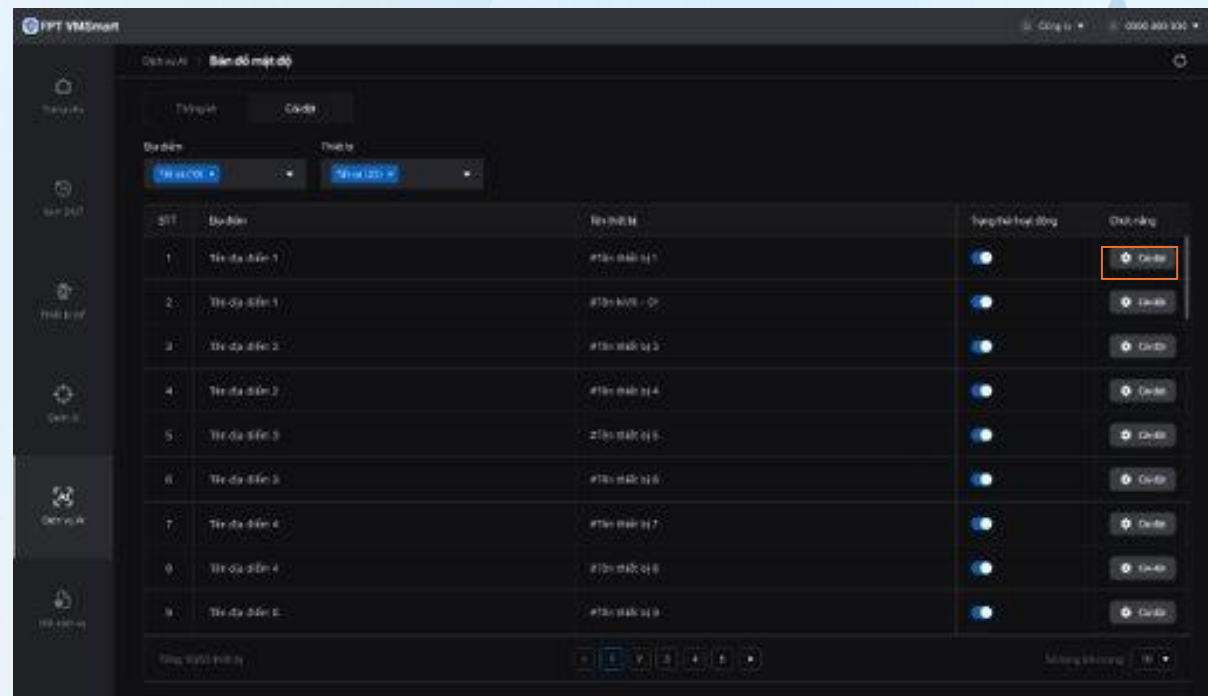
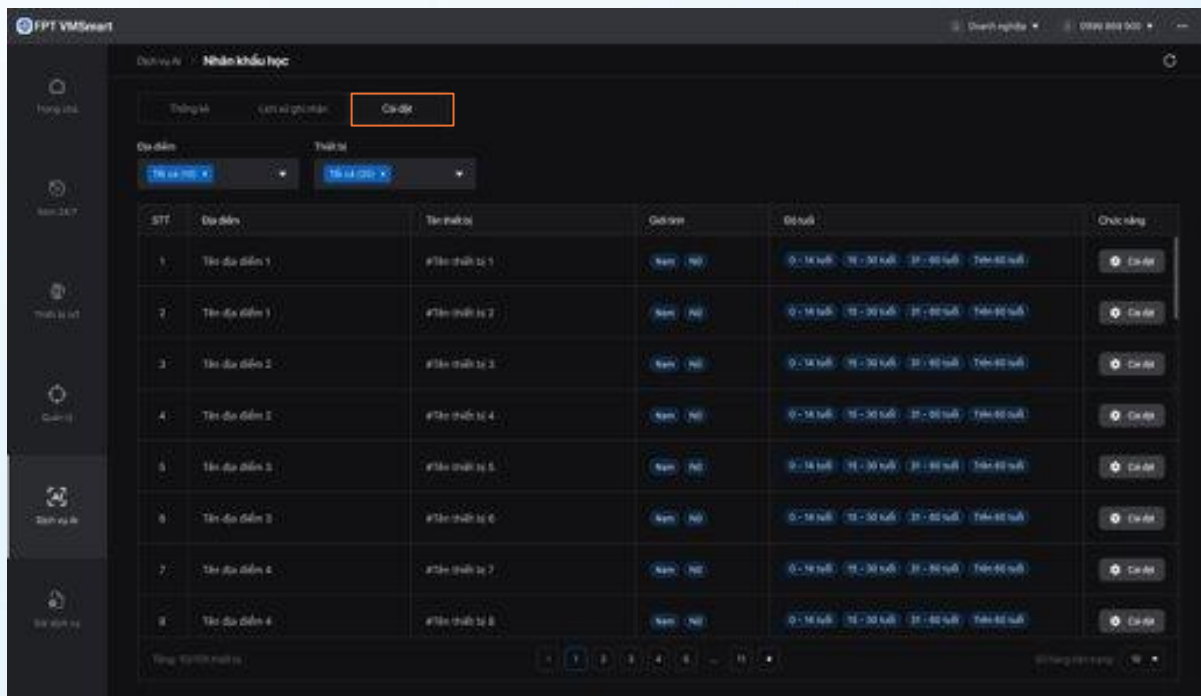


Hướng dẫn sử dụng dịch vụ AI - Nhân khẩu học

Cài đặt

B1: Truy cập tab **Cài đặt**

B2: Nhấn vào cài đặt



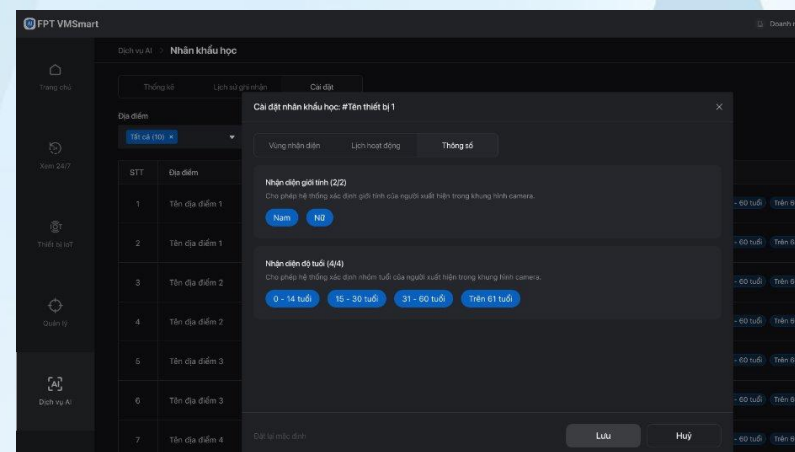
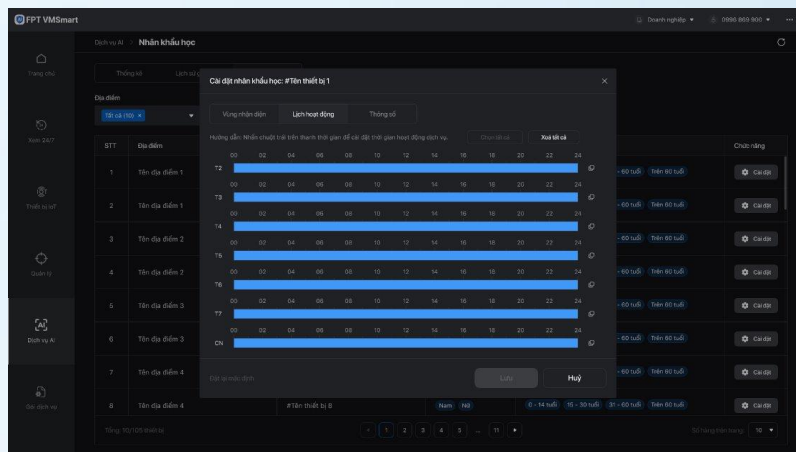
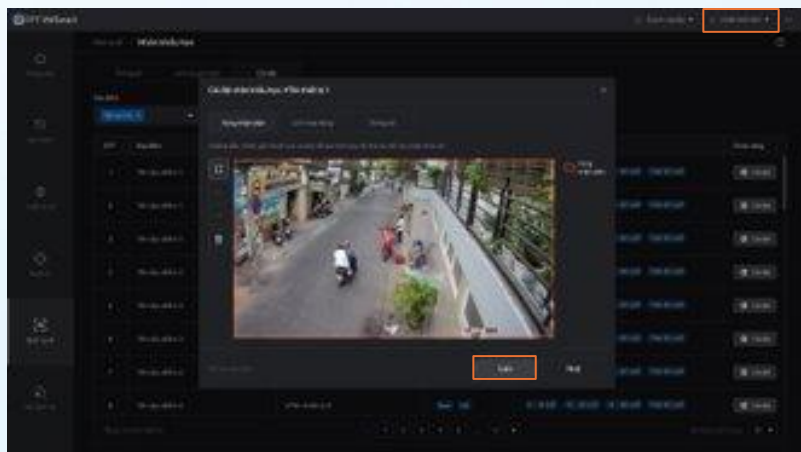
Hướng dẫn sử dụng dịch vụ AI - Nhân khẩu học

Cài đặt - Vùng nhận diện

B2.1: Vẽ vùng mong muốn nhận diện

B2.2: Cấu hình lịch hoạt động tính năng

B2.3: Cấu hình thông số hoạt động

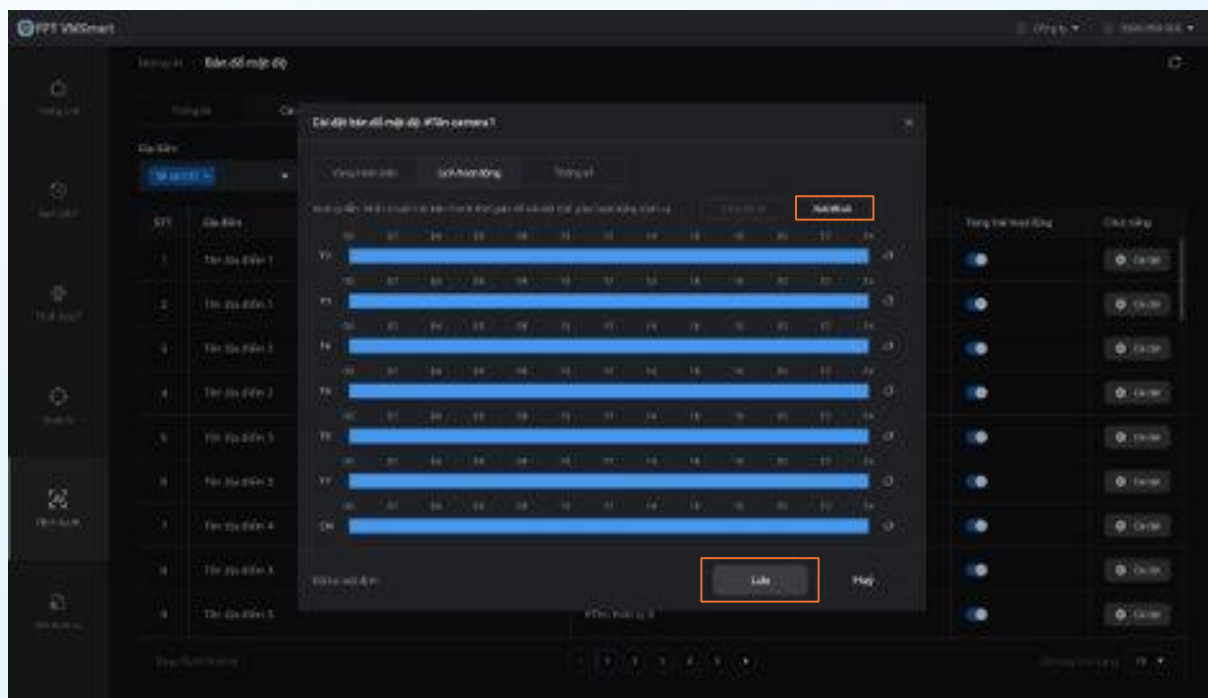


Hướng dẫn sử dụng dịch vụ AI - Nhân khẩu học

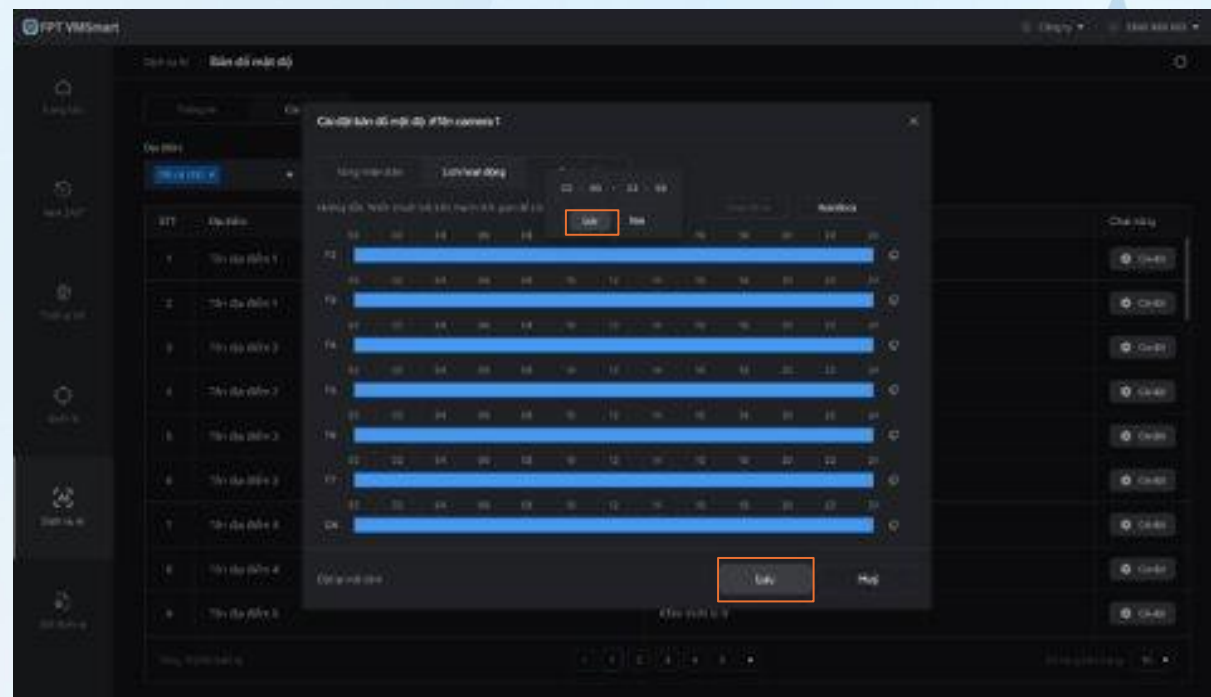
Cài đặt - Lịch hoạt động

B2.2: Thiết lập các thông số lịch cần hoạt động

Bạn có thể **Xóa tất cả dữ liệu** và nhấn **Lưu**



Bạn cũng có thể lưu dữ liệu theo từng khung giờ cụ thể và nhấn **Lưu**



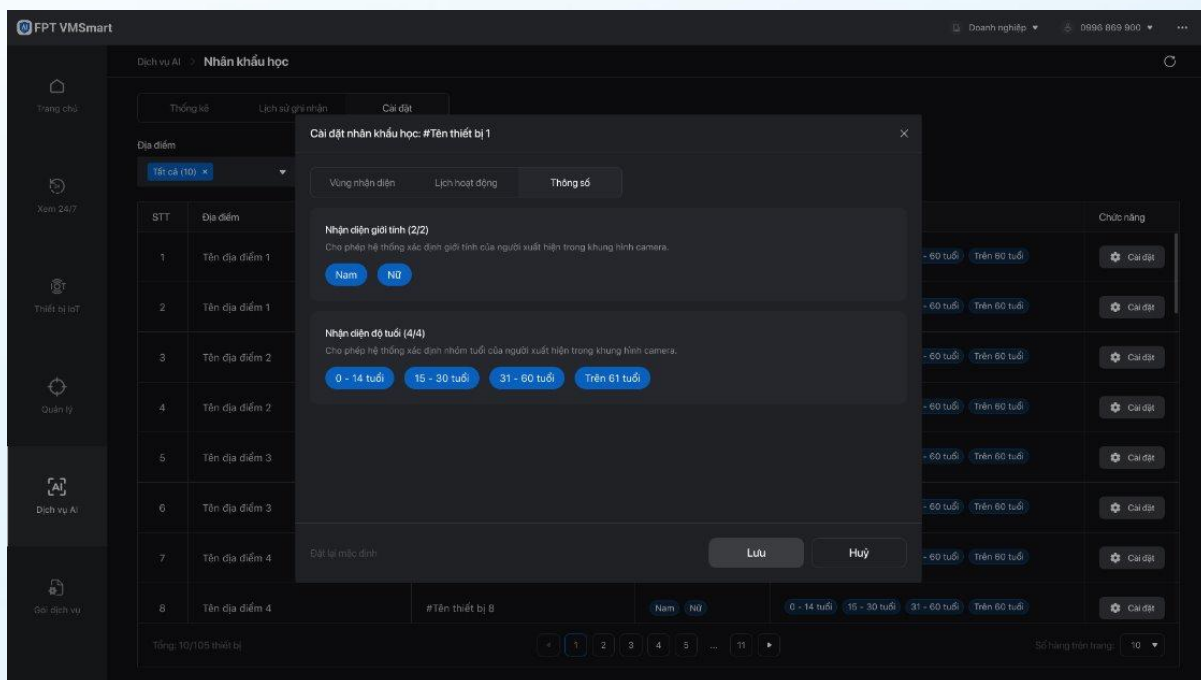
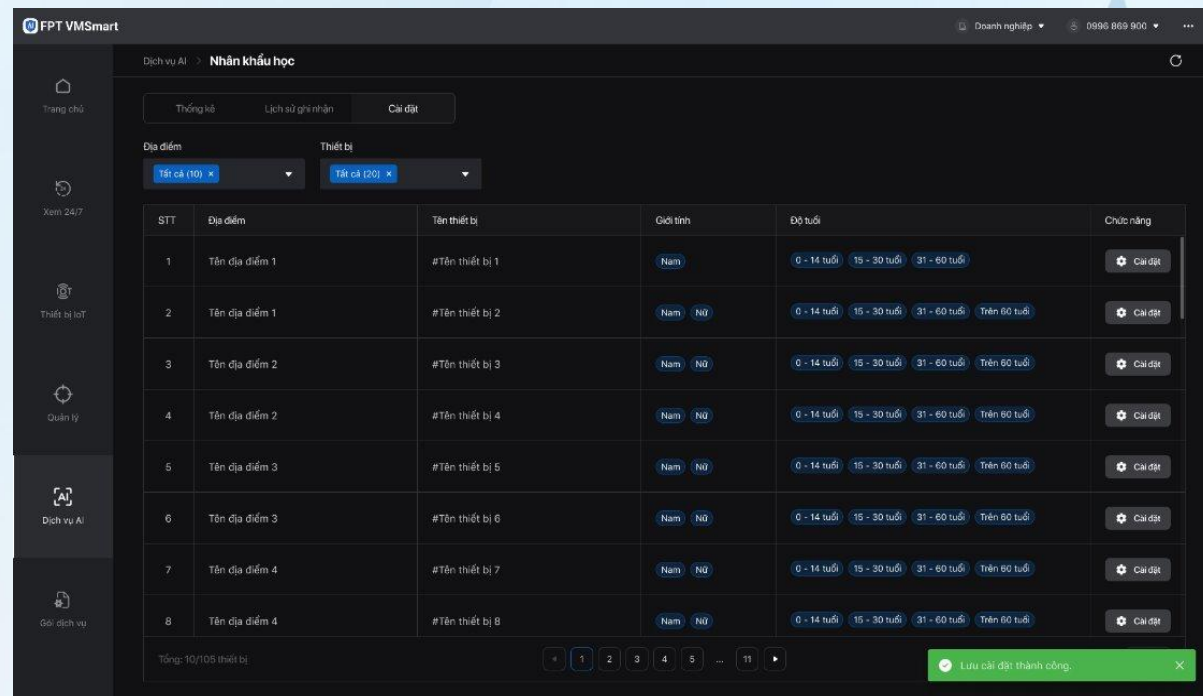
B2.3 : Thiết lập các thông số sau:

Nhận diện giới tính: Nam/nữ

Nhận diện độ tuổi: 0-14 tuổi, 15-30 tuổi, 31-60 tuổi, trên 61 tuổi

Sau đó nhấn **Lưu** để lưu cài đặt.

Lưu cài đặt thành công

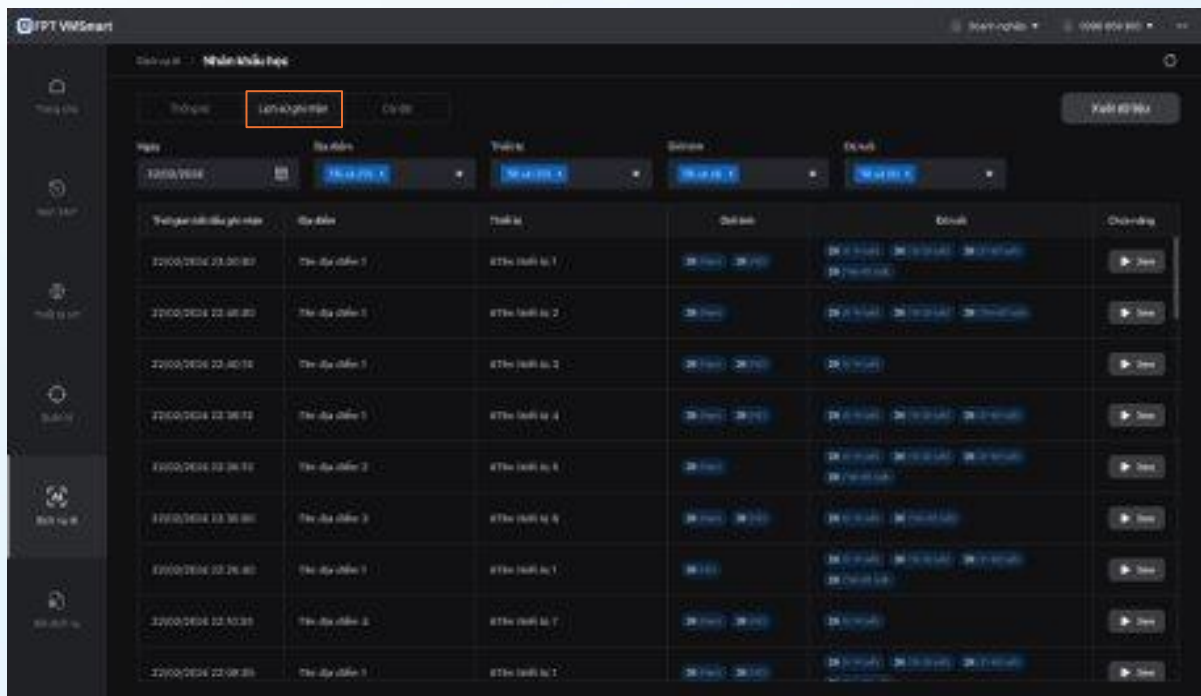
STT	Địa điểm	Tên thiết bị	Giới tính	Độ tuổi	Chức năng
1	Tên địa điểm 1	#Tên thiết bị 1	Nam	0 - 14 tuổi, 15 - 30 tuổi, 31 - 60 tuổi	Cài đặt
2	Tên địa điểm 1	#Tên thiết bị 2	Nam, Nữ	0 - 14 tuổi, 15 - 30 tuổi, 31 - 60 tuổi, Trên 60 tuổi	Cài đặt
3	Tên địa điểm 2	#Tên thiết bị 3	Nam, Nữ	0 - 14 tuổi, 15 - 30 tuổi, 31 - 60 tuổi, Trên 60 tuổi	Cài đặt
4	Tên địa điểm 2	#Tên thiết bị 4	Nam, Nữ	0 - 14 tuổi, 15 - 30 tuổi, 31 - 60 tuổi, Trên 60 tuổi	Cài đặt
5	Tên địa điểm 3	#Tên thiết bị 5	Nam, Nữ	0 - 14 tuổi, 15 - 30 tuổi, 31 - 60 tuổi, Trên 60 tuổi	Cài đặt
6	Tên địa điểm 3	#Tên thiết bị 6	Nam, Nữ	0 - 14 tuổi, 15 - 30 tuổi, 31 - 60 tuổi, Trên 60 tuổi	Cài đặt
7	Tên địa điểm 4	#Tên thiết bị 7	Nam, Nữ	0 - 14 tuổi, 15 - 30 tuổi, 31 - 60 tuổi, Trên 60 tuổi	Cài đặt
8	Tên địa điểm 4	#Tên thiết bị 8	Nam, Nữ	0 - 14 tuổi, 15 - 30 tuổi, 31 - 60 tuổi, Trên 60 tuổi	Cài đặt

Hướng dẫn sử dụng dịch vụ AI - Nhân khẩu học

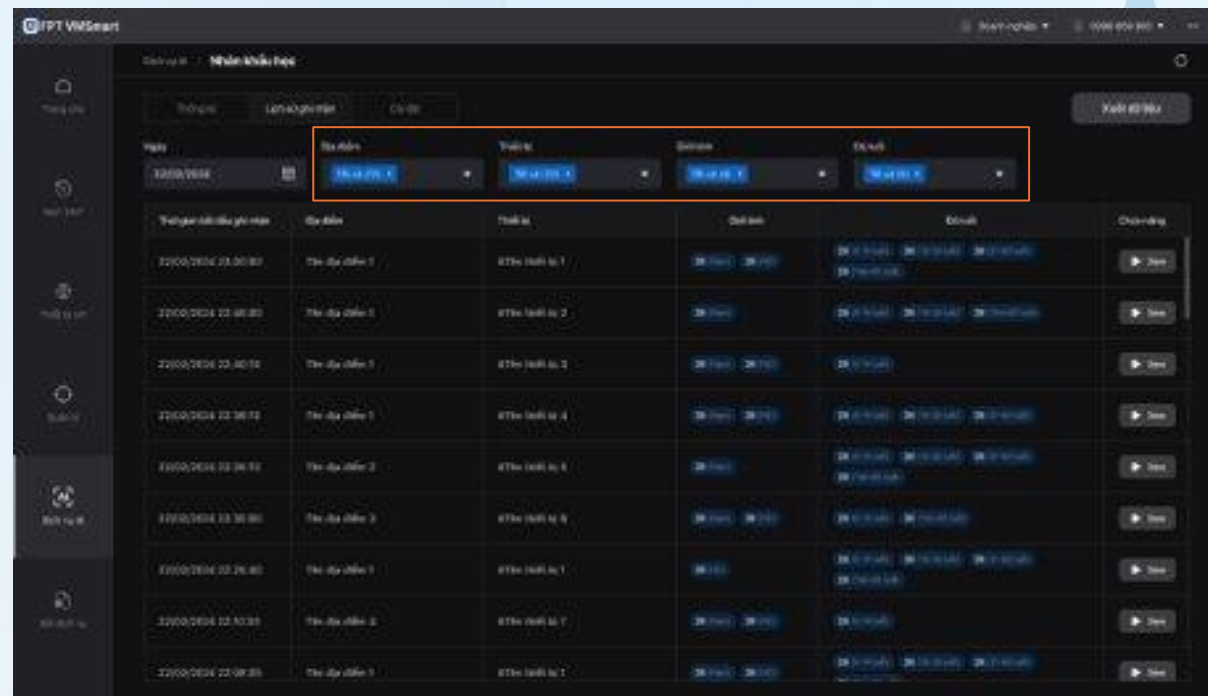
Lịch sử ghi nhận

B1 : Sau khi truy cập, phần **Lịch sử ghi nhận** để xem chi tiết về dữ liệu

B2: Lọc dữ liệu



Ngày	Địa điểm	Thời gian	Loại	Chi tiết
22/05/2024	Tên địa điểm 1	08:00:00	KTên loại 1	20:00:00, 20:00:00, 20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 1	08:00:00	KTên loại 2	20:00:00, 20:00:00, 20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 1	08:00:00	KTên loại 2	20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 1	08:00:00	KTên loại 4	20:00:00, 20:00:00, 20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 2	08:00:00	KTên loại 4	20:00:00, 20:00:00, 20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 3	08:00:00	KTên loại 4	20:00:00, 20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 1	08:00:00	KTên loại 1	20:00:00, 20:00:00, 20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 2	08:00:00	KTên loại 1	20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 1	08:00:00	KTên loại 1	20:00:00, 20:00:00, 20:00:00



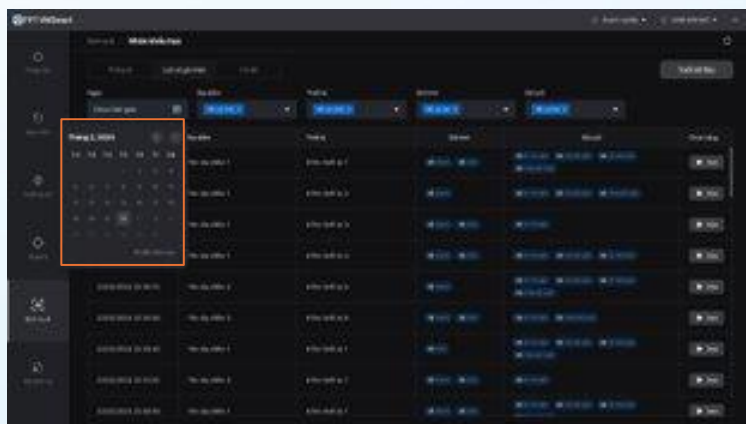
Ngày	Địa điểm	Thời gian	Loại	Chi tiết
22/05/2024	Tên địa điểm 1	08:00:00	KTên loại 1	20:00:00, 20:00:00, 20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 1	08:00:00	KTên loại 2	20:00:00, 20:00:00, 20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 1	08:00:00	KTên loại 2	20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 1	08:00:00	KTên loại 4	20:00:00, 20:00:00, 20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 2	08:00:00	KTên loại 4	20:00:00, 20:00:00, 20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 3	08:00:00	KTên loại 4	20:00:00, 20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 1	08:00:00	KTên loại 1	20:00:00, 20:00:00, 20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 2	08:00:00	KTên loại 1	20:00:00
22/05/2024	Tên địa điểm 1	08:00:00	KTên loại 1	20:00:00, 20:00:00, 20:00:00

Hướng dẫn sử dụng dịch vụ AI - Nhân khẩu học

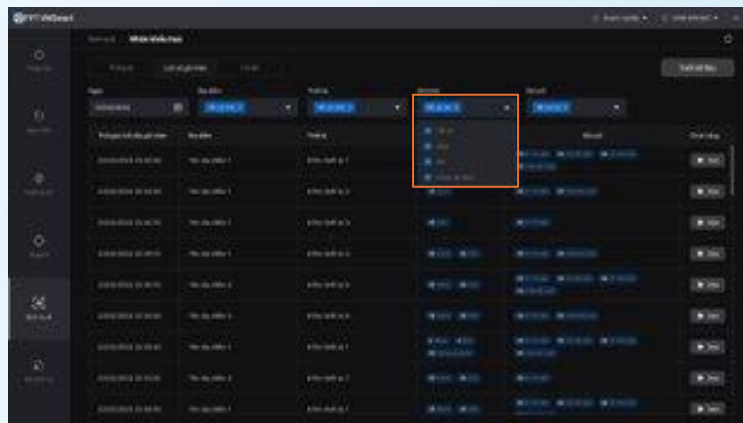
Lịch sử ghi nhận

Khi xem dữ liệu chi tiết, bạn có thể lọc dữ liệu theo:

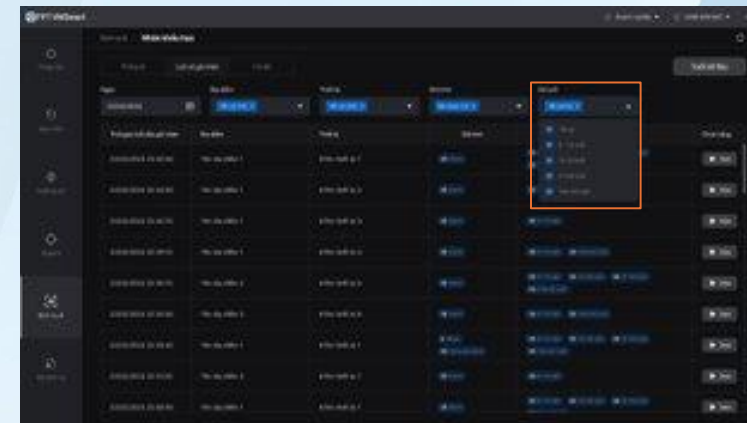
Theo ngày tháng



Theo giới tính



Theo độ tuổi

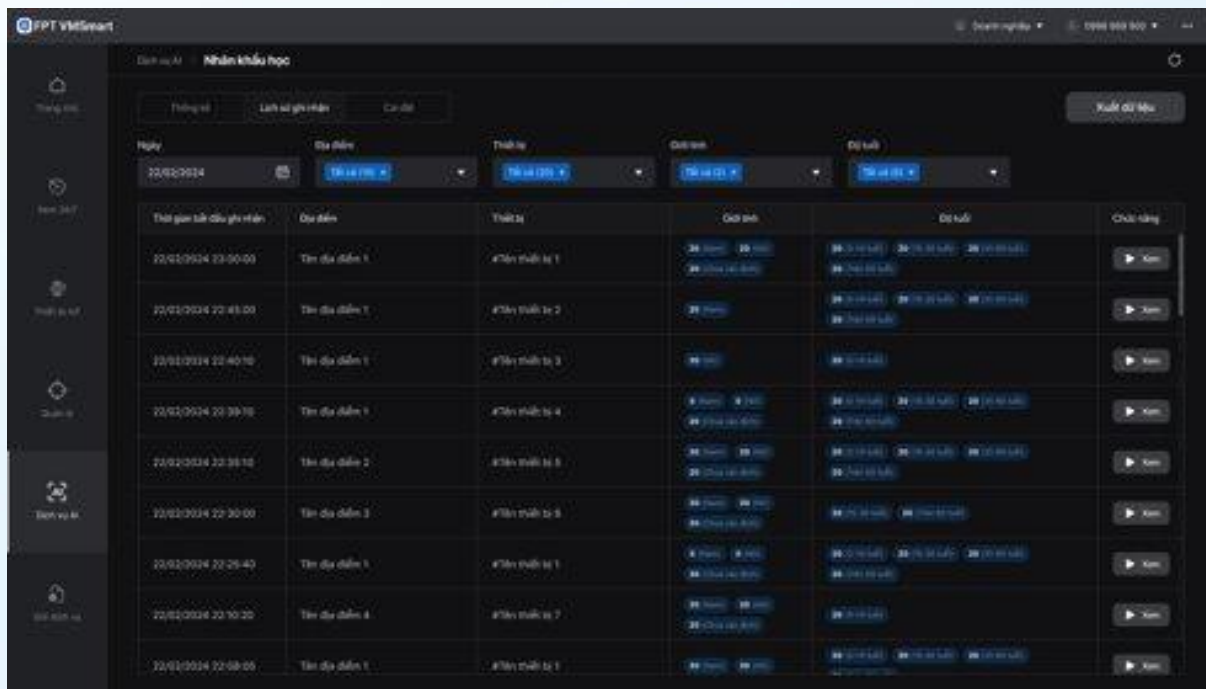


Hướng dẫn sử dụng dịch vụ AI - Nhân khẩu học

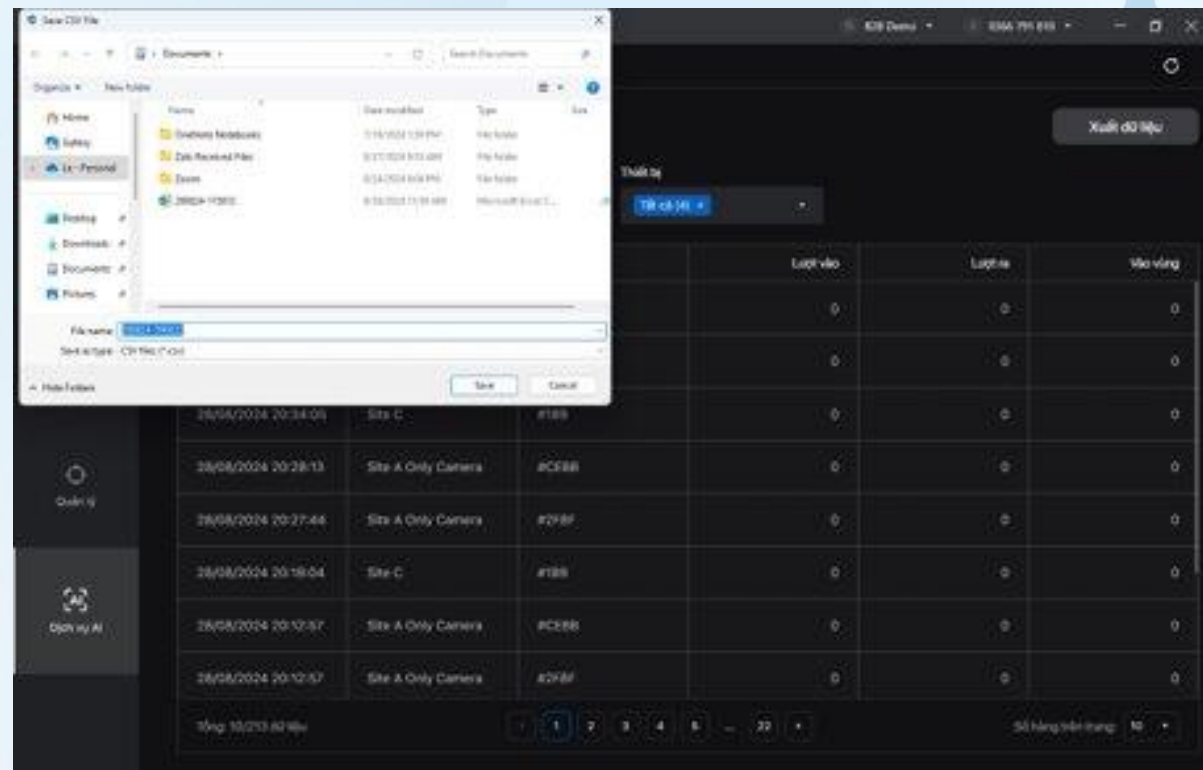
Xuất dữ liệu (tt)

B1 : Nhấp vào nút **Xuất dữ liệu**

B2: Dữ liệu sẽ được lưu về máy dưới định dạng Excel (*.csv), nhấp nút **Save** để tải về



Thời gian bắt đầu ghi nhận	Quả đạn	Threat	Quả đạn	Độ tuổi	Chức năng
22/02/2024 22:00:00	Tên địa điểm 1	ảnh mặt nạ 1	25.0000	25.0000	▶ Xem
22/02/2024 22:45:00	Tên địa điểm 1	ảnh mặt nạ 2	25.0000	25.0000	▶ Xem
22/02/2024 22:40:10	Tên địa điểm 1	ảnh mặt nạ 3	25.0000	25.0000	▶ Xem
22/02/2024 22:39:10	Tên địa điểm 1	ảnh mặt nạ 4	25.0000	25.0000	▶ Xem
22/02/2024 22:38:10	Tên địa điểm 2	ảnh mặt nạ 5	25.0000	25.0000	▶ Xem
22/02/2024 22:30:00	Tên địa điểm 3	ảnh mặt nạ 6	25.0000	25.0000	▶ Xem
22/02/2024 22:25:40	Tên địa điểm 1	ảnh mặt nạ 1	25.0000	25.0000	▶ Xem
22/02/2024 22:10:20	Tên địa điểm 4	ảnh mặt nạ 7	25.0000	25.0000	▶ Xem
22/02/2024 22:00:00	Tên địa điểm 1	ảnh mặt nạ 1	25.0000	25.0000	▶ Xem



File name	Size	Type
2024-02-22	1.14 MB	File folder
2024-02-22	1.14 MB	File folder
2024-02-22	1.14 MB	File folder
2024-02-22	1.14 MB	File folder

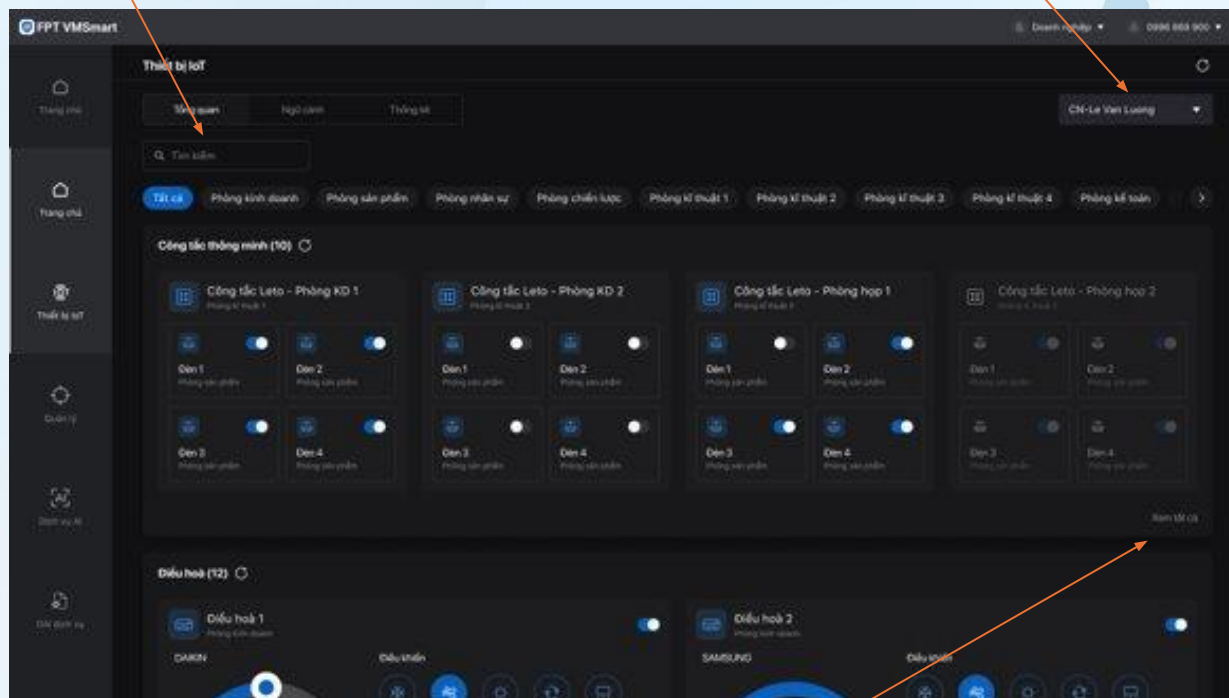
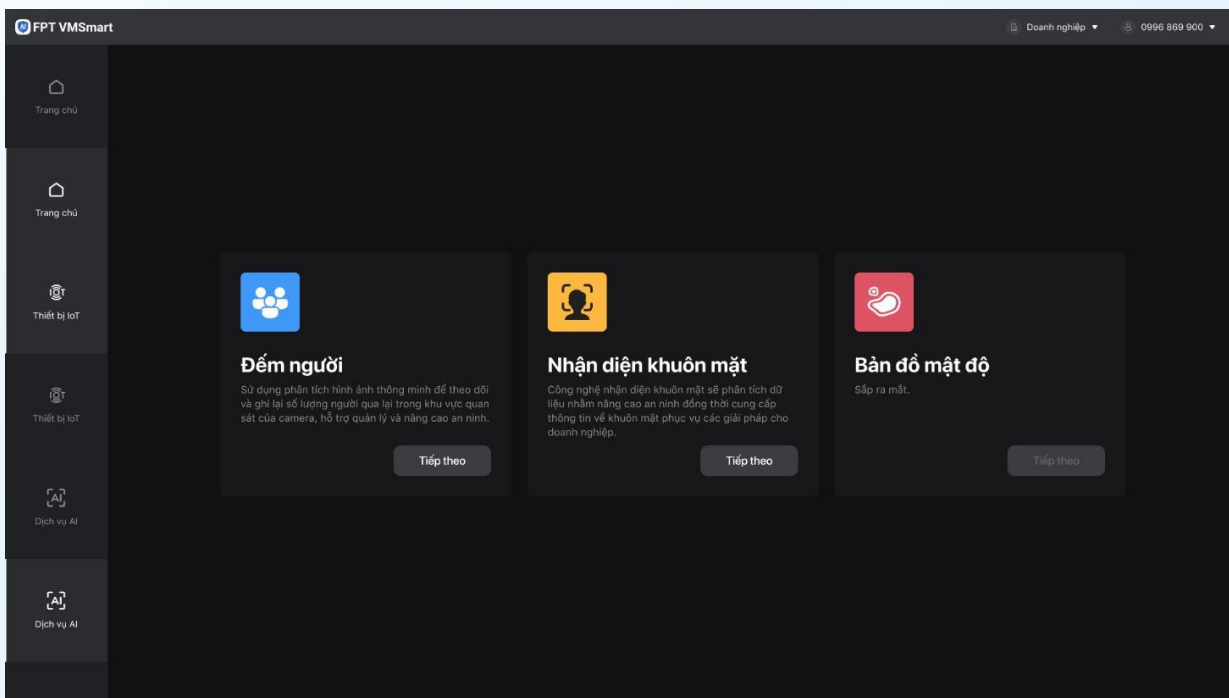
Thời gian bắt đầu ghi nhận	Quả đạn	Threat	Quả đạn	Độ tuổi	Chức năng
26/04/2024 20:34:06	Site C	ảnh mặt nạ 1	25.0000	25.0000	▶ Xem
26/04/2024 20:28:13	Site A Only Camera	ảnh mặt nạ 2	25.0000	25.0000	▶ Xem
26/04/2024 20:27:44	Site A Only Camera	ảnh mặt nạ 3	25.0000	25.0000	▶ Xem
26/04/2024 20:18:04	Site C	ảnh mặt nạ 4	25.0000	25.0000	▶ Xem
26/04/2024 20:12:57	Site A Only Camera	ảnh mặt nạ 5	25.0000	25.0000	▶ Xem
26/04/2024 20:12:57	Site A Only Camera	ảnh mặt nạ 6	25.0000	25.0000	▶ Xem

11. Hướng dẫn sử dụng điều khiển thiết bị IoT

B1: Nhấn chọn tab **Thiết bị IoT**

Nhập để tìm tên thiết bị

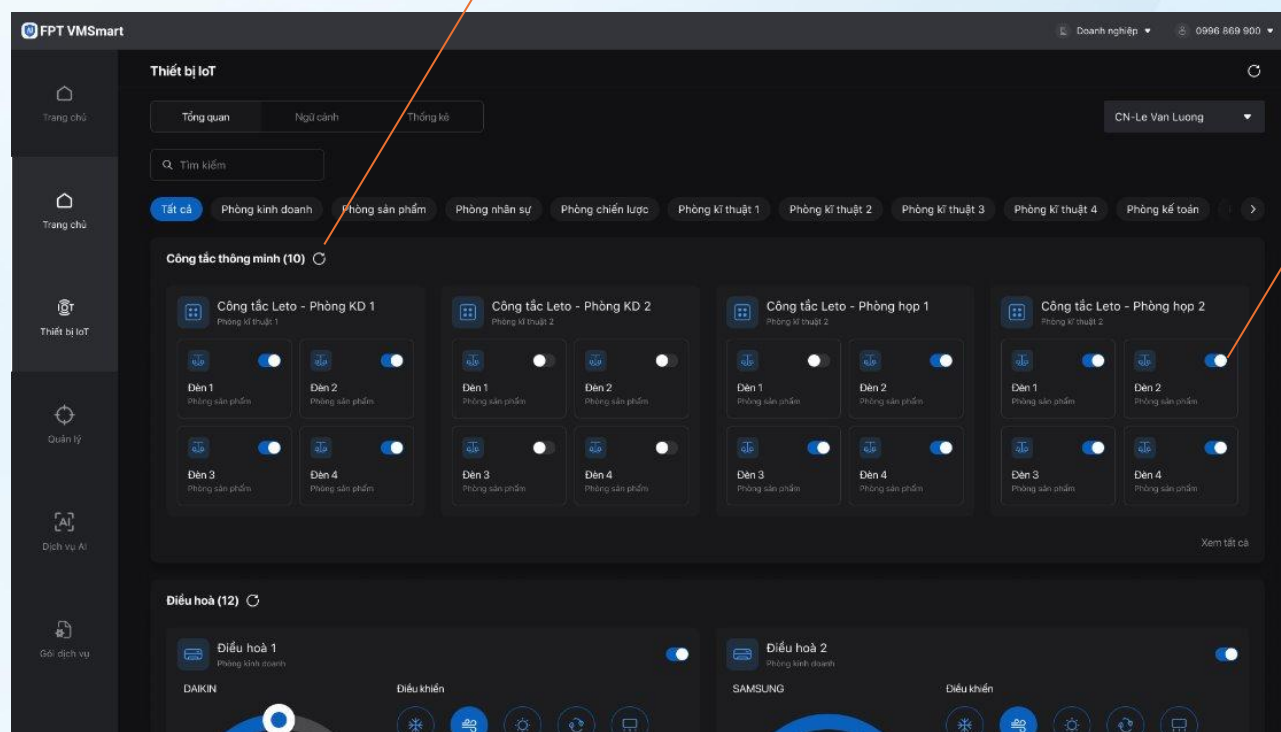
Nhấn chọn đổi địa điểm

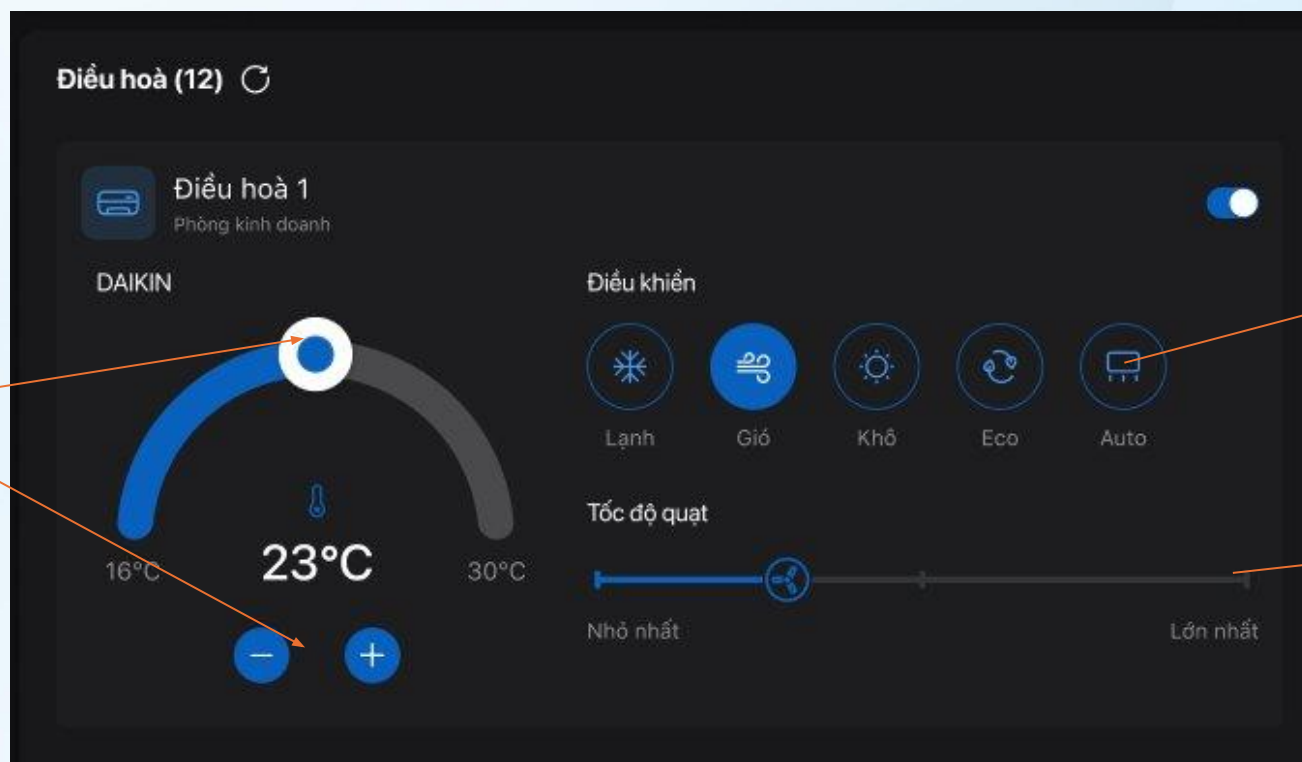


Nhấn “Xem tất cả” để hiển thị đầy đủ thiết bị cùng loại

Nhấn icon **Reload** để cập nhật danh sách công tắc và trạng thái nút

Nhấn để tắt/mở nút công tắc





Kéo thả thanh trượt hoặc nhấn - + để điều chỉnh nhiệt độ

Nhấn để tắt/mở điều hòa

Nhấn để thay đổi chế độ

Kéo thả thanh trượt hoặc nhấn để điều chỉnh tốc độ gió

12. Hướng dẫn xem lịch sử hoạt động

Nhấn mục **Quản lý**, chọn **Lịch sử hoạt động** để truy cập

FPT VMSmart

Doanh nghiệp

0996 869 900

Trang chủ

Xem 24/7

Thiết bị IoT

Quản lý

Dịch vụ AI

Gói dịch vụ

Quản lý chung

Thiết bị

Địa điểm và phân quyền

Tài khoản

SSO

Thiết lập

Đồng bộ vai trò

Đồng bộ tài nguyên

Giám sát

Lịch sử hoạt động

Lịch sử hoạt động

Tìm kiếm

Xuất báo cáo

Thời gian	Tài khoản	Hành động	Loại đối tượng	Đối tượng	Kết quả hành động
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thất bại
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thất bại
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công

Tổng: 10/105

<

1

2

3

4

5

...

11

>

Số hàng trên trang: 10

Nhấn để xuất file báo cáo theo điều kiện lọc

Chọn ngày bắt đầu và kết thúc của bộ lọc

Chọn khung giờ cần lọc

Chọn loại dữ kiện cần lọc

Bộ lọc

Từ ngày

22/02/2025

Đến ngày

22/02/2025

Khung giờ

00 : 00 - 23 : 59

Tài khoản

Tất cả (100) x

Hành động

Tất cả (6) x

Loại đối tượng

Tất cả (132) x

Kết quả hành động

Tất cả (3) x

Đặt lại

Áp dụng

Chân thành cảm ơn

THANK YOU

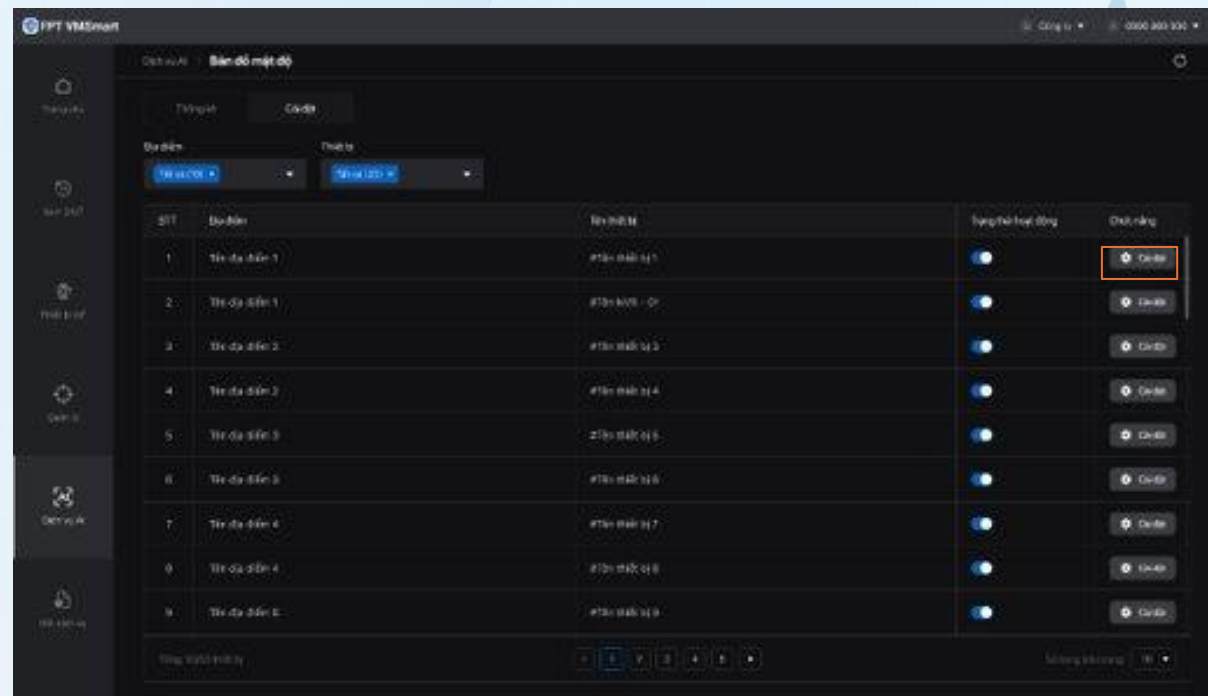
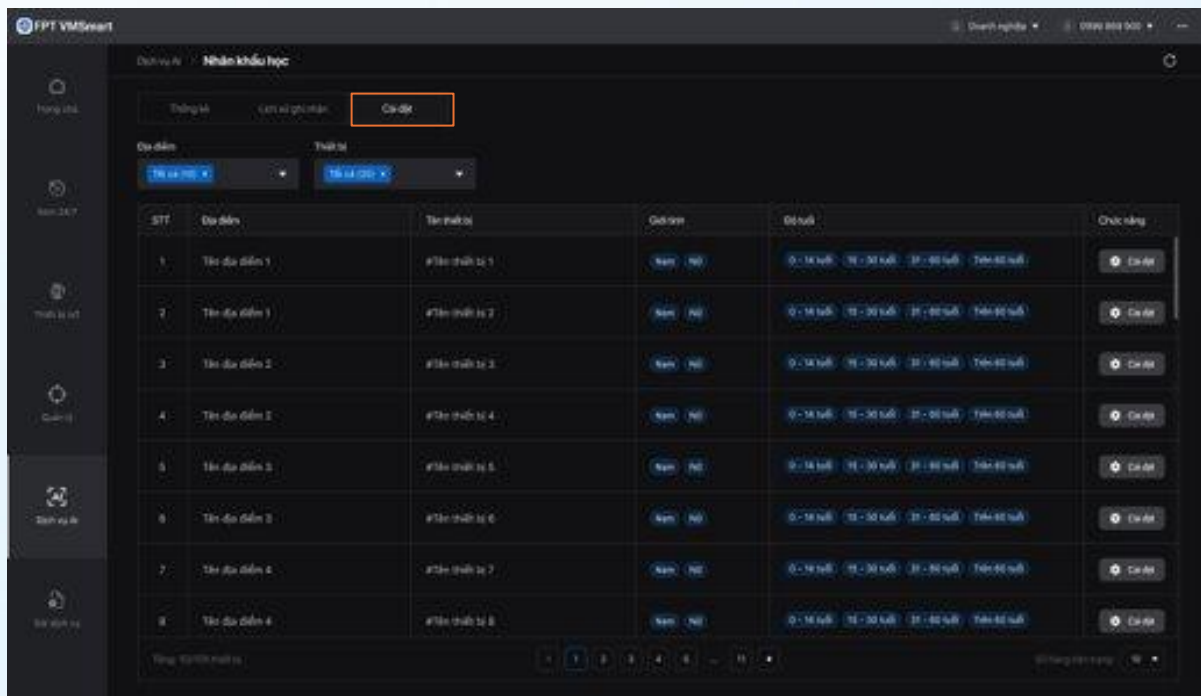


Hướng dẫn sử dụng dịch vụ AI - Nhân khẩu học

Cài đặt

B1: Truy cập tab **Cài đặt**

B2: Nhấn vào cài đặt



Nhấn mục
Quản lý,
 chọn **Lịch**
sử hoạt
động
 để truy cập

Nhấn để xuất file báo cáo theo điều kiện lọc

FPT VMSmart

Đăng nhập | 0996 868 900

Trang chủ

Xem 24/7

Thiết bị IoT

Quản lý

Dịch vụ AI

Gọi dịch vụ

Quản lý chung

Thiết bị

Địa điểm và phân quyền

Tài khoản

SSO

Thiết lập

Đóng bộ vai trò

Đóng bộ tài nguyên

Giám sát

Lịch sử hoạt động

Lịch sử hoạt động

Tìm kiếm

Xuất báo cáo

Thời gian	Tài khoản	Hành động	Loại đối tượng	Đối tượng	Kết quả hành động
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thất bại
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thất bại
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công
<dd/mm/yyyy 00:00:00>	<UserName>	<Action>	<ObjectType>	<Object name> <Object ID>	Thành công

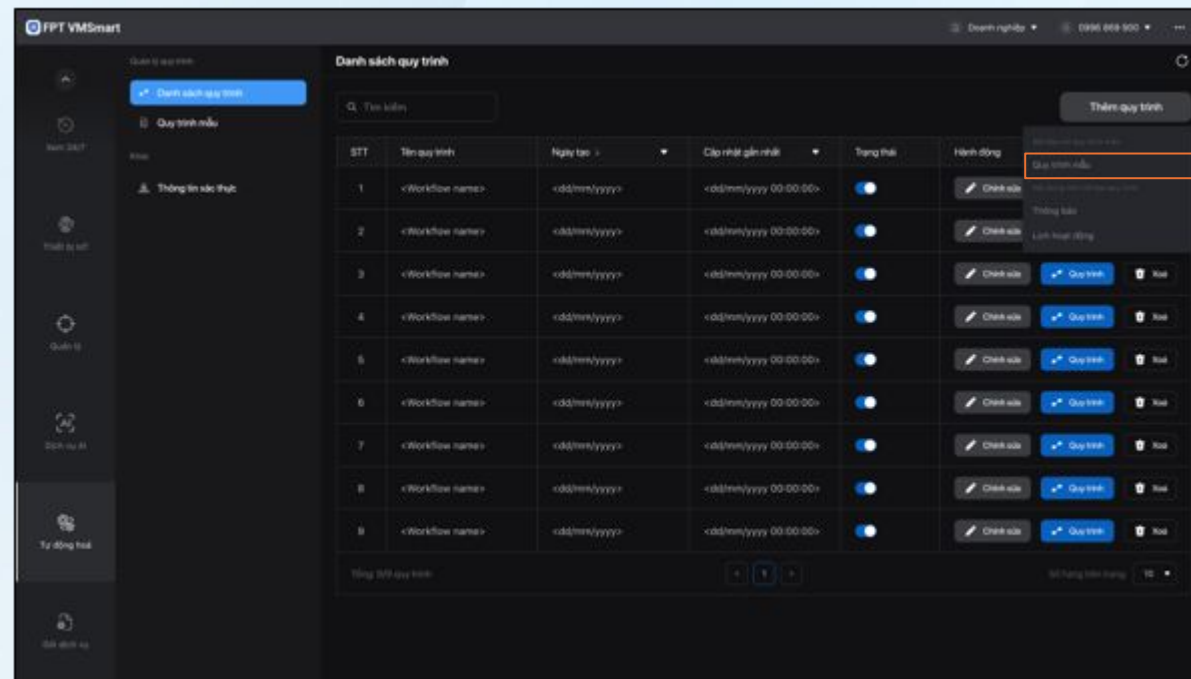
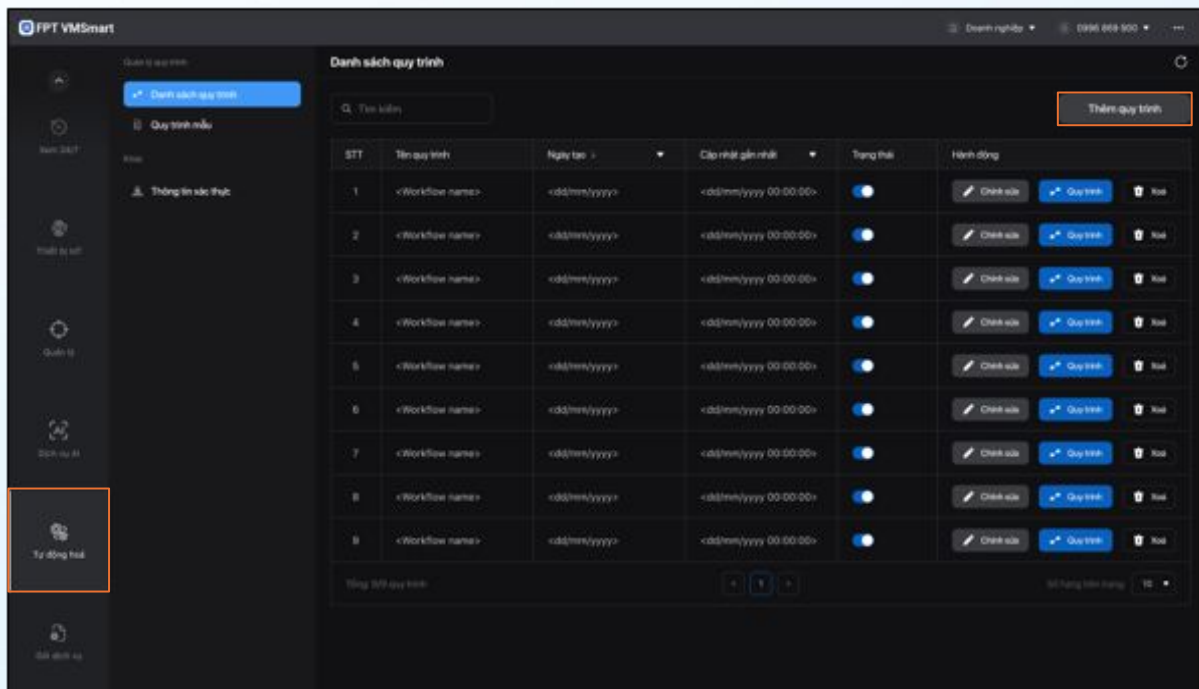
Tổng: 10/105

< 1 2 3 4 5 ... 11 >

Số hàng trên trang: 10

B1: Chọn mục **tự động hóa**
B2: Tại tab danh sách quy trình, nhấn **“thêm quy trình”**

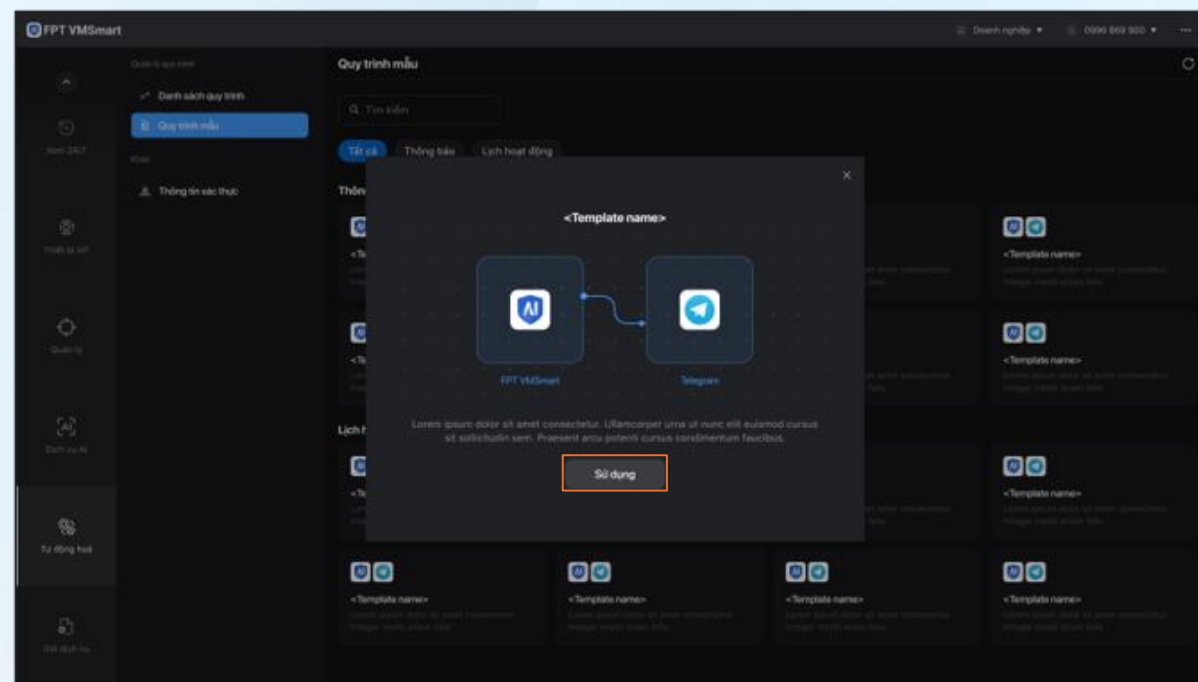
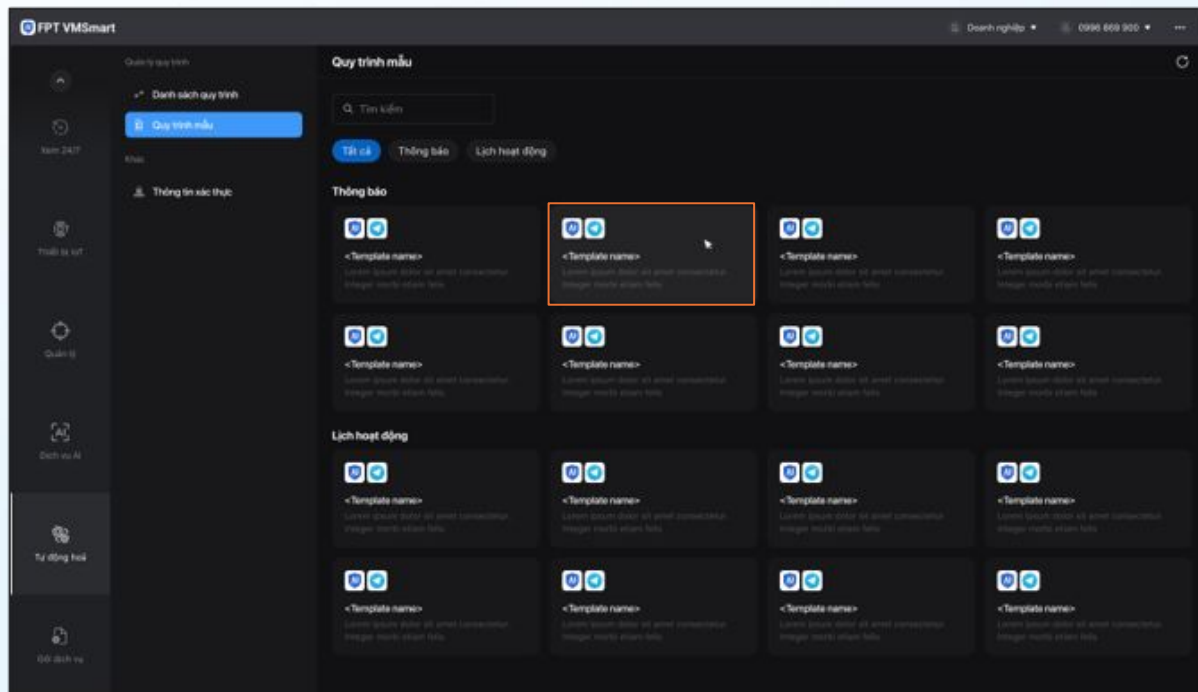
B3: Chọn **“Quy trình mẫu”**



Lưu ý: Chỉ **Owner** và **Administrator** có quyền truy cập vào mục Tự động hóa

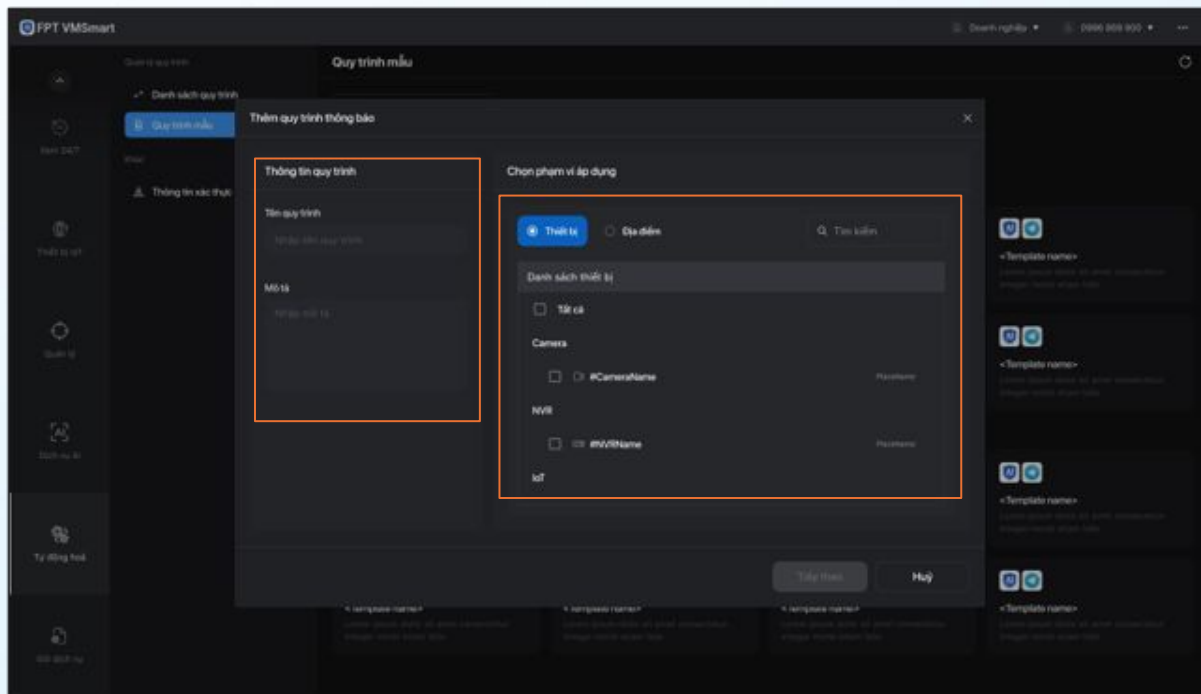
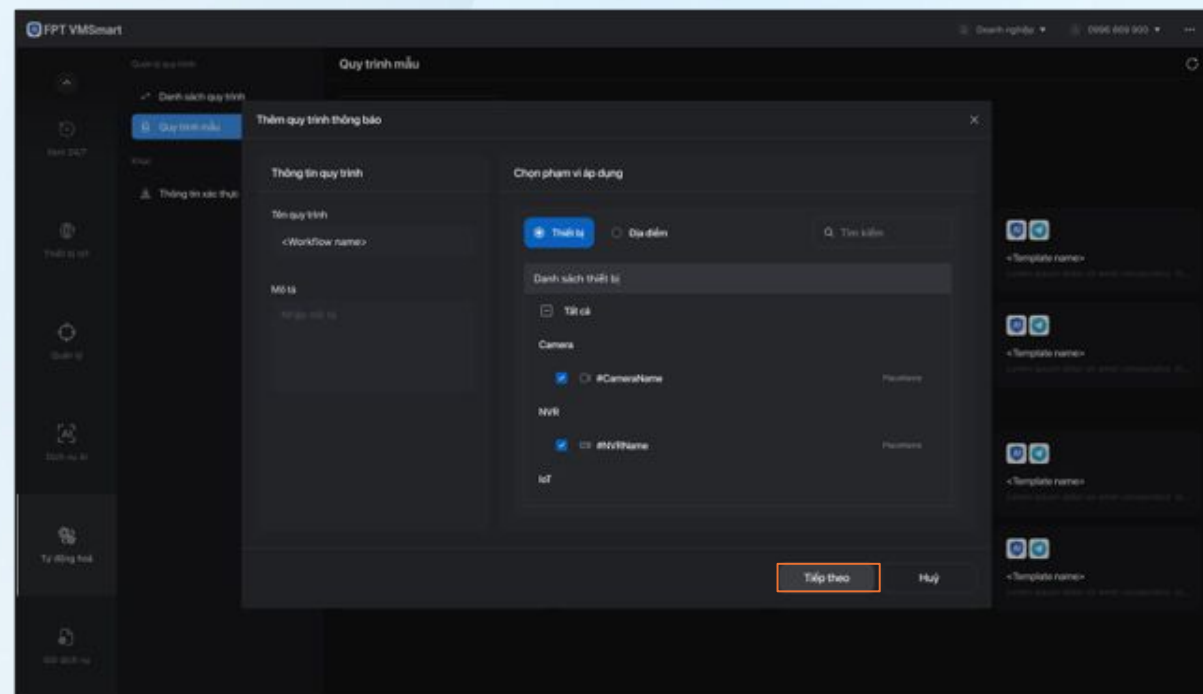
B4: Chọn một quy trình mẫu muốn áp dụng

B5: Nhấn sử dụng



B6: Nhập tên quy trình (buộc) và nhập mô tả
B7: Chọn phạm vi áp dụng: theo thiết bị hoặc địa điểm

B8: Nhấn “Tiếp theo”

B9: Điền các thông tin cần thiết trong node
B10: Nhấn **“Save”**

